TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ: CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG

Địa điểm thực hiện: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2026

TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ: CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG

Địa điểm thực hiện: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 0100108984 - C.T.T.N.H.H - TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG - P. YÊN HOÀ - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Minh Khiêm

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN CƠ SỞ 1
1.1. Tên chủ cơ sở.....1
1.2. Tên cơ sở 1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở 5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư 10
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....12
CHƯƠNG II 28
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG.....28
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 28
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....28
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 29
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 30
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....30
3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 64
3.3. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 66
3.4. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải nguy hại 67
3.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường 69
3.6. Phương pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường 69
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....79
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 79
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 82
5.1.Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....83
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 84
5.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở 84
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..87

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình của cơ sở 87
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....87
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 87
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....91
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....91
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....92
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....92
Chương VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN 94

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Vị trí của cơ sở 2
Hình 1.2. Quy trình sản xuất, tái chế nhựa kèm dòng thải 8
Hình 1.3. Quy trình hoạt động của các cơ sở sản xuất cơ khí 9
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa của CCN 32
Hình 3.2. Vị trí xả nước mưa của dự án 33
Hình 3.3. Vị trí thu gom nước thải công nghiệp.....37
Hình 3.4. Vị trí xả nước thải.....38
Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của CCN Minh Khai mở rộng.....40
Hình 3.6. Giá thể sinh học 42
Hình 3.7. Bể tách dầu mỡ 43
Hình 3.8. Bể keo tụ.....44
Hình 3.9. Bể lắng cấp I 45
Hình 3.10. Bể điều hòa 46
Hình 3.11. Bể hiếu khí.....47
Hình 3.12. Bể lắng 2 48
Hình 3.13. Bể chứa bùn 48
Hình 3.14. Bể khử trùng 49
Hình 3.15. Một số hình ảnh về trạm thiết bị xử lý 50
Hình 3.16. Hình ảnh hiện trạng nhà trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục của cụm công nghiệp.....63
Hình 3.17. Cây xanh trong Cụm công nghiệp 65
Hình 3.18. Kho tập kết rác thải sinh hoạt 67
Hình 3.19. Các thiết bị về PCCC đã lắp đặt tại CNN.....76
Hình 3.20: Sơ đồ ứng phó sự cố tràn rò rỉ hóa chất tại cơ sở 77

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp các hạng mục chính của cơ sở 6
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán 10
Bảng 1.3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của CCN 11
Bảng 1.4. Danh mục hóa chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải 12
Bảng 1.5. Hiện trạng các hộ kinh doanh trong Cụm công nghiệp 12
Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của tuyến cống thoát nước mưa của CCN 31
Bảng 3.2. Lưu lượng nước thải phát sinh tại CCN 34
Bảng 3.3. Thành phần và tính chất nước thải sản xuất và tái chế nhựa của Cụm công nghiệp 35
Bảng 3.4. Thống kê khối lượng thoát nước thải của CCN 37
Bảng 3.5. Bảng thống kê số lượng bể tự hoại đã xây dựng 39
Bảng 3.6: Tổng hợp danh mục thiết bị đã lắp đặt tại trạm xử lý nước thải 49
Bảng 3.7. Thông số các thiết bị chính của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục 52
Bảng 3.8: Thống kê trang thiết bị thu gom CTR sinh hoạt 66
Bảng 3.9. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở 68
Bảng 3.10. Một số sự cố và biện pháp khắc phục đối với máy móc, thiết bị của Trạm XLNT tập trung 73
Bảng 3.11. Các thiết bị PCCC đã lắp đặt 75
Bảng 3.12. Tổng hợp các hạng mục công trình BVMT của Dự án được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt 78
Bảng 4.1. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận 80
Bảng 4.2. Giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung của cơ sở (từ nay đến 31/12/2026) 82
Bảng 4.3 Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở (từ 01/01/2027) 82
Bảng 4.4. Giới hạn đối với độ rung của cơ sở (từ 01/01/2027) 82
Bảng 6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm 87
Bảng 6.2 Thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu chất thải, giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải 88
Bảng 6.3: Chương trình quan trắc để đánh giá hiệu quả của cả công trình xử lý (lấy mẫu nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống) 89
Bảng 6.4. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở 91
Bảng 6.5. Chương trình quan trắc môi trường tự động của cơ sở 92
Bảng 6.6. Dự kiến chi phí quan trắc môi trường hàng năm 92

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
BOD_5	Nhu cầu oxy sinh học 5 ngày
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxi hoá học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRXD	Chất thải rắn xây dựng
GHCP	Giới hạn cho phép
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
QĐ	Quyết định
QC	Quy chuẩn
QHCT	Quy hoạch chi tiết
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TSS	Tổng rắn lơ lửng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
UBND	Ủy ban nhân dân
GPMT	Giấy phép môi trường
XLNT	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên Chủ cơ sở: Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Khiêm

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0100108984 do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 5 năm 2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 7 năm 2025.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618 do UBND tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2014.

1.2. Tên cơ sở

1.2.1. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

1.2.2. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng nằm trên địa bàn xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

- Ranh giới cụ thể của cơ sở được giới hạn như sau: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng với tổng diện tích là 17,25 ha gồm 2 khu:

- Khu 1 nằm về phía Tây của Cụm công nghiệp Minh Khai giai đoạn 1 rộng 7,31 ha.

- Khu 2 nằm về phía Đông nối tiếp với Cụm công nghiệp Minh Khai giai đoạn 1 rộng 9,94 ha.

- Đối với Khu 1:

+ Phía Bắc giáp đường quy hoạch và mương thủy lợi;

+ Phía Nam giáp đất công nghiệp;

+ Phía Đông giáp đất công nghiệp;

+ Phía Tây giáp đất công nghiệp.

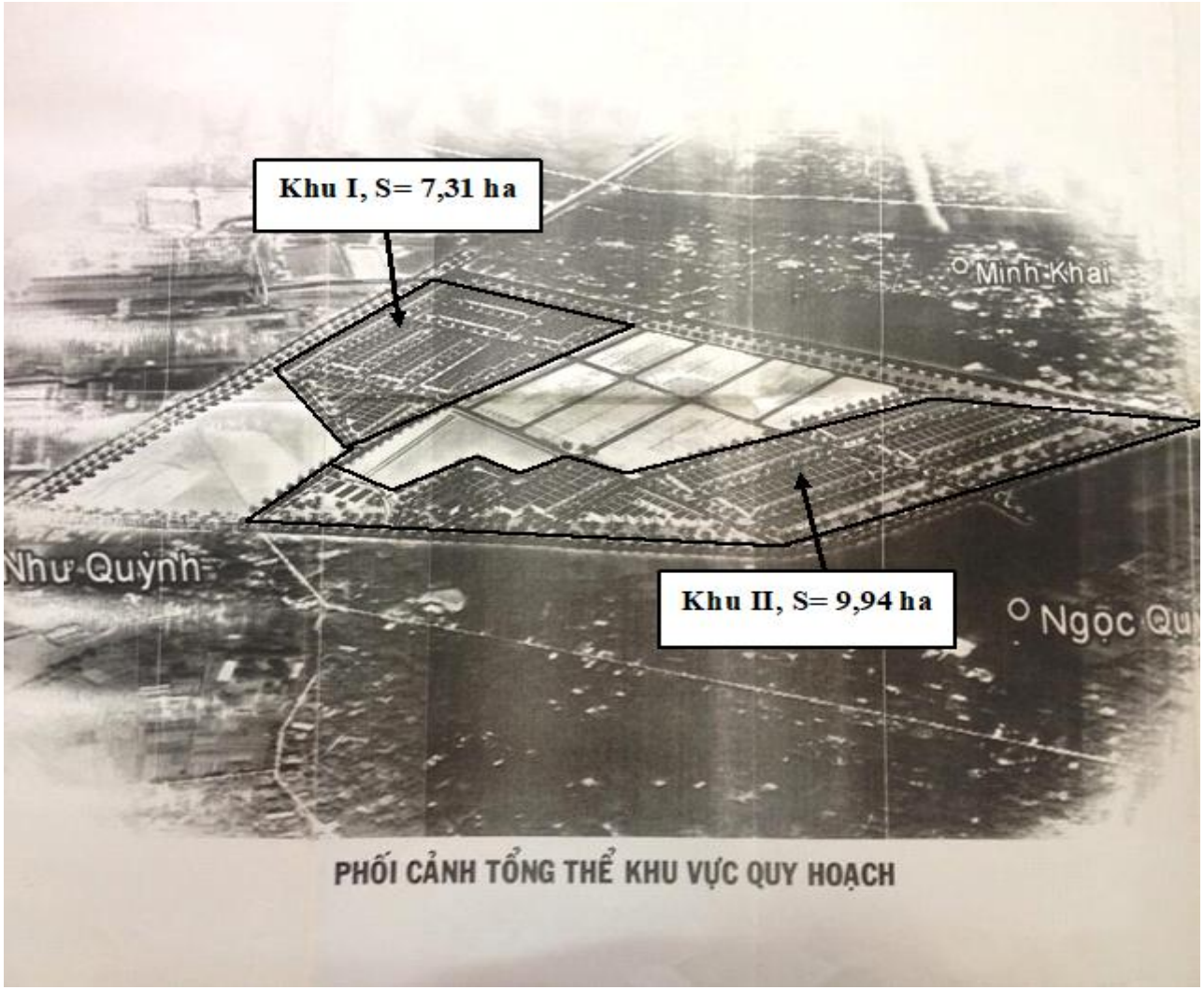
- Đối với Khu 2:

+ Phía Bắc giáp đường quy hoạch và mương thủy lợi;

+ Phía Nam giáp đường quy hoạch;

+ Phía Đông giáp đường quy hoạch;

+ Phía Tây giáp đất công nghiệp.



Hình 1.1: Vị trí của cơ sở

1.2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến cơ sở

a. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến phê duyệt cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MSDN 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký sửa đổi lần thứ 14 ngày 17/07/2025 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 051 01 000 618 chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Biên bản giao đất trên thực địa ngày 22/4/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên, UBND thị trấn Như Quỳnh và Tổng Công ty 319;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chủ trương đầu tư;

- Hợp đồng thuê đất số 210/HĐ-TĐ ngày 07/9/2020, số 03/HĐ-TĐ ngày 11/9/2016 giữa UBND tỉnh Hưng Yên và Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng;

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2449/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 06/9/2017;

- Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất, diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh;

- Văn bản số 1971/TCT319-VP về việc thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 14 của Tổng Công ty;

- Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 1027/KĐ-PCCC-P7 ngày 21/1/2019 của Bộ Công an – Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

- Văn bản số 145/KQKT-SXD ngày 07/3/2019 của Sở Xây dựng – UBND tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2698/GP-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 125/TD-PCCC2015 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hưng Yên;

- Văn bản số 10/NT-PC07 ngày 01/2/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Hưng Yên về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Biên bản kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, sử dụng lao động, quy hoạch, xây dựng, hoạt động điện lực và sử dụng điện của đoàn kiểm tra theo quyết định số 1153/QĐ-UBND và quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

b. Văn bản về môi trường của cơ sở

- Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng;

c. Văn bản liên quan đến công tác thanh kiểm tra hoạt động của cơ sở

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

1.2.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ của cơ sở

+ Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý nước thải tập trung cho các hộ kinh doanh trong cụm công nghiệp và cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật khác.

1.2.5. Quy mô về tổng mức đầu cơ sở theo khoản 1 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

Quy mô về tổng mức đầu tư: 379.307.000.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi chín tỷ, ba trăm linh bảy nghin*) thuộc nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (có tổng mức đầu tư từ 160-3.000 tỷ đồng).

1.2.6. Căn cứ cấp phép môi trường của cơ sở

+ Căn cứ theo khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; tiết a, điểm 1, Mục VII, phần A, phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh lĩnh vực môi trường. Dự án Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

+ Căn cứ Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, Khoản 11 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 và điểm 2, Mục II, phần B, phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh lĩnh vực môi trường=> cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Uỷ ban nhân tỉnh Hưng Yên.

=> Báo báo được thực hiện theo mẫu số 22d báo cáo cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động (Kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của

Bộ nông nghiệp và Môi trường).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất của cơ sở

1.3.1.1 Quy mô cơ sở

- *Quy mô hạ tầng kỹ thuật:*

Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng có tổng diện tích 172.528 m^2 (trong đó: Đất xây dựng nhà xưởng: 95.766 m^2, đất khu kỹ thuật đầu mối: 1570 m^2, đất thương mại dịch vụ 8251 m^2, đất cây xanh 21.275 m^2, đất giao thông 45.486 m^2 (căn cứ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618 ngày 23/01/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Quy mô các doanh nghiệp hiện tại trong Cụm công nghiệp:

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp các hạng mục chính của cơ sở

STT	Nội dung	Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014	Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618	Hiện trạng xây dựng	Ghi chú
		Diện tích đất (ha)	**Diện tích đất (ha)**	**Diện tích đất (ha)**	
1	Đất xây dựng nhà xưởng	9,5766	9,5766	9,5766	Tỉ lệ hoàn thành 100%
2	Đất khu kỹ thuật đầu mối	0,1750	0,1750	0,1750	
3	Đất thương mại dịch vụ	0,8251	0,8251	0,8251	
4	Đất cây xanh	2,1275	2,1275	2,1275	
5	Đất giao thông	4,5486	4,5486	4,5486	
16	**Tổng cộng**	**17,2528**	**17,2528**	**17,2528**	

1.3.1.2. Quy mô các hạng mục công trình chính

a. Khu trung tâm quản lý, điều hành, dịch vụ

Kết hợp sử dụng văn phòng ban Quản lý Cụm công nghiệp Minh Khai giai đoạn I, diện tích 0,36 ha, đảm bảo tỷ lệ đất trung tâm quản lý, điều hành, dịch vụ theo quy chuẩn (≥1%).

Khu đất được đã bố trí các công trình:

- Văn phòng ban quản lý
- Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà để xe
- Sân thể dục thể thao.

b. Khu nhà xưởng

Diện tích 9,5766 ha chiếm tỷ lệ 55,51% diện tích toàn khu đất quy hoạch.

Lô đất nhà xưởng điển hình có quy mô 200 m^2 (10m x 20m).

c. Khu thương mại dịch vụ

Diện tích 0,8251ha chiếm tỷ lệ 4,78% diện tích toàn khu đất quy hoạch. Các lô đất thương mại dịch vụ có diện tích khoảng 200 m^2.

d. Khu cây xanh

Trong phạm vi Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tổng diện tích cây xanh là 2,1275 ha chiếm 12,33% tổng diện tích Cụm công nghiệp mở rộng, bao gồm:

- Dải cây xanh cách ly góp phần giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm từ các nhà máy, xí nghiệp ra các khu vực lân cận, góp phần tạo cảnh quan cho Cụm công nghiệp.

- Diện tích đất cây xanh mở rộng nghĩa trang nhân dân khoảng 1152m^2, để di dời các ngôi mộ nằm rải rác trên cánh đồng thuộc 2 khu.

e. Khu hạ tầng kỹ thuật

Diện tích 0,175 ha chiếm 0,01% diện tích toàn khu đất quy hoạch.

Khu hạ tầng kỹ thuật gồm: Trạm cấp nước và trạm xử lý nước thải, được bố trí ở khu vực địa hình thấp phía Nam của khu 2 phù hợp với hướng dốc địa hình Tây Bắc – Đông Nam.

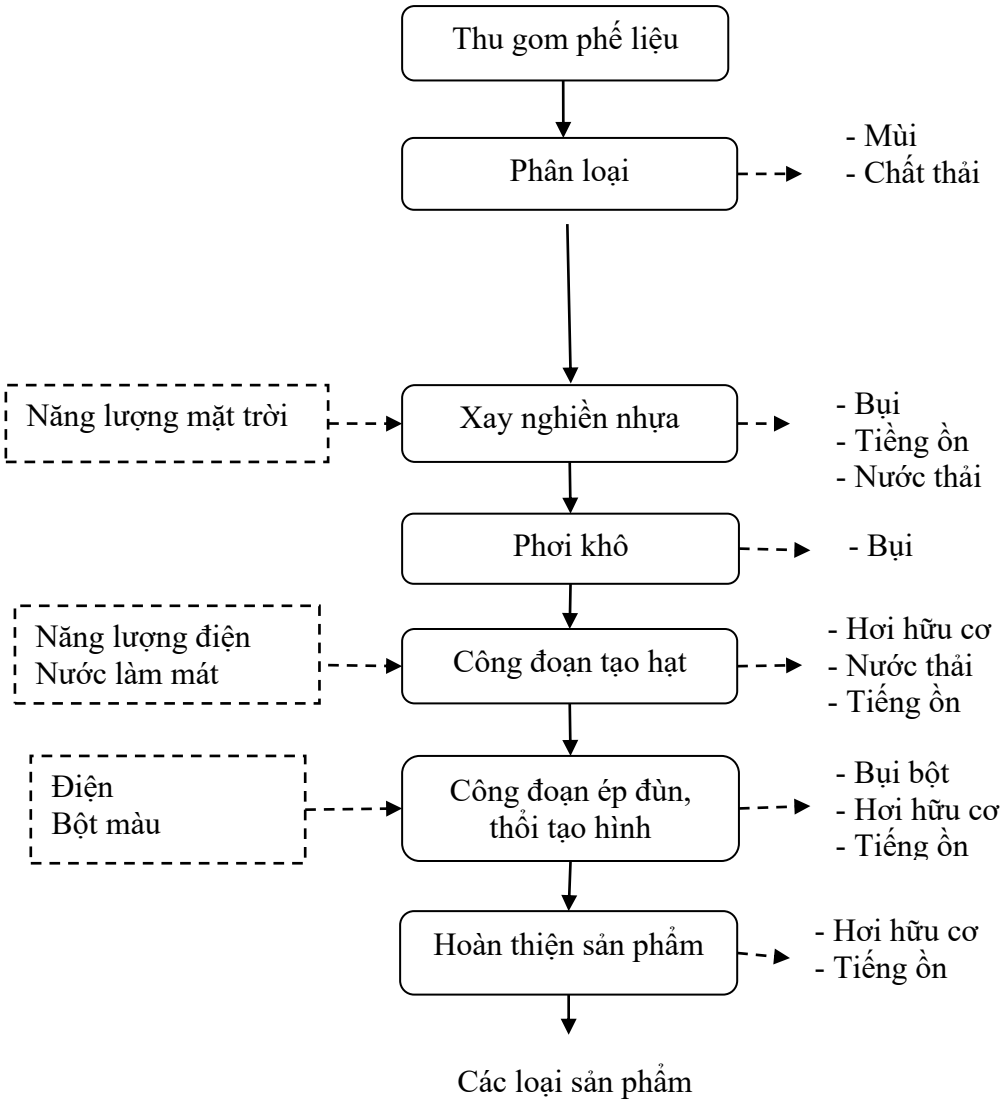
1.3.2 Quy trình công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở

Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng hiện có các lĩnh vực thu hút đầu tư: Sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng, sản xuất và tái chế nhựa.

1.4.4.1. Quy trình sản xuất và tái chế nhựa trong Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng

Các cơ sở sản xuất và tái chế nhựa chiếm khoảng 93 % tại Cụm công nghiệp Minh Khai. Các cơ sở sản xuất này sẽ làm phát sinh chất thải, nước thải, mùi, bụi và tiếng ồn

gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất. Quy trình công nghệ sản xuất và tái chế nhựa của các cơ sở đầu tư sản trong Cụm công nghiệp Minh Khải mở rộng và các nguồn phát sinh chất thải được thể hiện qua hình 1.2 như sau:



Hình 1.2. Quy trình sản xuất, tái chế nhựa kèm dòng thải

Thuyết minh quy trình tái chế nhựa:

Đầu tiên nhựa phế liệu được thu mua về từ khắp các tỉnh thành. Sau đó chúng được phân loại thủ công dựa trên kinh nghiệm của người thợ. Quá trình này làm phát sinh chất thải và mùi từ các chất hữu cơ đang phân hủy.

Phế liệu nhựa được đưa vào máy nghiền nhựa, công đoạn xay nghiền nhựa phát sinh một lượng lớn nước thải, bụi và tiếng ồn.

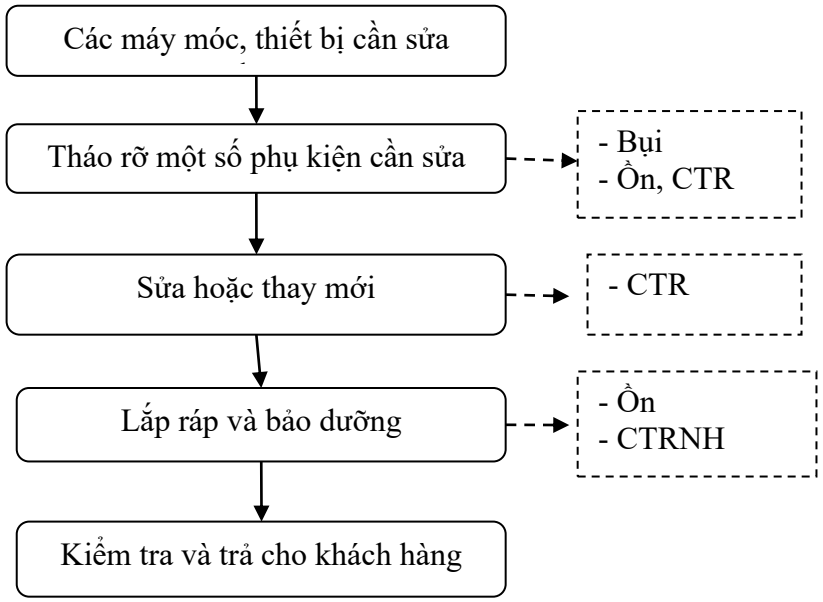
Nhựa đi ra khỏi máy xay sẽ được đưa đi làm khô tự nhiên bằng cách phơi trên sân phơi của cơ sở, Quá trình phơi khô làm phát sinh bụi. Sau công đoạn phơi khô, nhựa

nguyên liệu được nạp vào phễu nạp nhiên liệu, được trục vít đẩy vào bộ phận gia nhiệt nấu chảy, sau đó đùn thành các dây nhựa, các dây nhựa tiếp tục được làm lạnh và cắt thành hạt. Quá trình này sử dụng năng lượng điện và nước làm mát làm phát sinh nước thải, hơi hữu cơ và tiếng ồn.

Công đoạn ép đùn, thổi tạo hình để hoàn thiện sản phẩm có sử dụng bột màu, máy nén nên làm phát sinh bụi bột, hơi hữu cơ và tiếng ồn.

1.4.4.2. Quy trình hoạt động của các cơ sở sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại trong Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Các cơ sở sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại chiếm khoảng 2% trong cụm công nghiệp, chủ yếu là sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất của các cơ sở sản xuất trong 2 khu của Cụm công nghiệp và các dịch vụ kinh doanh nhà hàng ăn uống phục vụ chủ yếu cho Cụm công nghiệp vì vậy các cơ sở này chủ yếu phát sinh tiếng ồn, chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị; nước thải từ các nhà hàng. Chủ đầu tư sẽ không tiếp nhận các dự án sản xuất cơ khí có công đoạn tẩy rửa, mạ vì vậy mục tiêu sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại khi đi vào hoạt động trong Cụm công nghiệp sẽ chỉ phát sinh nước thải có tính chất tương tự nước thải nhà bếp chứa nhiều dầu mỡ và các chất tẩy rửa. Quy trình hoạt động và các nguồn phát sinh chất thải của các cơ sở sản xuất cơ khí trong Cụm công nghiệp được trình bày qua bảng 1.3 như sau:



Hình 1.3. Quy trình hoạt động của các cơ sở sản xuất cơ khí

Thuyết minh quy trình:

Mục tiêu của các cơ sở sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại trong Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng chủ yếu là sửa chữa cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất của

các cơ sở sản xuất trong 2 khu của Cụm công nghiệp.

Các máy móc, thiết bị sản xuất cần sửa chữa được đưa về khu vực nhà xưởng cơ khí. Đầu tiên là công đoạn tháo dỡ, kiểm tra một số những phụ kiện cần sửa, tại công đoạn này có phát sinh bụi tiếng ồn và chất thải rắn sản xuất. Những phụ kiện có thể được sửa chữa hoặc thay mới, công đoạn này phát sinh chất thải rắn sản xuất. Tiếp đó là công đoạn lắp ráp và bảo dưỡng máy móc, thiết bị ở công đoạn này phát sinh tiếng ồn và chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải). Các máy móc, thiết bị sau khi được sửa chữa sẽ được kiểm tra và trả cho khách hàng.

1.4.4.3. Quy trình hoạt động của các cơ sở sử đụng đất làm kho bãi.

Các cơ sở sử dụng đất làm kho bãi chiếm 5%, do chỉ chứa hàng hóa nên không ảnh hưởng đất môi trường.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Là hệ thống hạ tầng kỹ thuật điện, đường, nước, dịch vụ xử lý nước thải để phục vụ các hộ kinh doanh sản xuất.

- Sản phẩm đầu ra của cơ sở là nước thải sau xử lý, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT – Cột A, với hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,1 – trước khi xả ra môi trường. Từ ngày 01/01/2032, cơ sở áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2025/BTNMT – Cột A – đối với nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nước

a. Nguồn cấp nước

- Cụm công nghiệp sử dụng nước giếng khoan.

- Hiện nay các hộ kinh doanh trong Cụm công nghiệp đang khai thác nước ngầm để sử dụng.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho sản xuất của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo tính toán được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m^3/ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân	4.380 người	40l/người.ngày	175,2
2	Nước cấp cho công nghiệp	10,40 ha	22 m^3/ha.ngày	228,8

3	Nước cấp đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,18 ha	12 m^3/ha.ngày	2,16
4	Nước tưới rửa đường	4,55 ha	5 m^3/ha.ngày	22,75
5	Tưới cây,cỏ	2,13 ha	3 lít/m^2.ngày	63,9
6	Dự phòng, rò rỉ		15%Q	73,92
A	***Lưu lượng ngày trung bình***	***Q_{tb}=566,73 m^3/ngày***		
B	***Lưu lượng ngày lớn nhất***	***$Q_{max}= Q_{tb}*K_{ngày}$=566,73x1,2= 680 m^3/ngày***		

- Nhu cầu sử dụng thực tế: Theo khảo sát của Ban quản lý cụm công nghiệp hiện tại trong Cụm công nghiệp có 311 hộ kinh doanh, trong đó có 298 hộ sử dụng nước, mỗi hộ khoảng 1m^3/ngày.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

a. Nguồn cấp

Có 2 tuyến lộ 22KV rẽ từ tuyến 22KV trong hành lang lưu không đường điện ở phía Bắc khu đất dẫn vào cấp cho Cụm công nghiệp Minh Khai giai đoạn I. Các trạm hạ thế 22KV/0,4KV trong khu vực hầu hết là trạm biến áp treo.

b. Nhu cầu sử dụng điện

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của CCN

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	T.chuẩn cấp điện (kW/ha)	Hệ số sử dụng (Ks)	Công suất năm (kW)
1	Đất xây dựng nhà xưởng	9,5766	250	0,8	1.915,32
2	Đất thương mại dịch vụ	0,8251	150	1,0	123,765
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,1750	100	1,0	17,5
4	Đất cây xanh	2,1275	10	1,0	21,275
5	Đất giao thông	4,5486	10	1,0	45,486
Tổng cộng					**2.123,346**

Như vậy, nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho Cụm công nghiệp đi vào hoạt động ước tính khoảng **2.123,346 kw/ năm.**

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của Dự án

- Nhu cầu sử dụng hóa chất: Dự án sử dụng các loại hóa chất phục vụ cho hoạt động của trạm xử lý nước thải:

Bảng 1.4. Danh mục hóa chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải

TT	Hóa chất	Liều lượng vận hành ổn định (g/m^3)	Khối lượng sử dụng (kg/ngày)
1	Clorin bột (NaOCl)	5	2
2	Chất dinh dưỡng	5	2
3	PAC	50	20

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

- Cụm công nghiệp hiện tại có 311 hộ kinh doanh, trong đó 9 hộ sử dụng đất làm kho bãi, 6 hộ làm cơ khí, 296 hộ tái chế nhựa.
- Hiện tại các hộ đều chưa thực hiện đấu nối nước thải về trạm tập trung.
- Danh sách các hộ và hiện trạng hoạt động trong Cụm công nghiệp như sau:

Bảng 1.5. Hiện trạng các hộ kinh doanh trong Cụm công nghiệp

TT	Số lô	Tên KH trên HĐ ký	Phân lô	Số lô	Loại hình sản xuất	Tên hộ sản xuất/ công ty
A	B	C	E	F		
		KHU 1				
		CỘNG CN1				
1	CN1-01	Phùng Văn Đính	CN1	01	Sản xuất túi nilon, túi bọc cây	Hộ kinh doanh Phùng Văn Đính
2	CN1-02-03	Đinh Thị Dinh (thông gia nhà Dũng)	CN1	02-03	Phân phối các sản phẩm dùng 1 lần, cốc, ống hút, màng co,…	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kiên Giang
3	CN1-04	Nguyễn Văn Dũng	CN1	04	Phân phối các sản phẩm dùng 1 lần, cốc, ống hút, màng co,…	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Dũng
4	CN1-05	Nguyễn Minh Phụng	CN1	05	Sản xuất túi xốp (nhựa nguyên sinh)	Công ty TNHH Hoàng Ngọc
5	CN1-06	Nguyễn Văn Tiến	CN1	06	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tiến
6	CN1-07	Phùng Minh Chinh	CN1	07	Sản xuất túi nilong PE (tái sinh, nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Minh Chinh
7	CN1-08-09	Phùng Văn Quốc	CN1	08-09	Sản xuất dây khâu, dây buộc nilong (tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Quốc
8	CN1-10	Nguyễn Đình Công	CN1	10	Xay nhựa	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thỏa
9	CN1-11	Đinh Minh Tâm	CN1	11	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Minh Tâm
10	CN1-12	Trần Quốc Hùng	CN1	12	Cơ khí Minh Hùng	Cơ khi Minh Hùng
11	CN1-13	Phùng Văn Tiến	CN1	13	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Tiến

12	CN1-14	Nguyễn Thị Dung	CN1	14	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh) ,tạo DC	Hộ kinh doanh Đinh Văn Vĩ
13	CN1-15,16,17	Nguyễn Văn Tình	CN1	15,16,17	Sản xuất hạt nhựa PVC (nguyên sinh, tái sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Khoa
14	CN1-18	Phùng Đức Hanh	CN1	18	Sản xuất túi nilon	Hộ kinh doanh Phùng Đức Thịnh
	-	**CỘNG TMDV**				
15	TMDV-01	Nguyễn Thị Hưng	TMDV	01	Trạm cân	
16	TMDV-02	Nguyễn Thị Thiện	TMDV	02	Xay nhựa, cung cấp nguyên liệu về nhựa	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thiện
17	TMDV-03-04-27-28	Phùng Minh Sơn	TMDV	03-04-27-28	Sản xuất thổi màng HDPE, PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Nhựa Thế Vinh (thuê lại)
18	TMDV-05	Nguyễn Thị Phương Thảo	TMDV	05	kho bãi chứa hàng nhựa	Công ty TNHH nhựa Tường An MK (thuê làm kho)
19	TMDV-06	Đào Thị Tuyết Hạnh	TMDV	06	Cơ khí sửa chữa máy móc Việt Anh	Cơ khí Việt Anh
20	TMDV-07-08	Nguyễn Thị Hồi	TMDV	07-08	Sản xuất túi nilong PE , tạo lại DC (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồi
21	TMDV-09	Đinh Thị Thiệu	TMDV	09	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Thiệu
22	TMDV-10	Đinh Thị Viên	TMDV	10	Sản xuất hạt nhựa PP	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất nhựa Như Tiền
23	TMDV-11-12	Đinh Văn Tải	TMDV	11-12	Để trống không sản xuất	Công ty TNHH Nhựa Đức Huy
24	TMDV-13	Nguyễn Long Duẩn	TMDV	13	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Công Hùng (thuê lại)
25	TMDV-14	Nguyễn Thị Bích Đào	TMDV	14	Sản xuất thanh nhựa HDPE,PP (tái sinh)	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Hùng
26	TMDV-15	Nguyễn Thị Ngọc	TMDV	15	Sản xuất ống nhựa HDPE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Hùng
27	TMDV-16	Phùng Văn An	TMDV	16	Sản xuất linh kiện nhựa điện tử HDPE, PVC (nguyên sinh)	Công ty TNHH Nhựa Hoàng Giang
28	TMDV-17	Phùng Tuấn Anh	TMDV	17	Dịch vụ bán hàng đồ gia dụng	Hộ kinh doanh Phùng Tuấn Anh
29	TMDV-18	Lê Văn Điều	TMDV	18	Cơ khí sửa chữa máy móc tạo nhựa	Hộ kinh doanh Cơ khí Nhung Luật
30	TMDV-19	Nguyễn Đức Toan	TMDV	19	Sản xuất túi nilong ,tạo lại DC (PE PP tái sinh)	Nguyễn Đức Toan
31	TMDV-20	Đặng Thị Thược	TMDV	20	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Công ty TNHH Hoàng Ngọc

32	TMDV-21	Đinh Thị Mỹ	TMDV	21	sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nhựa Hưng Nhắn
33	TMDV-22	Nguyễn Đắc Nghị	TMDV	22	Sản xuất túi nilong HDPE (nguyên sinh, tái sinh)	Công ty TNHH bao bì TK Plastic
34	TMDV-23	Nguyễn Bình Dương	TMDV	23	Sản xuất hạt từ hàng DC (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Tá Khánh
35	TMDV-24	Nguyễn Văn Quỳnh	TMDV	24	sản xuất màng cuộn, túi nilong,	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Quỳnh
36	TMDV-25	Hoàng Đức Hiệp	TMDV	25	Sản xuất túi nilong (nguyên sinh) ,Tạo hạt từ hàng DC, PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Hoàng Đức Hiệp
37	TMDV-26	Nguyễn Khắc Chuyển	TMDV	26	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Phùng Thị Hiền thuê lại
38	TMDV-29	Trần Thị Hiền	TMDV	29	Sản xuất Cốc nhựa PP (hàng nguyên sinh)	Công ty TNHH B&B (thuê lại)
39	TMDV-30	Trần Thị Hiền	TMDV	30	Sản xuất Cốc nhựa PP (hàng nguyên sinh)	Công ty TNHH B&B (thuê lại)
40	TMDV-31	Phùng Minh Khương	TMDV	31	Sản xuất tạo hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Minh Khương
	-	**CỘNG CN3**				
41	CN3-01-02-03-04	Phùng Hữu Tài	CN3	01-02-03-04	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Tấn Tài
42	CN3-05	Phùng Thị Hằng	CN3	05	Cơ khí sửa chữa máy móc	Hộ kinh doanh cửa hàng máy nhựa Dân Việt Phát
43	CN3-06	Đinh Văn Tuấn	CN3	06	sản xuất hạt nhựa PE,PP,HDPE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Công Tân 1993
44	CN3-07	Nguyễn Thị Minh Sao	CN3	07	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH nhựa Gia Huy Hưng Yên (thuê lại)
45	CN3-08-09-10-11	Nguyễn Văn Túy	CN3	08-09-10-11	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Havy Hoàng Thu
46	CN3-12-13	Nguyễn Văn Đạt	CN3	12-13	Sản xuất màng cuộn PE (tái sinh, nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đạt
47	CN3-14	Phùng Văn Diễn	CN3	14	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sơn
48	CN3-15	Nguyễn Thị Lý	CN3	15	Tạo hạt từ hàng PE,DC (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lý (thuê lại)
49	CN3-16	Đinh Văn Lực	CN3	16	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Lực My
50	CN3-17	Nguyễn Trung Hiếu	CN3	17	sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Triệu

51	CN3-18-19	Phùng Đức Tiến	CN3	18-19	Sản xuất màng cuộn nilong PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Bảo Phát HY
		CỘNG CN4				
52	CN4-01	Phùng Thị Hương	CN4	01	sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Trần Đắc Chí
53	CN4-02	Phùng Thị Mỹ	CN4	02	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Thị Mỹ
54	CN4-03-04	Nguyễn Thị Loan	CN4	03-04	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất nhựa Như Tiền
55	CN4-05	Đinh Văn Thiều	CN4	05	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Thiều
56	CN4-06-07	Phùng Xuân Lộc	CN4	06-07	Xay nhựa, sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH Hưởng Lộc
57	CN4-08	Phùng Đức Tuấn	CN4	08	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Tiến Dĩnh (thuê lại)
58	CN4-09	Nguyễn Thị Thanh Tâm	CN4	09	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Trần Văn Thành
59	CN4-10	Phùng Thị Sữa	CN4	10	Xay nhựa	Công ty TNHH PVH Minh Quân
60	CN4-11	Nguyễn Ích Hoằng	CN4	11	Sản xuất túi nilong PP, PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Nhựa Bảo Châu
61	CN4-12	Phùng Ngọc Huynh	CN4	12	Sản xuất túi nilong PP (nguyên sinh) , dây buộc dây khâu nilong (Tái sinh)	Công ty TNHH Nhựa Tài Lộc
62	CN4-13	Đinh Văn Đính	CN4	13	sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Đính 1985
63	CN4-14	Nguyễn Thị Thoan	CN4	14	Tạo hạt từ hàng PP trắng (tái chế)	Cơ sở sản xuất Tăng Tiến
	-	**CỘNG CN5**				
64	CN5-01-02-03-04-24-25-26-27-28	Phùng Minh Sơn	CN5	01-02-03-04-24-25-26-27-28	Sản xuất Cốc nhựa PP (hàng nguyên sinh)	Công ty TNHH B&B
65	CN5-05-06-07	Phùng Tiến Đắc	CN5	05-06-07	Sản xuất thùng chứa sơn (nguyên sinh)	Công ty TNHH SX và TM Đắc Lực Minh Sơn
66	CN5-08	Đinh La Giang	CN5	08	Sản xuất túi nilong PE (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thoan

67	CN5-09	Vũ Hà Giang	CN5	09		
68	CN5-19-20	Nguyễn Xuân Khương	CN5	19-20	sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Khương
69	CN5-10	Nguyễn Thị Huệ	CN5	10	kho bãi chứa hàng nhựa	Cơ sở kinh doanh Trần Duy Luận (thuê lại)
70	CN5-11-12	Trần Duy Luận	CN5	11-12	Sản xuất túi nilong PE (tái sinh)	Công ty TNHH Nhựa Ngọc Lâm
71	CN5-13	Đinh Văn Hội	CN5	13	sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thoan(thuê lại)
72	CN5-14,15	Đinh Văn Hội	CN5	14,15	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Quang Duy (thuê lại)
73	CN5-16	Đào Mai Anh	CN5	16	Cơ khí sửa chữa máy móc máy gia công về nhựa	Cơ khí Trọng Tuyết
74	CN5-17	Nguyễn Văn Trịnh	CN5	17	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Tuấn Trang
75	CN5-18	Phan Thị Hương	CN5	18	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Phan Thị Hương 1965
76	CN5-21	Nguyễn Thị Thương	CN5	21	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thương
77	CN5-22-23	Nguyễn Văn Sang	CN5	22-23	Sản xuất túi nilong (nguyên sinh)	Cơ sở sản xuất Sang Thủy
	-	**CỘNG CN6**				
78	CN6-01,28	Phùng Văn An	CN6	01,28	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nhựa Thành Hằng
79	CN6-02	Nguyễn Thị Hải Hà	CN6	02	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị hải Hà
80	CN6-03,04	Chu Quang Nhị	CN6	03,04	sản xuất dây khâu , dây buộc nilong PP (tái sinh)	Hộ kinh doanh Chu Quang Nhị
81	CN6-05-06	Đinh Văn Thuận	CN6	05-06	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh xưởng sản xuất tái chế hạt nhựa HDPE, PE Thuận Linh
82	CN6-07	Đào Thị Loan	CN6	07	Tạo khô, tạo ướt từ hàng PE	Hộ kinh doanh Đặng Thị Bé
83	CN6-08-09	Nguyễn Trường Sơn	CN6	08-09	Sản xuất túi nilon (hàng sạch)	Nguyễn Trường Sơn (Công ty TNHH Trường Phát ECO)
84	CN6-10-11	Nguyễn Văn Cường	CN6	10-11	Xay nhựa	Công ty TNHH TM DVSX Đức Anh
85	CN6-12,13	Phùng Văn Toàn	CN6	12,13	Sản xuất túi màng, túi (tái sinh)	Họ kinh doanh Phùng Văn Toàn
86	CN6-14,15	Phùng Thế Tài	CN6	14,15	sản xuất màng cuộn (hàng sạch)	Công ty TNHH SX&TM Tài Phát
87	CN6-16-17	Nguyễn Tiến Lâm	CN6	16-17	Thổi túi nilong (hàng sạch)	Hộ kinh doanh Nguyễn Tiến Lâm

88	CN6-18,19	Đinh Thị Hái	CN6	18,19	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Xuân Ảnh
89	CN6-20-21	Phùng Văn Vinh (Tuấn Huyền thuê ô 21)	CN6	20-21	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nhựa Phùng Văn Vinh , Tuấn Huyền
90	CN6-22-23	Nguyễn Thị Chà	CN6	22-23	Thổi chai nhựa (hàng sạch)	Hộ kinh doanh Đạt Ngọc Phát
91	CN6-24-25-26	Vũ Thị Lan	CN6	24-25-26	Thổi Túi từ nhựa nguyên sinh, Tạo hạt lại từ quai túi thừa	Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ thương mại nhựa Hương Trang
92	CN6-27	Đinh Văn Trọng	CN6	27	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở SX và TM Trọng Trang
	-	**CỘNG CN7**				
93	CN7 - 01,02,03,04,05	Đinh Tuấn Anh	CN7	01,02,03,04,05	Sản xuất túi nilong PP (hàng sạch)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại dịch vụ nhựa PP
94	CN7 - 06	Lê Thị Bắc, (Phùng Thị Thùy Linh Thuê lại)	CN7	06	Sản xuất túi nilon , găng tay , màng cuộn (hàng sạch)	Công ty TNHH Thương mại sản xuất bao bì TTC
95	CN7 - 07	Lê Thị Bắc (Phan Thị Thơm thuê lại) , Phùng Thị Thùy Linh	CN7	07	Sản xuất túi nilon , găng tay , màng cuộn (hàng sạch)	Hộ kinh doanh sản xuất nhựa Phan Thị Thơm
96	CN7 - 08	Phùng Văn Vinh	CN7	08	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nhựa Dũng Hưng Yên
97	CN7 - 09-10-11-12	Công ty TNHH nhựa thái sơn Hưng Yên	CN7	09-10-11-12	Sản xuất dây đai, dây buộc nhựa PET (tái sinh,nguyên sinh)	Công ty TNHH nhựa Thái Sơn Hưng Yên
98	CN7 - 13-14-15-16-17-18	Công ty TNHH thương mại tổng hợp và sản xuất Tuấn Đạt	CN7	13-14-15-16-17-18	Thổi chai nhựa, nắp nhựa (hàng sạch)	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp và Sản xuất Tuấn Đạt
	-	**CỘNG CN8**				
99	CN8-01,2.1,2.2,03,04,22	Cty TNHH Mạnh Tùng	CN8	01,2.1,2.2,03,04,22	Thổi cuộn và túi nilong (nguyên sinh)	Công ty TNHH Mạnh Tùng
100	CN8-05-06	Vũ Thị Quỳnh (Hoàng Anh Thuê lại)	CN8	05-06	Tạo khô từ hàng PET (tái chế)	Công ty TNHH Nhựa Hoàng Kim Hưng Yên

101	CN8-07	Nguyễn Văn Thao	CN8	07	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Tuấn 1973
102	CN8-08	Nguyễn Văn Đạt	CN8	08	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đạt
103	CN8-09-17	Nguyễn Thị Chà (Nguyễn V Hoàng thuê)	CN8	09-17	làm kho bãi để hàng balet nhựa, kho chứa hàng nhựa	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hoàn
104	CN8-12,13.1	Phùng Hữu Văn	CN8	12,13.1	Thổi túi màng, túi (hàng sạch), hàng tái chế	Hộ Kinh Doanh Phùng Hữu Văn
105	CN8-14	Phùng Văn Lực	CN8	14	Sản xuất túi nilong PP (nguyên sinh)	Công ty TNHH Xuân Quê Plastic
106	CN8-11-15	Nguyễn Tiến Dũng	CN8	11-15	Thổi Sợi (hàng sạch)	Công TNHH Sản xuất thương mai Đức Đạt Hưng Yên
107	CN8-10-16	Nguyễn Tiến Sỹ	CN8	10-16	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Tiến Sỹ
108	CN8-13.2	Phùng Văn Lực	CN8	13.2	Tạo khô, xay hàng	Phùng Văn Lực
109	CN8-18	Dương Văn Quang	CN8	18	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Dương Văn Quang
110	CN8-19	Nguyễn Công Toan	CN8	19	Xay nhựa	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thêu
111	CN8-20-21	Đinh Văn Hùng	CN8	20-21	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Lâm (thuê)
	-	**CỘNG CN9**				
112	CN9-01,2.1,22	Phùng Đức Hưng	CN9	01,2.1,22	Thổi túi nilong (hàng nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Đức Hưng (nay ra)
113	CN9-2.2,03	Phùng Gia Khánh	CN9	2.2,03	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Trương Thị Tuyết
114	CN9-04-05-06	Nguyễn Văn Hiếu	CN9	04-05-06	Tạo hạt từ hàng PE, DC (tái chế)	Nguyễn Văn Hiếu
115	CN9-07	Đinh Văn Tuân	CN9	07	Thổi túi nilong (hàng sạch)	Cơ sở sản xuất nhựa Quang Minh (thuê lại)
116	CN9-08	Đinh Quang Thế	CN9	08		
117	CN9-09	Đinh Văn Thắng	CN9	09	Thổi túi nilong	Công ty TNHH Bình Thuận plastic thuê đến tháng 7
118	CN9-10-11	Phùng Thị Đức Thảnh	CN9	10-11	Tạo khô từ hàng PE (tái chế)	Phùng Ngọc Minh thuê lại
119	CN9-12,13.2	Phùng Thế Tài	CN9	12,13.2	Thổi cuộn màng (hàng sạch)	Công ty TNHH SX&TM Tài Phát
120	CN9-13.1-15-16	Đinh Văn Cường (Ngọc Phương thuê lại)	CN9	13.1-15-16	Thổi màng bọc cây (hàng sạch)	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại bao bì Ngọc Phương

121	CN9-14	Đinh Văn Cường	CN9	14	Thổi màng, túi nilong (hàng sạch+nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Cường
122	CN9-17-18	Phùng Văn Hiếu	CN9	17-18	Thổi túi nilong (hàng sạch)	Hộ Kinh doanh Phùng Văn Hiếu
123	CN9-19-20-21	Nguyễn Thọ Khang	CN9	19-20-21	Thổi túi nilong (hàng nguyên sinh)	Công ty TNHH Hoàng Anh Plastic
	-	**CỘNG CN10**				
142	CN10-01,02,03	Đinh Văn Lực	CN10	01,02,03	Bị cháy tạm thời ngừng hoạt động	
143	CN10-04	Phùng Thị Thanh	CN10	04	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Cơ sở sản xuất nhựa Đảm Hòa (thuê lại)
144	CN10-05-06-07-08	Nguyễn Văn Quảng	CN10	05-06-07-08	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Nguyễn Văn Quảng
145	CN10-09-10	Đinh Xuân Đạt	CN10	09-10	Thổi màng bọc cây (hàng tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Xuân Đạt
	-	**KHU II**				
	-	**CỘNG CN11**				
146	CN11-01,32	Phùng Danh Tuyên	CN11	01,32	Thổi màng bọc nông nghiệp (nhựa nguyên sinh, tái sinh)	Công ty TNHH TM&SX Nhựa Quang Minh
147	CN11-02-03	Phùng Văn Tùng	CN11	02-03	Thổi túi nilong (nhựa nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Tùng
148	CN11-04	Nguyễn Thị Thơm (ngyễn ngọc hân Thuê lại)	CN11	04	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Phạm Thị Ngọc Hân
149	CN11-05	Nguyễn Thị Thơm	CN11	05	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thơm
150	CN11-06-07	Nguyễn Văn Dự	CN11	06-07	Thổi màng , găng tay (hạt nguyên sinh)	Công ty TNHH Bao bì nhựa Gia Hưng
151	CN11-08-09	Nguyễn Thị Thêu	CN11	08-09	Xay nhựa từ hàng nhựa PET (khay điện tử)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thêu
152	CN11-10	Đỗ Thị Ngọc	CN11	10	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Bùi Mạnh Hoàng 1982 (thuê lại)
153	CN11-11	Phùng Văn Bình	CN11	11	Thổi túi nilong (nhựa nguyên sinh, tái sinh)	Hộ Kinh donah Phùng Văn Phúc thuê lại
154	CN11-12-13	Nguyễn Văn Quy	CN11	12-13	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Quy
155	CN11-14	Phùng Văn Quyết	CN11	14	Tạo khô từ hàng PP,PE (tái chế)	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nhựa Quyết Chung

156	CN11-15	Đinh Ngọc Tú	CN11	15	Sản xuất túi nilong	Hộ kinh doanh Đinh Ngọc Tú)
157	CN11-16-17	Nguyễn Thế Anh	CN11	16-17	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Quyên Plastic
158	CN11-18	Nguyễn Đình Đạt	CN11	18	Tạo khô từ hàng PE, ép và thổi chai nhựa	Công ty TNHH Nhựa Đạt Phát
159	CN11-19	Bùi Ngọc Đảo	CN11	19	Tạo khô từ hàng PE, ép và thổi chai nhựa	Công ty TNHH Nhựa Đạt Phát (thuê lại chị gái)
160	CN11-20-21	Nguyễn Văn Cường	CN11	20-21	xay hàng khô nhựa PET	Công ty TNHH TM DVSX Đức Anh
161	CN11-22-23-24	Nguyễn Đức Nam	CN11	22-23-24	Sản xuất hạt nhựa PET (tái chế)	Công ty TNHH Nam Thắng
162	CN11-25	Phùng Văn Đoàn	CN11	25	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đại
163	CN11-26	Phùng Văn Dũng	CN11	26	Thổi túi nilong (nhựa tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Dũng
164	CN11-27-28	Đinh Văn Thạo (Nguyễn Thị Hậu thuê lại)	CN11	27-28	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hậu
165	CN11-29	Nguyễn Phương Bách	CN11	29	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Phương Bách
166	CN11-30-31	Đinh Văn Khương	CN11	30-31	Tạo hạt từ hàng PE, PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Khương
	-	**CỘNG CN12**				
167	CN12-01	Nguyễn Văn Long	CN12	01	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Long
168	CN12-02	Nguyễn Đình Đạt	CN12	02	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Công ty TNHH Sản xuất và TM nhựa Anh Huy Plastic
169	CN12-04	Nguyễn Như Thịnh	CN12	04	Tạo hạt nhựa khô từ PE	Công ty TNHH Gia Huy Plastic
170	CN12-05-06	Phùng Minh Huynh	CN12	05-06	thổi túi nilong (nhựa nguyên sinh)	Công ty TNHH Đại Phát Plastic
171	CN12-07	Hộ kinh doanh Tôn Nguyễn Tuấn	CN12	07	thổi túi nilong (nhựa nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Tôn Nguyễn Tuấn
172	CN12-08	Lê Văn Dự	CN12	08	Sửa chữa máy móc, Cơ khí	Hộ kinh doanh Lê Văn Dự
173	CN12-09	Cty TNHH TM và SX Phương Đông Hưng Yên	CN12	09	Sản xuất nhựa, hạt nhựa (hiện tại để trống làm kho bãi chứa hàng)	Cty TNHH TM và SX Phương Đông Hưng Yên
174	CN12-10	Phùng Văn Đạt	CN12	10	sản xuất hạt nhựa HDPE	Họ Kinh Doanh Trịnh Thị Lan
175	CN12-11-12	Nguyễn Thị Nhiên	CN12	11-12	kho bãi chứa hàng thương mại	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nhiên

176	CN12-13-14	Nguyễn Trung Hiếu	CN12	13-14	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Triệu
177	CN12-15	Sái Văn Chính	CN12	15	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ Kinh Doanh Sái Văn Chính
178	CN12-17	Phùng Thị Tĩnh	CN12	17	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Huyền
179	CN12-18	Nguyễn Quỳnh Liên	CN12	18	Sản xuất thổi túi nilong , trước là tạo hạt	Hộ Kinh Doanh Nguyễn Quỳnh Liên
180	CN12-19	Nguyễn Văn Đại	CN12	19	Tạo hạt từ hàng DC, PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đại
181	CN12-20	Đỗ Hồng Quang	CN12	20	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đỗ Minh Đức
182	CN12-21	Nguyễn Thị Huê	CN12	21	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Huê 1970
183	CN12-22,23	Nguyễn Như Cử	CN12	22,23	Sản xuất túi nilon	Hộ kinh doanh Đinh Thị Giang 1994 (thuê lại)
184	CN12-27	Nguyễn Đình Thưởng	CN12	27	Phân loại nhựa và xay nhựa (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Đình Thưởng
185	CN12-28	Nguyễn Duy Hà	CN12	28	Sản xuất dây buộc (hàng từ nhựa tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Duy Hà
186	CN12-03	Nguyễn Văn Chinh	CN12	03	Sản xuất dây khâu (nhựa tái sinh)	Công ty TNHH SX&TM Bao bì Toàn Tài (thuê lại)
187	CN12-24	Nguyễn Văn Đôn	CN12	24	sản xuất hạt hàng PP (tái chế)	Hộ kinh doanh nhựa Tú Thưởng
188	CN12-25-26	Nguyễn Đình Pha	CN12	25-26	Thổi ống nhựa HPDE(hàng nhựa chế)	Công ty TNHH TMDV Sản xuất Tiến Phát
189	CN12-29-30-31	Nguyễn Việt Hùng	CN12	29-30-31	Để trống không sản xuất	Chưa đăng ký hộ kinh doanh
190	CN12-32	Nguyễn Văn Khương	CN12	32	Sản xuất túi nilong (tái sinh)	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Khương
191	CN12-34	Phùng Văn Cường	CN12	34	Thổi túi nilong (nguyên sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thịnh Vượng Hưng Yên
192	CN12-33	Hoàng Minh Hải	CN12	33	Sản xuất màng HDPE,PP (tái sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vũ Long
193	CN12-16	Phùng Văn Bình	CN12	16	Sản xuất túi nilong (nguyên sinh , tái sinh)	Công ty TNHH nhựa Sơn Phát
	-	**CỘNG CN13**				
194	CN13-01	Vũ Thị Phương	CN13	01	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đỗ Minh Hoàn (Thuê lại)
195	CN13-02	Nguyễn Văn Vinh	CN13	02	Sản xuất túi nilong , Màng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Bình Dương 1983
196	CN13-03	Nguyễn Văn Vỹ	CN13	03	Sản xuất thổi túi nilong (tái sinh)	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Thịnh 1994

197	CN13-04	Nguyễn Thị Hải Yến	CN13	04	Chưa có dự định sản xuất, tạm thời để trống làm kho bãi	Cơ sở sản xuất nhựa Lũy Yến
198	CN13-05-06	Nguyễn Như Thạo	CN13	05-06	kho bãi để hàng	Nguyễn Như Thạo
199	CN13-07-08	Nguyễn Duy Đạt	CN13	07-08	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Duy Đạt
200	CN13-09	Phùng Viết Quỳnh	CN13	09	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thi Hoan
201	CN13-10	Nguyễn Văn Cường	CN13	10	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Cường
202	CN13-11-12	Nguyễn Đình Phong	CN13	11-12	Sản xuất hạt nhựa HP	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Kim Ngân
203	CN13-13	Nguyễn Thị Hương	CN13	13	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Hương Nguyễn
204	CN13-14	Nguyễn Thị Tươi	CN13	14	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hải
205	CN13-15	Nguyễn Văn Kiên	CN13	15	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Khánh
206	CN13-16	Mai Văn Thuyên	CN13	16	gia công giai đoạn cắt túi và bao bì	Hộ kinh doanh Mai Văn Thuyên
207	CN13-17	Phùng Đức Vương	CN13	17	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ Kinh doanh Phùng Đức Vương
	-	**CỘNG CN14**				
208	CN14-01-02	Đinh Văn Muộn	CN14	01-02	Sản xuất chai nhựa (tái chế)	Công ty TNHH Nhựa Hải Lan
209	CN14-03	Đinh Văn Sỹ	CN14	03	Tạo hạt từ hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Sỹ 1987
210	CN14-04	Đinh Văn Khương (Nguyễn Hữu Hưng mua lại)	CN14	04	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu Hưng
211	CN14-05-06	Đinh Văn Ần	CN14	05-06	Sản xuất màng bọc, tạo DC (nhựa tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Ần
212	CN14-07	Đinh Văn Muộn	CN14	07	Xay nhựa	đang đăng kí hộ kinh doanh
213	CN14-08	Đinh Văn Quân	CN14	08	Sản xuất chai nhựa (nguyên sinh, tái sinh)	Công ty TNHH nhựa Vũ Anh
214	CN14-09	Nguyễn Thị Nhài	CN14	09	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH TM&SX tái chế nhựa Hiếu Nhài
215	CN14-10-11	Nguyễn Văn Lực	CN14	10-11	Sản xuất màng PP (nguyên sinh)	Công ty TNHH Nhựa VBT
216	CN14-12	Nguyễn Như Khuê	CN14	12	Xay nhựa	Hộ kinh doanh Nguyễn Như Khuê
217	CN14-13	Hoàng Văn Mạnh	CN14	13	Xay hàng nhựa để kho bãi	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Mạnh

218	CN14-14	Phùng Văn Thao	CN14	14	Sản xuất dây khâu dây buộc nilong (nhựa tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Thao
219	CN14-15	Nguyễn Ích Vượng	CN14	15	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Ích Vượng
220	CN14-16, 17	Phùng Văn Tuân	CN14	16, 17	Sản xuất túi nilong (từ hàng nguyên sinh và tái sinh)	Công ty TNHH Việt Anh Plastic
	-	**CỘNG CN15**				
221	CN15-01	Đinh Thành Khánh	CN15	01	Sản xuất túi nilong PE (nhựa nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Đinh Thành Khánh
222	CN15-02	Đinh Văn Luân	CN15	02	Sản xuất túi nilong (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Luân
223	CN15-03	Nguyễn Thị Nhường	CN15	03	Sản xuất hạt nhựa hàng PE, PP	Công ty CP nhựa Hưng Hà (thuê lại)
224	CN15-04	Nguyễn Như Quynh	CN15	04	Sản xuất túi trồng cây (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Như Quynh
225	CN15-05	Đinh Quốc Khánh	CN15	05	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Quốc Khánh
226	CN15-06	Dương Công Định	CN15	06	Sản xuất túi nilong	Hộ kinh doanh Nguyễn Ích Đại 1998
227	CN15-07	Đinh Văn Cần	CN15	07	Sản xuất hạt nhựa	Công ty CP nhựa Hưng Hà
228	CN15-08	Cao Thị Thắm	CN15	08	sản xuất hạt nhựa	Hộ kinh doanh Cao Thị Thắm
229	CN15-09	Nguyễn Đình Sơn	CN15	09	Sản xuất nhựa PE ống ươm cây giống (tái sinh)	Công ty TNHH Nhựa Huyền Sơn
230	CN15-10	Nguyễn Ngọc Tuân	CN15	10	Sản xuất túi nilong PP, tạo DC (nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Đỗ Thị Mai
231	CN15-11	Nguyễn Văn Hà	CN15	11	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hà
232	CN15-12	Nguyễn Thị Hậu	CN15	12	Sản xuất chậu bầu ươm cây (nguyên sinh , tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Cường (thuê lại)
233	CN15-13	Đinh Thị Nga	CN15	13	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Nga
234	CN15-14	Nguyễn Thị Hoa	CN15	14	Sản xuất bao bì túi nilong (nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Tùng Anh thuê lại
235	CN15-15	Đinh Yên Thắng	CN15	15	Xay nhựa và phân loại nhựa	Hộ kinh doanh Liên Nguyễn
236	CN15-16	Đinh Thị Lạt	CN15	16	Đang để trống chưa có dự định làm hàng	Hộ kinh doanh Đinh Xuân Hiếu (thuê lại)
237	CN15-17	Nguyễn Như Tiên	CN15	17	Sản xuất túi nilong (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Như Tiên

238	CN15-18	Đinh Văn Phóng	CN15	18	Sản xuất dây khâu dây buộc nilong nhựa PP (tái sinh)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Phóng
239	CN15-19	Trần Văn Thuần	CN15	19	Sản xuất túi nilong HDPE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tuấn Khoa
240	CN15-20-21	Phùng Mạnh Hà	CN15	20-21	Sản xuất móc quần áo nhựa (tái sinh)	chưa đăng ký hộ kinh doanh
241	CN15-22-23	Phùng Thế Hanh	CN15	22-23	chuyển sang xay nhựa	Công ty TNHH Hanh Thoa
242	CN15-24	Phùng Văn Minh	CN15	24	Sản xuất túi bóng kính , Màng PP (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Minh
243	CN15-25	Đinh Văn Lượng	CN15	25	Sản xuất túi nilon	Hộ kinh doanh Đinh Tùng Lâm
244	CN15-26	Đinh Thanh Tuấn	CN15	26	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thanh Tuấn
245	CN15-27	Mộ tổ nhà họ Trương	CN15	27		
246	CN15-28	Đinh Xuân Tùng	CN15	28	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Xuân Tùng 1982
247	CN15-29	Phùng Thị Huề	CN15	29	Sản xuất túi nilong PE,HDPE (tái sinh, nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Cơ sở sản xuất nhựa Khoa Huề
248	CN15-30	Nguyễn Văn Hiệp	CN15	30	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hiệp 1981
249	CN15-31	Mộ Quan (Nhà thờ Mộ Quan)	CN15	31		
250	CN15-32	Sái Văn Tiến	CN15	32	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Sái Văn Tùng 1995
251	CN15-33	Nguyễn Duy Tuyền	CN15	33	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Huyền 1991
	-	**CỘNG CN16**				
252	CN16-01	Nguyễn Đức Sơn	CN16	01	Để trống làm kho bãi chứa hàng không sản xuất	
253	CN16-02	Nguyễn Minh Doãn	CN16	02	Để trống làm kho bãi chứa hàng không sản xuất	
254	CN16-03	Nguyễn Như Quyền	CN16	03	Để trống làm kho bãi chứa hàng không sản xuất	
255	CN16-04	Nguyễn Như Quân	CN16	04	Sản xuất túi xốp PE (nhựa nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Như Quân
256	CN16-05	Phùng Văn Hưng	CN16	05	Sản xuất túi nilong (nhựa tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Hưng
257	CN16-06	Phùng Văn Vương	CN16	06	Sản xuất túi nilong (tái chế)	Hộ kinh doanh nhựa Vương Thương

258	CN16-07,08,22,23	Nguyễn Đình Thưởng	CN16	07,08,22,23	Phân loại nhựa và xay nhựa (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Đình Thưởng
259	CN16-09-10	Nguyễn Văn Hoan	CN16	09-10	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Cảo 1990
260	CN16-11	Nguyễn Minh Vương	CN16	11	Xay nhựa và sản xuất hạt nhựa PET (tái chế)	Nguyễn Minh Vương
261	CN16-12	Phùng Hữu Thanh	CN16	12	Sản xuất hạt nhựa, DC	Công ty TNHH Phùng Gia Plastic
262	CN16-13-14	Phùng Hữu Thanh	CN16	13-14	Sản xuất màng cuộn nilong (nguyên sinh), tạo lại DC	Công ty TNHH Vượng Phát Plastic
263	CN16-15-16	Nguyễn Văn Thịnh	CN16	15-16	Sản xuất nhựa, túi nilon (tái chế), tạo lại DC	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thịnh
264	CN16-17-18-19	Nguyễn Văn Đàn	CN16	17-18-19	Sản xuất màng HDPE,LDPE (nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thắng
265	CN16-20	Nguyễn Văn Thảo	CN16	20	Sản xuất túi nilong HPDE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Trần Bách Việt (thuê lại)
266	CN16-21	Nguyễn Văn Khối	CN16	21	Chuyển sang thành đất để kho bãi	Nguyễn Văn Khối
267	CN16-24-25	Đinh Văn Lệ	CN16	24-25	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Văn Lệ
268	CN16-26	Nguyễn Như Quân	CN16	26	Sản xuất túi xốp PE (nhựa nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Như Quân
269	CN16-27-28	Nguyễn Cầm Phương	CN16	27-28	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Cầm Phương
270	CN16-29	Đinh Thị Huê	CN16	29	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Huê
271	CN16-30	Nguyễn Tá Thà	CN16	30	Tạo hạt từ PP trắng	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Khánh Ly 1991
272	CN16-31	Nguyễn Thị Thúy	CN16	31	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thời
	-	**CỘNG CN17**				
273	CN17-01	Phùng Thị Yên, Đinh Thế Anh	CN17	01	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thế Anh
274	CN17-02	Đinh Thanh Hương	CN17	02	Cơ khí sửa chữa máy móc	Hộ kinh doanh Dương Thị Cúc (thuê lại)
275	CN17-03	Nguyễn Văn Minh	CN17	03	Không hoạt động	Nguyễn Văn Minh
276	CN17-04-05	Nguyễn Tuấn Anh	CN17	04-05	sản xuất hạt nhựa HDPE	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tuấn Anh Yến
277	CN17-06	Đinh Văn Cường	CN17	06	Sản xuất màng nilong PE (tái sinh)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Bích Ngoan
278	CN17-07	Lê Thị Yến	CN17	07	sản xuất hạt nhựa HDPE	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tuấn Anh Yến

279	CN17-08	Nguyễn Thị Sắn	CN17	08	Sản xuất Cốc nhựa PP (hàng nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Sắn
280	CN17-8.1	Phùng Văn Hưng	CN17	8.1	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Phùng Văn Hưng chưa đăng ký hộ kinh doanh
281	CN17-09	Nguyễn Hữu Tuấn	CN17	09	Sản xuất túi nilong (hàng nguyên sinh), tạo lại DC	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tùng 1983 (thuê lại)
282	CN17-9.1	Nguyễn Văn Phồn	CN17	9.1	sản xuất hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Phồn
283	CN17-10	Đinh Thị Tuyết	CN17	10	Sản xuất tạo hạt PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Đinh Thị Tuyết
284	CN17-10.1	Trần Văn Quỳnh	CN17	10.1	Sản xuất hạt nhựa PP (tái chế)	Công ty TNHH Tuấn Kiệt Sông Cầu
285	CN17-11	Nguyễn Tuấn Hải	CN17	11	Sản xuất dây khâu, dây buộc nilong (tái sinh)	Nguyễn Tuấn Hải
286	CN17-12	Nguyễn Thị Thoa	CN17	12	Sản xuất dây khâu ,dây buộc nilong PP (nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Đô (thuê lại)
287	CN17-13-14	Nguyễn Như Cử	CN17	13-14	Xay nhựa	Công ty TNHH TM&SX tái chế nhựa Hiếu Nhài
	-	**CỘNG CN18**				
288	CN18-01	Phùng Thị Hương	CN18	01	Sản xuất các sản phẩm về nhựa gia dụng PP (nguyên sinh, tái sinh)	Công ty TNHH
289	CN18-02	Phùng Văn Thịnh	CN18	02	Sản xuất túi nilong PP (hàng nguyên sinh)	Công ty TNHH nhựa Đức Thịnh Phát Hưng Yên
290	CN18-03	Nguyễn Tá Dạt	CN18	03	Sản xuất túi nilong PE (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Tá Dạt
291	CN18-04	Nguyễn Tá Dạt	CN18	04	Sản xuất túi nilong HDPE (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Trởi 1976 (thuê lại)
292	CN18-05	Đinh Thị Lộc (Nguyễn Văn Hiệp mua lại)	CN18	05	Sản xuất túi nilon	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hiệp 1981 (mua lại)
293	CN18-06	Nguyễn Văn Sang (Đinh Thị Hồng Điệp mua lại)	CN18	06	Sản xuất túi nilon	chưa đăng ký hộ kinh doanh
294	CN18-07	Đinh Anh Tuấn	CN18	07	Sản xuất hạt nhựa PE, túi nilong (tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Kim Thúy (thuê lại)
295	CN18-08	Nguyễn Thị Hằng	CN18	08	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hằng
296	CN18-09,10,12	Phùng Văn Thạch	CN18	09,10,12	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Văn Thạch
297	CN18-11	Nguyễn Văn Luận	CN18	11	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh, tái sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Duy Hiển 1977
298	CN18-13	Phùng Thị Bình	CN18	13	Tạo hạt hàng PE, (tái chế)	Hộ kinh doanh Phùng Thị Bình

299	CN18-14	Đinh Thành Ủy	CN18	14	Sản xuất hạt hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Lê Thị Thủy Tiên
300	CN18-15-16-17	Nguyễn Văn Toàn	CN18	15-16-17	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh), tạo lại DC	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Mỹ
301	CN18-18	Phùng Ngọc Thảo	CN18	18	Sản xuất túi nilong PE (tái sinh)	Hộ kinh doanh Phùng Ngọc Thảo
302	CN18-19	Nguyễn Văn Khà	CN18	19	Chuyển thành bãi để kho, hàng	Nguyễn Văn Khà
303	CN18-20	Nguyễn Văn Tiến	CN18	20	kho để vật liệu	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Tân Tiến
	-	**CỘNG CN19**				
304	CN19-01-02	Nguyễn Mạnh Sơn	CN19	01-02	Sản xuất túi nilong HDPE (nguyên sinh)	Hộ kinh doanh Nguyễn Mạnh Sơn
305	CN19-03	Phùng Văn Thạch	CN19	03	Ngừng hoạt động	Hộ kinh doanh Phùng Văn Thạch
306	CN19-04	Nguyễn Đức Thành	CN19	04	Sản xuất hạt nhựa HIPS, GPPS (tái sinh)	Công ty TNHH nhựa Tường An MK
307	CN19-05	Nguyễn Ích Hạnh	CN19	05	Sản xuất túi , màng , bao lót PE (nguyên sinh)	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa Xuân Anh
308	CN19-06	Nguyễn Hữu Phong	CN19	06	Sản xuất hạt nhựa PE (tái chế)	Hộ kinh doanh nhựa Phong Độ
	-	**CỘNG CN20**				
309	CN20-01-02-03	Đinh Văn Kiếm	CN20	01-02-03	Sản xuất túi nilong PE (nguyên sinh)	Công ty Cổ phần Tân Quang
310	CN20-04-05	Nguyễn Văn Đôn	CN20	04-05	Sản xuất hạt nhựa hàng PE (tái chế)	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đoan
	-	**CỘNG CN21**				
311	CN21-	Đinh Văn Túy	CN21		kho bãi để hàng	Công ty TNHH nhựa Tiến Đạt

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Ngày 08/07/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg, mục tiêu tổng quát được thể hiện trong Quy hoạch là: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm môi trường, ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cac-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Trạm xử lý nước thải áp dụng công nghệ hoá lý kết hợp sinh học trong quá trình xử lý các nguồn nước thải phát sinh tại các đơn vị cơ sở sản xuất trong phạm vi Cụm công nghiệp Minh Khai đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng nước theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Vì vậy, hoạt động của nhà máy phù hợp với mục tiêu tổng quát của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện mục tiêu tổng quát là: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cacbon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Chủ đầu tư Trạm cũng đã lắp đặt Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và đang thực hiện kết nối để truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên để kiểm soát nước thải sau xử lý và bố trí 01 hồ sự cố để chứa nước thải khi gặp sự cố, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nước thải sau xử lý tại Trạm XLNT của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, hệ số K_q=0,9, K_f=1,1 xả ra kênh thoát nước khu vực.

- Theo Điều 4, Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Danh mục các nguồn phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước không đề cập đến nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực (chỉ đánh giá đối với nguồn tiếp nhận là kênh, mương, sông ao hồ). Do vậy, dự án xả nước thải sau xử lý ra mương thoát nước chung không phải thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Cụm công nghiệp Minh Khai đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Thu gom nước mưa nội bộ từ sân, đường, mái nhà của các doanh nghiệp/nhà máy trong Cụm công nghiệp (CCN): Nước mưa chảy tràn trên bề mặt các khối nhà công trình sân, đường thuộc các Doanh nghiệp/nhà máy trong CCN đã được các đơn vị tự đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn riêng biệt. Nước mưa trong khu vực các cơ sở sau khi được thu gom sẽ dẫn về các hố ga thu gom nước mưa của CCN đặt xung quanh các cơ sở đó, dọc theo các tuyến đường trong CCN, sau đó theo đường thoát nước mưa bằng cống bê tông chảy ra hệ thống thoát nước mưa của CCN. Nước mưa sau khi thu gom được xả ra tuyến kênh tiêu Ngọc Quỳnh.

- Hệ thống thu gom nước mưa CCN:

+ Hệ thống thu gom nước mưa chung của CCN là hệ thống cống bê tông cốt thép chịu tải, D600-D1000, đặt chìm 0,7m dưới đất. Hố ga thu nước xây gạch đặc 220, xi măng M75, kích thước lòng hố 1x1m; các hố đặt cách nhau 30m/hố ga; độ sâu chân cống tối thiểu là 0,7m.

+ Phân vùng thu gom nước mưa

Khu 1: Toàn bộ lượng nước mưa khu 1 đổ vào cửa xả CX1: D1200x1200mm.

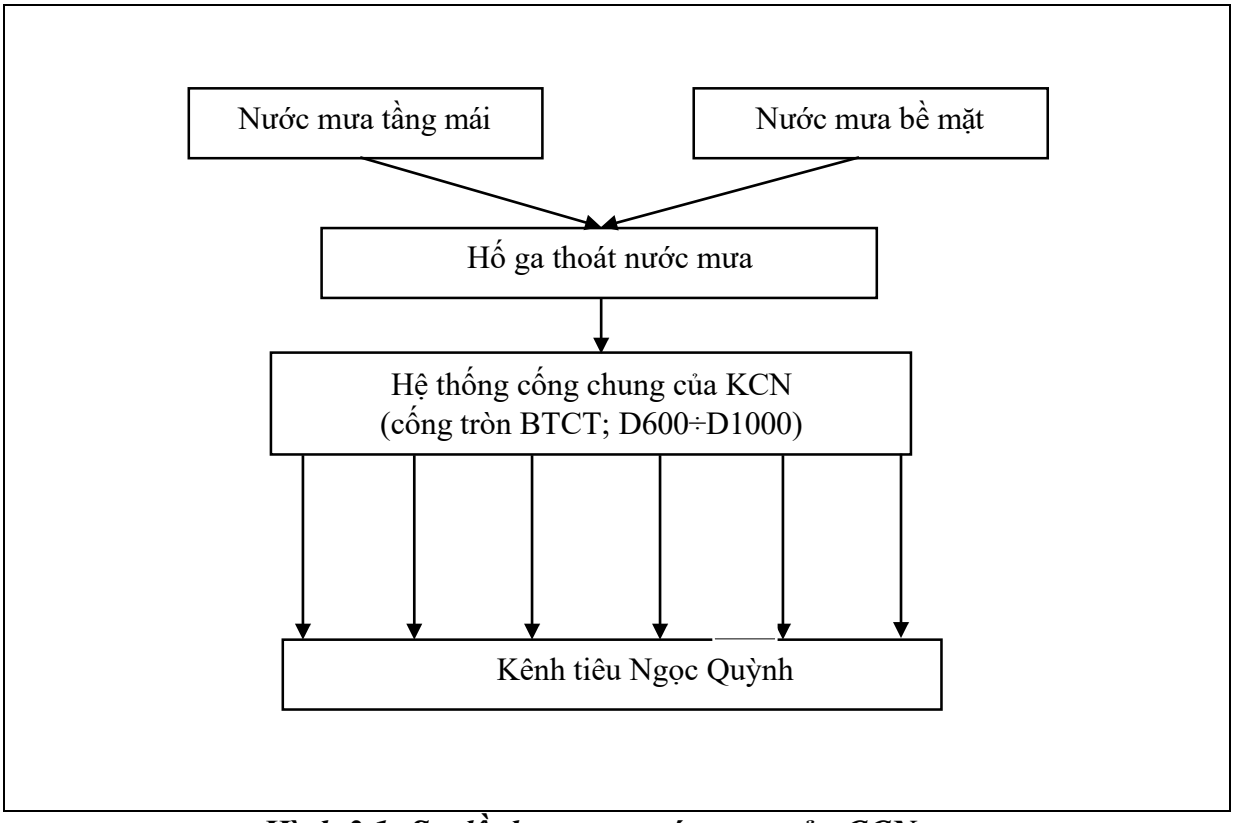
Khu 2: Toàn bộ lượng nước mưa khu 2 đổ vào cửa xả CX2: D1200x1200mm

Toàn bộ nước mưa tại cửa xả CX1, CX2 đều xả vào kênh tiêu Ngọc Quỳnh.

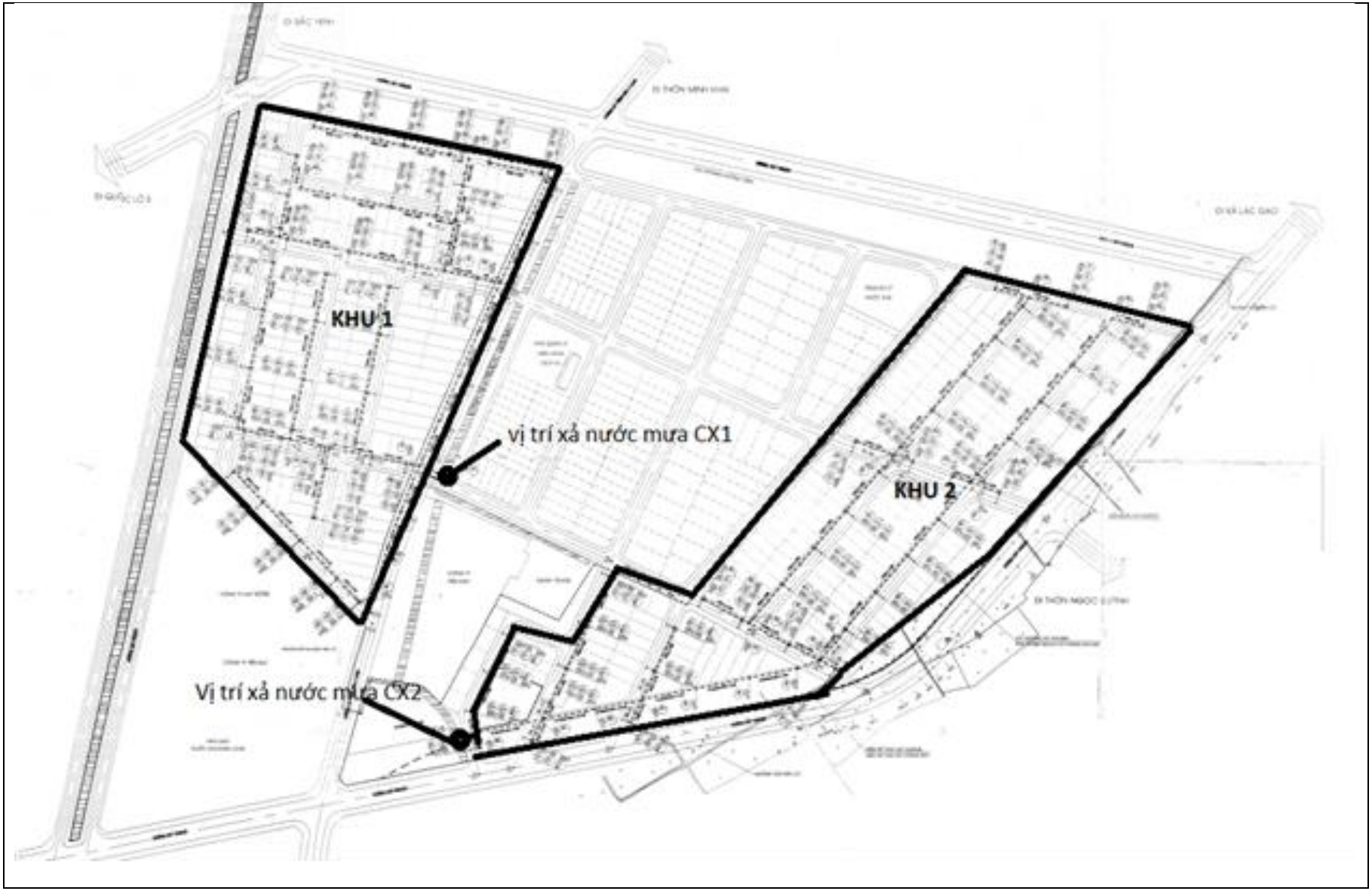
Định kỳ 6 tháng/lần Ban quản lý CCN sẽ tiến hành nạo vét, khơi thông cống, rãnh nhằm tránh hiện tượng tắc cống gây ngập úng cục bộ.

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của tuyến cống thoát nước mưa của CCN

TT	Loại cống	Đơn vị	Số lượng
1	Cống BTCT D600	m	2199,5
2	Đế cống BTCT D600	cái	4399
3	Cống BTCT D800	m	500
4	Đế cống BTCT D800	cái	1000
5	Cống BTCT D1000	m	321,5
6	Đế cống BTCT D1000	cái	643
7	Cống hộp BTCT B1200xH1000	m	441,5
8	Cống BTCT D300	m	542
9	Đế cống BTCT D300	cái	1084
10	Loại 1: Hố ga kết hợp + ga thu 1000x1600 mm	hố	85
11	Loại 2A: Nút giao nước mưa D600xD600, kích thước 1000x1000	nút	4
12	Loại 2B: Nút giao nước mưa D800xD600, kích thước 1200x1200	nút	6
13	Loại 2C: Nút giao nước mưa D1000xB1200, kích thước 1500x1500	nút	10
14	Loại 3A: Hố ga cạnh đường bê tông D600, kích thước 1000x1000	hố	2
15	Loại 3B: Hố ga cạnh đường bê tông D1000, B1200, kích thước 1000x1500	hố	5
16	Loại 3C: Hố ga B1200 trên cây xanh, kích thước 1000x1500	hố	4
17	Loại 4: Giao nước mưa và nước thải, kích thước 1500x1500		5
18	Cửa xả: B1200	Cửa	2



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa của CCN



Hình 3.2. Vị trí xả nước mưa của dự án

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng

a. Nguồn phát sinh

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng quản lý Cụm công nghiệp, nước thải sinh hoạt từ các doanh nghiệp, nhà máy.

- Nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp, nhà máy.

Do hiện tại các hộ trong CNN sử dụng nước giếng tự khai thác, chưa có nước sạch, không có đồng hồ nên nước thải phát sinh tại Cụm công nghiệp được tính toán như sau:

Bảng 3.2. Lưu lượng nước thải phát sinh tại CCN

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu sử dụng nước (m^3/ngày)	Nhu cầu xả thải (80% nước cấp) m^3/ngày đêm
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân	4.380 người	40l/người.ngày	175,2	140,16
2	Nước cấp cho công nghiệp	10,40 ha	22 m^3/ha.ngày	228,8	183,04
3	Tổng lưu lượng nước thải Q= 1+2				323,2
4	Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất (k=1,2), Qmax = Q x 1,2				387,84
5	Q max (làm tròn)				388

Như vậy lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất tại CNN khoảng 388 m^3/ngày đêm. Cụm công nghiệp đã đầu tư Trạm xử lý nước thải có công suất 400 m^3/ngày đêm để thu gom xử lý nước thải này.

b. Thành phần

Mỗi ngành nghề sản xuất có phát sinh thành phần và lưu lượng nước thải là khác nhau, phụ thuộc vào đặc điểm công nghệ và ngành sản xuất, do đó nồng độ các chất ô nhiễm cũng như lưu lượng thay đổi rất lớn.

Ngành sản xuất và tái chế nhựa:

Nước thải từ làng nghề tái chế nhựa có hàm lượng chất ô nhiễm cao, công đoạn tẩy, rửa, xay nghiền nhựa và công đoạn tạo hạt làm phát sinh một lượng lớn nước thải sản xuất. Nước thải từ loại hình sản xuất và tái chế nhựa nếu không được xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng. Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng có các cơ sở sản xuất và tái chế nhựa chiếm khoảng 80- 90%, đây là nguồn chủ yếu phát

sinh nước thải sản xuất khi Cụm công nghiệp đi vào hoạt động. Hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sản xuất của Cụm công nghiệp như sau:

Bảng 3.3. Thành phần và tính chất nước thải sản xuất và tái chế nhựa của Cụm công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT1	QCVN 40:2011/BTNMT	
				A	*B*
1	Nhiệt độ	oC	27,5	40	40
2	Màu	Pt/Co	**280**	50	150
3	pH	-	7,05	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD_5 (20oC)	mg/l	**90,7**	30	50
5	COD	mg/l	**170,5**	75	150
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**120**	50	100
7	Asen	mg/l	KPH	0,05	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	KPH	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	KPH	0,1	0,5
10	Cadimi	µg/l	0,544	50	100
11	Crom (VI)	mg/l	0,005	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,018	0,2	1
13	Đồng	mg/l	0,037	2	2
14	Kẽm	mg/l	0,052	3	3
15	Niken	mg/l	KPH	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,342	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1,21	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,005	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,010	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,482	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,342	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	2,12	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	3,46	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	**48,4**	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	**6,86**	4	6
26	Clorua	mg/l	61,5	500	1000
27	Clo dư	mg/l	0,012	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	KPH	0,05	0,1

29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,014	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	KPH	0,003	0,01
31	Coliform	VK/100ml	**12.500**	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	KPH	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	KPH	1,0	1,0

(Nguồn: Kết quả phân tích tháng 6/2014)

Đánh giá: Qua bảng kết quả phân tích cho thấy thành phần chất ô nhiễm đặc trưng của ngành sản xuất và tái chế nhựa có hàm lượng các chất hữu cơ cao (BOD_5, COD), hàm lượng các chất dinh dưỡng cao (Tổng N, tổng P), độ màu cao, chất rắn lơ lửng cao, Coliform cao. Đây là nguồn gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng nếu không được thu gom xử lý. Vì vậy, để giảm thiểu tác động tới môi trường nguồn tiếp nhận, Tổng công ty 319 đã đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn môi trường.

Ngành sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại

Ngành sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại (chủ yếu là lắp ráp) không phát sinh nhiều nước thải sản xuất trong qui trình sản xuất.

Ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng:

Ngành công nghiệp sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng được coi là ngành công nghiệp khá sạch về phương diện nước thải. Trong các công đoạn sản xuất của ngành nghề này nước không trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành sản phẩm vì vậy trong quá trình sản xuất của ngành nghề này gần như không phát sinh nước thải sản xuất.

Đây là những ngành công nghiệp được coi là có công nghệ sạch, thu hút được nhiều lực lượng lao động là loại hình nên khuyến khích đầu tư vào Cụm công nghiệp.

3.1.2.2. Hệ thống thu gom nước thải

❖ *Mô tả hệ thống thu gom nước thải:*

+ Thu gom nước thải từ các doanh nghiệp/nhà máy sản xuất:

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của các doanh nghiệp sau khi xử lý sơ bộ tại cơ sở đạt tiêu chuẩn xả thải nước thải vào hệ thống xử lý tập trung của CCN Minh Khai chảy ra điểm đấu nối của doanh nghiệp, theo tuyến cống bê tông cốt thép D300-D400mm, độ sâu chôn ống là 0,7m, độ dốc 0,25÷0,3% chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

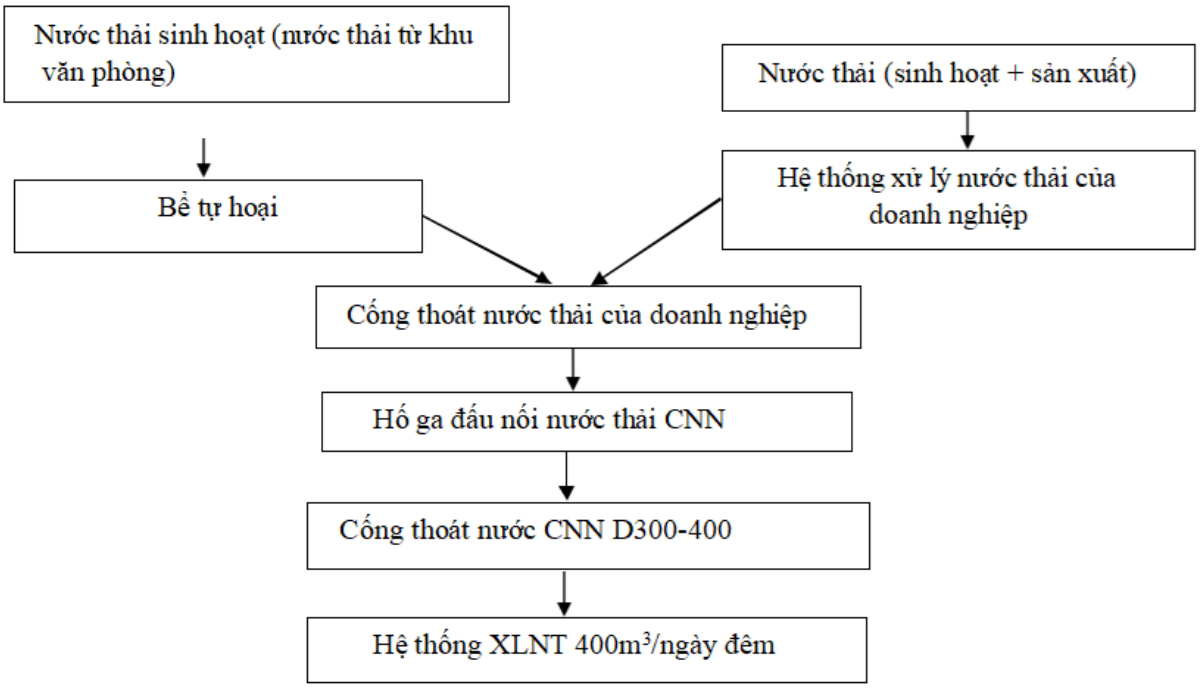
+ Thu gom nước thải từ Văn phòng điều hành BQL KCN và các khu vực dịch vụ công cộng và các đơn vị hoạt động khác trong KCN:

Lượng nước thải chủ yếu ở khu văn phòng chủ yếu là nước thải vệ sinh, nước rửa chân tay của cán bộ công nhân viên được thu gom nhờ các lavabo, các nhà vệ sinh và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đưa ra hệ thống thu gom thoát nước thải chung của

cụm công nghiệp, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Bảng 3.4. Thống kê khối lượng thoát nước thải của CCN

STT	Tên vật tư và quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT D300	m	1.550
2	Cống BTCT D400	m	550
3	Rãnh B300	m	3.150
4	Hố ga loại 1 (700 mm x 700mm)	cái	200
5	Hố ga loại 2 (800 mm x 800mm)	cái	35
6	Đế cống D300	cái	1.550
7	Đế cống D400	chicái	550
8	Trạm xử lý nước thải 400 m^3/ ngày, đêm	Trạm	01



Hình 3.3. Vị trí thu gom nước thải công nghiệp

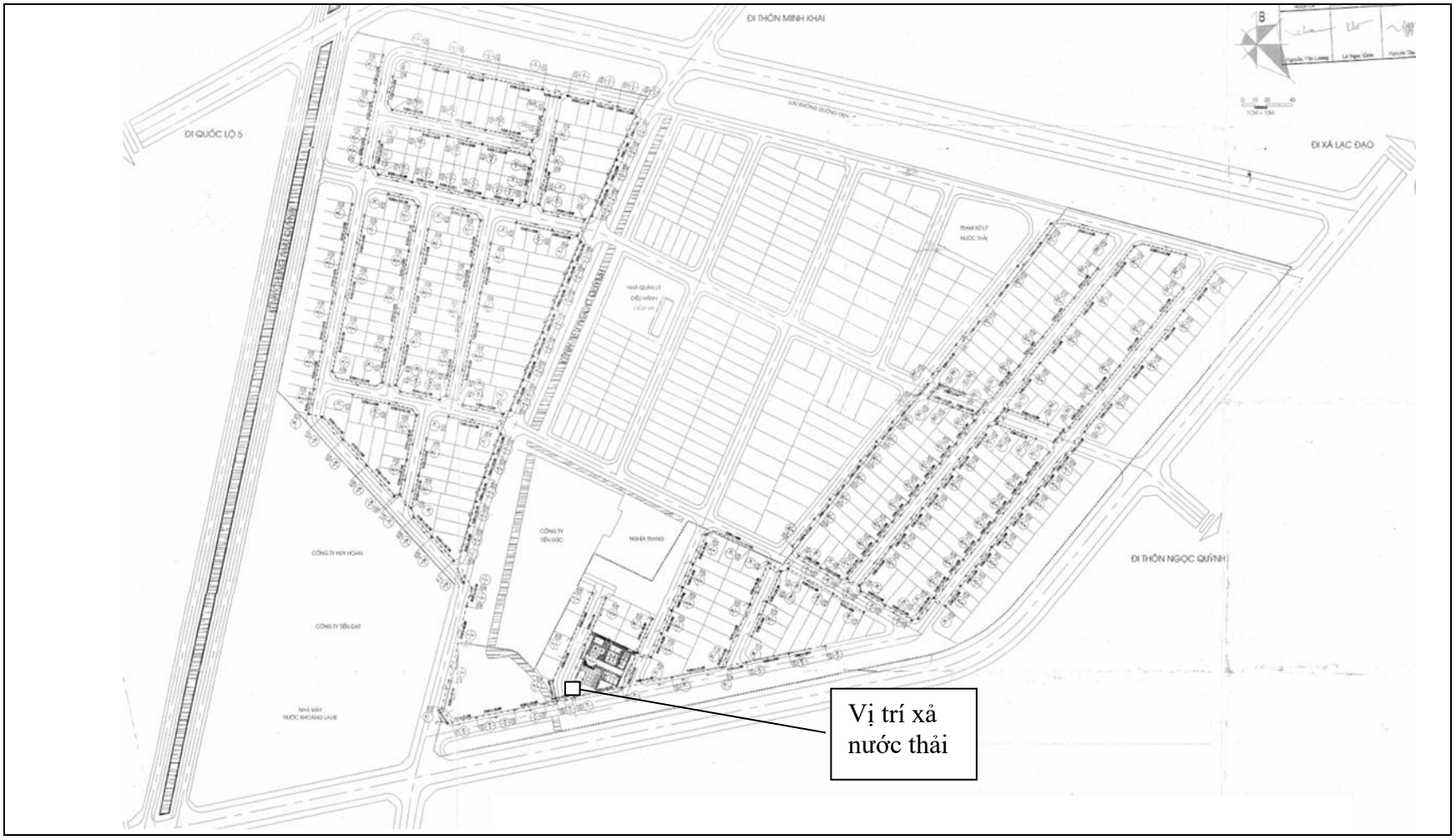
❖ *Mô tả vị trí xả nước mưa của dự án*

- Số lượng điểm xả nước mưa: 01 điểm.

- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 105^0, Múi chiếu 3^0:

+ Tọa độ: X = 2321747,9; Y = 549906,7;

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung.



Hình 3.4. Vị trí xả nước thải

3.1.3. Hệ thống xử lý nước thải

3.1.3.1. Xử lý sơ bộ nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí tiểu của nhà vệ sinh tại các hộ kinh doanh ban quản lý đều được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại ba ngăn. Hiện tại Cụm công nghiệp có số lượng các bể toại hoại như sau:

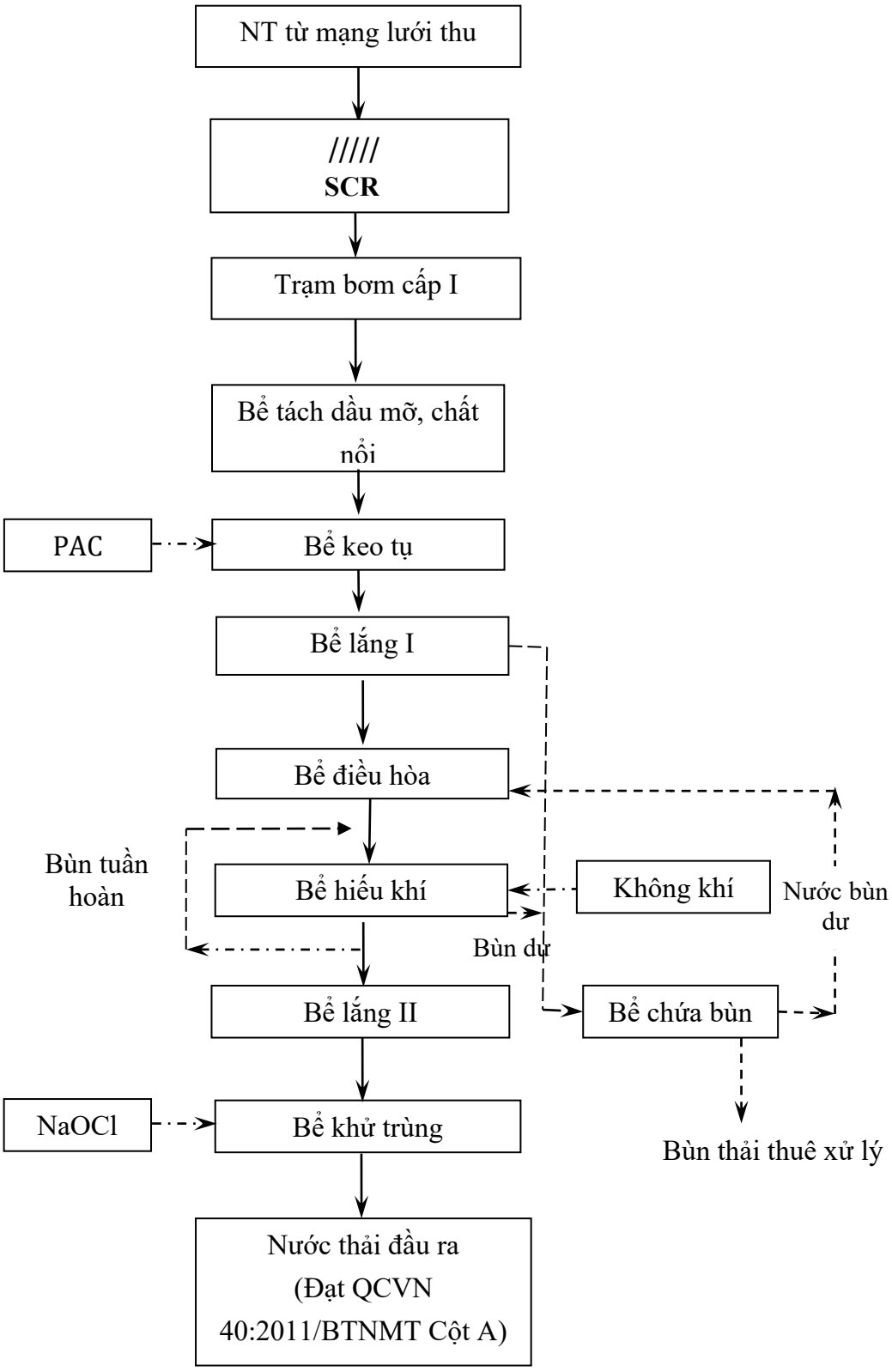
Bảng 3.5. Bảng thống kê số lượng bể tự hoại đã xây dựng

STT	Quy cách	Số lượng
1	Nhà điều hành, ban quản lý CNN	01 bể phốt: 5m^3
2	Doanh nghiệp	300 bể phốt: 2m^3

- Đối với nước thải sản xuất: Các doanh nghiệp đã chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo hướng hàng khô, ít phát sinh nước thải sản xuất, do vậy nước thải sản xuất chỉ có nước làm mát (tuần hoàn), nước thải từ rửa tay chân của công nhân với khối lượng nhỏ.

3.1.3.2. Trạm xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể phốt, nước thải sản xuất tại các doanh nghiệp sẽ được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m^3/ngày đêm.



Hình 3.5. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của CCN Minh Khai mở rộng

1. Thuyết minh công nghệ

Nước thải từ mạng lưới thu gom được chảy qua song chắn rác nhằm mục đích giữ lại các tạp chất thô như giấy, rác, túi nilon, vỏ cây và các tạp chất có trong nước thải nhằm đảm

bảo cho máy bơm, các công trình và thiết bị xử lý nước thải hoạt động ổn định. Sau đó nước thải được bơm sang bể tách dầu mỡ và chất nổi.

Nước thải từ bể tách dầu mỡ chảy sang bể keo tụ trộn với hóa chất keo tụ PAC. Bể keo tụ gồm ngăn trộn và ngăn phản ứng, Ngăn trộn có chức năng tạo điều kiện hình thành các bông cặn dễ lắng. Tại ngăn trộn, nước thải sau khi được khuấy đều với hóa chất keo tụ, ngăn trộn được khuấy với tốc độ cao, tạo bông keo tụ lớn, dễ lắng và ổn định. Để tăng cường quá trình keo tụ, tại đây bổ sung thêm hóa chất trợ keo PAC để liên kết các bông các lại với nhau. Ngăn phản ứng sử dụng các vách hướng dòng để xáo trộn và tăng thời gian tiếp xúc của hóa chất keo tụ với nước thải. Bể keo tụ được bố trí máy khuấy nhanh để tăng quá trình tiếp xúc và keo tụ tăng kích thước hạt cặn, giảm độ màu.

Từ bể keo tụ nước thải được chảy qua bể lắng I nhờ trọng lực lắng các bông cặn ở đáy.

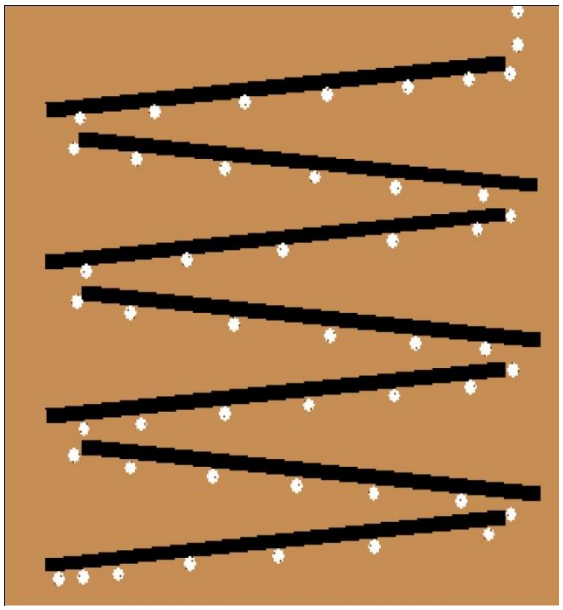
Từ bể lắng I nước thải được chảy sang bể điều hòa. Bể được điều hòa về nồng độ, lưu lượng. Đồng thời ở bể điều hòa xẩy ra quá trình thiếu khí để khử các hợp chất nitơ trong nước thải. Kết quả là Nitơ được chuyển hóa thành N_2 và bay vào không khí

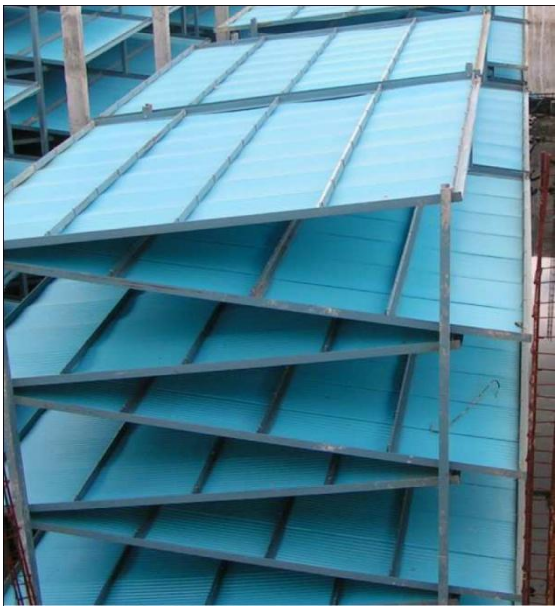
Từ bể điều hòa, nước thải được bơm sang bể hiếu khí sử dụng giá thể vi sinh**.** Oxy được cấp vào qua hệ thống cấp khí đặt ở dưới đáy bể xử lý hiếu khí. Quá trình hiếu khí sẽ oxi hóa các chất ô nhiễm trong nước thải. Các chất này được chuyển thành sinh khối vi sinh vật và các khí như CO_2. Một phần bùn hoạt tính trong bể hiếu khí được bơm tuần hoàn lại đầu bể hiếu khí để ổn định nồng độ vi sinh vật trong nước thải đầu vào. Và một phần bùn được bơm về bể chứa bùn.

Từ bể hiếu khí, nước thải chảy qua bể lắng thứ cấp, tại đây toàn bộ lượng bùn chứa sinh khối vi sinh vật được lắng xuống đáy theo nguyên tắc lắng trọng lực. Bùn lắng tự chảy sang bể hiếu khí nhờ trọng lực và chế độ thủy lực trong bể lắng.

Một phần lượng bùn dư được bơm từ các Bể hiếu khí, bể lắng về Bể chứa bùn. Bể chứa bùn được thiết kế để chứa và phân hủy bùn trong môi trường Yếm khí, Thiếu khí.

Nước từ bể lắng thứ cấp chảy qua bể khử trùng và được khử trùng bằng Javen để tiêu diệt hết các vi sinh vật có hại. Nước thải ở bể khử trùng đủ điều kiện để xả vào nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung, đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.





Hình 3.6. Giá thể sinh học

2. Tính toán chi tiết kích thước các bể

- Các bể tách dầu mỡ, bể keo tụ, bể tiếp xúc, bể lắng I được tính toán theo:

Q_b Trạm bơm cấp I = 25 m^3/giờ

- Các bể tiếp theo sau bể điều hòa hoạt động theo:

Q_h Trung bình= 16,667 m^3/giờ.

a. Trạm bơm cấp I

- Chức năng: Đưa nước thải từ mạng lưới thu gom lên các công trình xử lý tiếp theo
- Tính toán:

Vật liệu	:	Bê tông cốt thép
Thể tích chứa nước	:	1,25 x 2 x 3= 7.5 m^3
Thiết bị	:	02 Bơm chìm: Q=25m^3/h, H= 6 m, một bơm hoạt động, một bơm dự phòng.

b. Bể tách dầu mỡ, chất nổi

- Chức năng

Tách rác và dầu mỡ trong nước thải từ chậu rửa, bồn tắm, nhà bếp.

- Tính toán

Vật liệu	:	Bê tông cốt thép
Thể tích chứa nước	:	2,0 x 5,0 x 3,6 = 36 m^3
Thời gian lưu	:	1,32 giờ



Hình 3.7. Bể tách dầu mỡ

c. Bể Keo tụ

*** Ngăn trộn:**

- Ngăn trộn có chức năng tạo điều kiện hình thành các bông cặn dễ lắng. Tại ngăn trộn, nước thải sau khi được khuấy đều với hóa chất keo tụ, ngăn trộn được khuấy với tốc độ cao, tạo bông keo tụ lớn, dễ lắng và ổn định. Để tăng cường quá trình keo tụ, tại đây bổ sung thêm hóa chất trợ keo PAC để liên kết các bông các lại với nhau.

- Tính toán

Vật liệu	:	Bê tông cốt thép
Thể tích chứa nước	:	1,0 x 1,0 x 3,5 = 3,5 m^3
Thời gian lưu	:	8,64 phút
Thiết bị		Máy khuấy ngăn trộn: 0,4 kW
		02 Bơm định lượng PAC: Q=10 – 155 l/h, H= 20 m, kèm 02 bể nhựa PE 400 lít dùng chung cho cả hệ thống
		02 áy khuấy bồn chứa PAC: 0,4kW

*** Ngăn phản ứng**

- Ngăn phản ứng sử dụng các vách hướng dòng để xáo trộn và tăng thời gian tiếp xúc của hóa chất keo tụ với nước thải

- Tính toán

Vật liệu	:	Bê tông cốt thép
Thể tích chứa nước	:	3.89 x 1,0 x 3,5 = 14 m^3
Thời gian lưu	:	33,6 phút



Hình 3.8. Bể keo tụ

d. Bể lắng I

- Bể lắng sơ cấp có chức năng giữ lại các bông cặn hình thành trong quá trình keo tụ nhờ quá trình lắng trọng lực. Sau quá trình keo tụ và lắng, BOD và độ màu giảm đáng kể. Tại đáy bể lắng sơ cấp được thiết kế vát, tạo độ dốc để có thể xả trực tiếp bùn cặn về bể nén bùn nhờ trọng lực.

- Tính toán

Vật liệu	:	Bê tông cốt thép
Thể tích chứa nước	:	2,9 x 2,4 x 2,5 x 2modun = 34,8 m^3
Thời gian lưu	:	1,4 Giờ
Thiết bị		02 bơm bùn dư: Q=5m^3/giờ, H=2m



Hình 3.9. Bể lắng cấp I

e. Bể điều hòa

- Quá trình tiếp nhận nước thải vào Bể điều hòa nước thải có mục đích:

+ Tiếp nhận và đồng nhất nước thải đầu vào;

+ Duy trì dòng ổn định về chất lượng và nồng độ cho các công trình đơn vị phía sau trong trường hợp lưu lượng nước thải vào thấp hoặc không có.

+ Xử lý Nitơ trong nước thải bằng quá trình thiếu khí. Chuyển hóa Nitơ trong nước thải thành N_2 bay vào không khí.

- Tính toán

Vật liệu		Bê tông cốt thép
Thể tích	:	9,2 x 5,0 x 3,5 = 161 (m^3)
Thời gian lưu	:	9,67 giờ.
Thiết bị	:	Bơm chìm nước thải (SWP_{1-2}): Q= 20 m^3/h; H=4 m; 2 chiếc (1 Hoạt động, 1 Dự phòng)



Hình 3.10. Bể điều hòa

f. Bể hiếu khí

- Bể hiếu khí sử dụng "Hệ thống giá thể cố định SDO". Giá thể sinh học SDO là các tấm giá thể được thiết kế theo kiểu hình chữ nhật lượn sóng. Chúng được lắp trên khung sắt theo kiểu zigzag. Không khí được cấp vào từ dưới đáy bể. Các bóng khí sẽ theo các tấm giá thể đi từ dưới lên trên, lần lượt qua hết các tấm giá thể. Bằng cách này, lượng oxy hòa tan trong nước thải có thể tăng lên 5-7 lần so với hệ thống khác và giảm chi phí vận hành.

- Bể hiếu khí được chia ra làm 4 modun mỗi mođun có công suất 100 m^3/ngđ. Được điều tiết bằng van đầu vào các bể hiếu khí.

+ Tính toán từng modun

Vật liệu	:	Composite
Thể tích	:	27,42 m^3
Thời gian lưu	:	6,5 giờ.
Thiết bị	:	1) Bi-Act SDO, Model 15.18.22, 2 Bộ
		2) Bơm tuần hoàn bùn: Q= 5 m^3/ h; H=2 m; 2chiếc
		3) Bơm bùn dư: Q=5 m^3/ h; H=2 m; 1 chiếc

Máy thổi khí dùng cho cả 4 hệ thống và được phân phối đều bằng van: Q=1,6 m^3/ h; H=2 m; 2 chiếc. Một hoạt động, một dự phòng.





Hình 3.11. Bể hiếu khí

g. Bể lắng II

Trong giai đoạn xử lý cuối này, quá trình xảy ra như sau:

- Bùn hoạt tính được tách ra ở bể lắng II dựa trên cơ chế lắng trọng lực để đảm bảo lượng chất rắn lơ lửng trong nước ra khỏi Bể lắng đạt tiêu chuẩn.
- Bể lắng có cấu tạo 2 vùng lắng riêng biệt, giúp tăng hiệu quả lắng tối đa.
- Bùn hoạt tính được lắng có nồng độ lớn và được tuần hoàn trở lại Bể hiếu khí bằng trọng lực.
- Tính toán cho từng modun mỗi modun có công suất 100m^3/ngđ.

Vật liệu	:	Composite
Thể tích bể lắng	:	6 m^3
Thời gian lưu	:	1,6 giờ (Đảm bảo)



Hình 3.12. Bể lắng 2

h. Bể chứa bùn

- Một phần lượng bùn dư được bơm từ các Bể hiếu khí về Bể chứa bùn. Bể chứa bùn được thiết kế để chứa và phân hủy bùn trong môi trường yếm khí, thiếu khí.

- Tính toán

Vật liệu : Bê tông cốt thép

Thể tích : 2,25 x 5 x 3,6 = 40.5 m^3

Do vậy trong 3 năm mới cần hút bùn, lượng bùn là: 12 m^3.



Hình 3.13. Bể chứa bùn

j. Bể khử trùng

- Hóa chất khử trùng được đưa vào Bể khử trùng để tiêu diệt vi sinh vật có trong nước thải trước khi thải ra môi trường.

- Tính toán cho từng modun mỗi modun có công suất 100 m^3/ngđ.

+ 02 Bơm định lượng NaOCl 8% : 0 – 5 l/ h, 20 m, kèm 02 bể nhựa PE 400 lít dùng chung cho cả hệ thống

Vật liệu : Bê tông cốt thép

Thể tích : 4 m^3

Thời gian lưu 1 giờ



Hình 3.14. Bể khử trùng

3. Tổng hợp danh mục thiết bị

Bảng 3.6: Tổng hợp danh mục thiết bị đã lắp đặt tại trạm xử lý nước thải

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	SL
1	Bơm trạm bơm cấp I: Q=25 m^3/h, H = 6,0 m	Chiếc	2
2	Bơm bùn dư bể lắng I : Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	2
3	Máy khuấy: P=0,4 kW	Chiếc	1
4	Bơm chìm nước thải bể điều hòa: Q = 20 m^3/h, H = 4,0 m.	Chiếc	2
5	Máy thổi khí: Q = 1,6 m^3/phút, H = 2,0 m	Chiếc	2
6	Bơm bùn tuần hoàn: Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	8
7	Bơm bùn dư bể hiếu khí: Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	4
8	Bể hợp khối xử lý hiểu khí kèm giá thể	Bộ	4
9	Bơm định lượng NaOCl Q = 0-5 l/giờ, H = 20 m; kèm bồn chứa 400 lít	Chiếc	02
10	Bơm định lượng PAC Q = 10-155 l/giờ, H = 20 m; kèm bồn chứa 400 lít	Chiếc	02
11	Máy khuấy bồn chứa PAC	Chiếc	02
12	Hệ thống tủ điện điều khiển và hệ thống cáp động lực	Bộ	1

13	Hệ thống đường ống công nghệ (khí và nước), van điều khiển	Bộ	1





Hình 3.15. Một số hình ảnh về trạm thiết bị xử lý

4. Thiết bị quan trắc online

- Cụm công nghiệp đã tiến hành xây dựng nhà trạm quan trắc tự động, liên tục.

+ Thời gian lắp đặt từ tháng 3-9 năm 2026.

+ Thời gian hoàn thành 30/9/2026.

- Vị trí lắp đặt: Tại điểm xả nước thải: Kênh hở đo lưu lượng đầu ra được lắp đặt tại đầu ra của Trạm xử lý nước thải trước vị trí xả thải ra ngoài môi trường đo lưu lượng ra tức thời tại mỗi thời điểm và ghi nhận lưu lượng tổng nước thải vào, tín hiệu đầu ra đưa về bộ ghi nhận và truyền dữ liệu Datalogger hiển thị giá trị lưu lượng tức thời. Kênh được xây dựng bằng bê tông đáy và tường bao xung quanh, tường ngăn xây bằng gạch bê tông, vữa XM mác 75.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngay 30/6/2021 với 07 thông số giám sát, truyên dữ liệu về trung tâm điều khiển hoặc Sở TNMT bằng phương thức FTP theo thời gian thực, 05 phút gửi dữ liệu một lần.

- Hệ thống thiết bị quan trắc bao gồm: Thiết bị đa chỉ tiêu hiển thị thông số quan

trắc, Cảm biến đo PH và nhiệt độ (PHD), Cảm biến đo TSS, Cảm biến đo COD (UVAS), Cảm biến đo NH4+ (A-ISE), Thiết bị lưu mẫu tự động (AS950), Thiết bị đô lưu lượng kênh hở (SC200 và U53), Thiết bị phụ trợ.

- Các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải đáp ứng các quy định tại Điều 33, Điều 34, Phụ lục 10 của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 cùa Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi - trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường

Bảng 3.7. Thông số các thiết bị chính của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

STT	Danh mục hàng hóa	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
1	**HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG**						
1.1	Thiết bị ghi nhận và hiển thị dữ liệu quan trắc tự động **Model: SC1000**	2024	Đức	HACH	- Điều khiển bằng bộ vi xử lý, hiển thị đồng thời giá trị đo trên màn hình hoặc hiển theo dạng danh sách các chỉ tiêu đo trên màn hình - Có chức năng kiểm tra và cảnh báo nếu cảm biến đo có lỗi - Có khe cắm thẻ nhớ để lấy dữ liệu lưu trữ đưa vào máy tính cho mục đích báo cáo hoặc lưu trữ - Màn hình cảm ứng QVGA, độ phân giải 320 x 240 pixel, 256 màu, trở kháng cao - Trên bộ hiển thị có cổng service để update phần mềm khi cần và có thể lấy trực tiếp dữ liệu từ máy tính cá nhân - Chuẩn truyền thông: Modbus RS485, Ethernet port RJ45 để truyền dữ liệu. Mở rộng: Analog Outputs, Analog/Digital Inputs, Relays, Digital fieldbusses - Nhiệt độ làm việc: -20 – 55 °C, độ ẩm 0 – 95% RH - Vỏ ngoài vỏ nhựa/Vỏ kim loại với lớp hoàn thiện bề mặt chống ăn mòn theo tiêu chuẩn IP65. - Các tùy chọn mở rộng: GSM modem/modem GSM/GPRS tích hợp truyền dữ liệu; Tin nhắn SMS và dịch vụ GPRS trong mạng GSM; Cung cấp với các băng tần GSM khác: MC55I-W 850/900/1800/1900 MHz; MC55I-W có tính năng đa khe GPRS loại 10 và hỗ trợ mã hóa GPRS; Schemes CS-1, CS-2, CS-3 and CS-4. - Kết nối 6 đầu dò. Tất cả các chỉ tiêu có thể được cấu hình và kết hợp theo yêu cầu. - Kích thước: Không có mô-đun hiển thị: 315 × 242 × 120 mm (12,4 × 10,1 × 4,8inches). Có mô-đun hiển thị: 315 × 242 ×150 mm (12,4 × 10,1 × 6 inches) - Loại cầu chì: 100–240 VAC: F1, F2: M 3,5 A L; 250 V hoặc T 3,15 A L; 250 V/F3, F4: T 8 A H; 250 V / 24 VDC: 1 fuse, T 6,3 A L; 250 V; 24 VDC - Cáp điều khiển 2 lõi 2 vỏ chống nhiễu, 24 AWG, lõi xoắn, chất liệu đồng. Trở kháng đặc tính ở 1 KHz > 100 W, màu dây: Đỏ và xanh lục. Vỏ ngoài chống tia cực tím và kháng nước. Đường kính ngoài của cáp là 3,5–5 mm - Nguồn điện: 100 – 240 V AC, 50/60 Hz	Bộ	1

1.2	Cảm biến đo COD **Model: UVAS PLUS SC**	2024	Đức	HACH	- Phương pháp đo: đo sự hấp thụ tia UV (công nghệ 2 tia), không dùng hóa chất - Thang đo SAC: 0.1 – 600 m-1 - Có bù trừ sai số: bước sóng 550nm - Thời gian đáp ứng: 1 phút ≤ thời gian đo ≤ 5 phút - Độ rộng khe phổ: 5 mm - Kiểu lắp đặt: nhúng trực tiếp - Vật liệu thân cảm biến: thép không gỉ - Giới hạn áp suất đầu dò: tối đa 0.5 bar - Nhiệt độ hoạt động: 2 – 40 °C - Độ dài cáp kết nối: Tiêu chuẩn 10m (33ft). Có tùy chọn cáp dài 5, 10, 15, 20, 30,50 m và tối đa 60m. - Cân nặng 3.6 kg - Kích thước: 70 mm x 333 mm - Lưu lượng dòng mẫu (lắp đặt trực tiếp): Tối thiểu 0.5 L/h. - Tự động làm sạch đầu đo bằng Wiper System	Cái	1

1.3	Cảm biến đo pH và nhiệt độ **Model: DPD1P1**	2024	Mỹ	HACH	- Phương pháp đo: đo điện hóa - Đầu đo có thiết kế đầu điện cực (cầu muối) rời và có thể thay thế cầu muối - Thang đo pH: -2 – 14 pH - Độ chính xác đo pH: ±0.02 pH - Độ phân giải: ±0.01 pH - Hiệu chuẩn: Hiệu chuẩn 1 hoặc 2 điểm bằng phương pháp tự động hoặc thủ công - Tích hợp nhiệt độ: NTC 300 W có khả năng đo nhiệt độ và bù trừ nhiệt độ tự động khi phân tích - Tùy chọn Cảm biến bù nhiệt độ: Tự động từ -10 đến 105 °C (14,0 đến 221 °F) với nhiệt điện trở NTC 300 Ω, Pt1000 Ω RTD hoặc Pt 100 Ω RTD; Có khả năng cố định ở nhiệt độ do người dùng nhập - Thang đo nhiệt độ: 0 – 70 °C - Nhiệt độ hoạt động: 5 - 105 °C (23 - 221 °F) - Độ chính xác đo nhiệt độ: ±0.5 °C - Lưu lượng dòng mẫu: Tối đa 3m/s (10ft/s) - Áp suất giới hạn: 6.9 bar tại 105 °C (100 psi tại 221 °F) - Kiểu lắp đặt: nhúng trực tiếp - Vật liệu thân cảm biến: PEEK hoặc PPS Polyphenylensulfid (PVDF), có đầu dò thủy tinh	Cái	1

1.4	Cảm biến đo TSS **Model: SOLITAX TS-LINE**	2024	Đức	HACH	- Phương pháp đo: tán xạ và hấp phụ ánh sáng (góc thu quang 140°) - Đo đạc chuẩn xác, không phụ thuộc độ màu - Thang đo TSS: 0.001 mg/l – 50000 mg/L - Độ chính xác: < ±5% - Thời gian đáp ứng: 1 – 300 giây - Hiệu chuẩn: 1 điểm bất kỳ (điểm zero đã được mặc định) - Kiểu lắp đặt: nhúng trực tiếp - Vật liệu thân cảm biến: thép không gỉ - Nhiệt độ hoạt động: 0 – 40 °C - Áp suất: Thép không gỉ < 6 bar và PVC < 1 bar - Vận tốc dòng chảy tối đa: <3 m/s - Độ dài cáp: 10m (tối đa 100m với tùy chọn mở rộng) - Kích thước: (Đặt trong bể) D x L 60 mm x 200 mm - Cân nặng: 1.8 kg - Tự động làm sạch đầu đo bằng Wiper System	Cái	1

1.5	Cảm biến đo Amoni **Model: AISE SC**	2024	Đức	HACH	- Phương pháp đo: đo điện hóa bằng phương pháp chọn lọc ion - Thiết bị đo có thiết kế gồm phần thân và đầu điện cực (Cartridge) có thể thay thế được - Thang đo: 0 – 1000 mg/L NH4-N - Độ chính xác: ±5% với giá trị >0.2 mg/L - Thời gian đáp ứng (90%): thời gian đo ≤ 3 phút - Hiệu chuẩn: Hiệu chuẩn 1 hoặc 2 điểm - Nhiệt độ hoạt động (nhiệt độ mẫu nước): 2 - 40 °C - Vận tốc dòng chảy tối đa: <4 m/s - Áp suất và độ sâu tối đa: 0.3 bar (4.4 psi) và 0.3 - 3 m - Kích thước: 320 mm x 84.5 mm (12.6 x 3.3 in.) (L x D) - Độ dài cáp kết nối: Tiêu chuẩn 10m (33 ft). Có tùy chọn cáp dài 5, 10, 15, 20, 30, 50 m. - Kiểu lắp đặt: nhúng trực tiếp - Vật liệu thân cảm biến: thép không gỉ	Cái	1

1.6	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra **Model: HD1200**	2024	Nhật Bản	HONDA	- Phương pháp đo: sử dụng sóng siêu âm, không tiếp xúc với nước - Bao gồm: cảm biến siêu âm và màn hình hiển thị - Cảm biến siêu âm: + Thang đo lưu lượng: 0-9999, 0-999.9, 0-99.99 có thể lựa chọn + Độ chính xác đo lưu lượng: ±0.5% + phạm vi đo mực nước: 0.25 m – 20 m (tương đương) + Độ chính xác đo mực nước: ±1 mm + Vật liệu thân cảm biến: ABS (tương đương) + Thời gian phản hồi (90%): <180 s + Độ dài cáp: 10, 20, 50 hoặc 100 m + Cân nặng: ~ 1,8kg (tương đương) - Màn hình hiển thị: + Màn hình LCD, kích thước hiển thị 48 x 68mm và độ phân giải 240×160 pixels (tương đương) + Có ngõ kết nối với cảm biến siêu âm, ngõ ra 2×4-20 mA. + Tùy chọn ngõ ra: 0/4 - 20mA + Kích thước: 175.7 x 84 x 236.7 mm (tương đương) + Nhiệt độ hoạt động: -20 - 70 °C (tương đương) + Chuẩn: IP 66 + Hỗ trợ thẻ nhớ SD card + Nguồn điện: 100 – 240 V AC, 50/60 Hz	bộ	2

1.7	Thiết bị lấy mẫu tự động**Model: AS950 ALL Weather**	2024	Mỹ	HACH	- Đáp ứng Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, lấy mẫu theo các trường hợp sau:+ Tự động lấy mẫu theo định kỳ thời gian cài đặt+ Tự động lấy mẫu khi các chỉ tiêu chất lượng nước biến động bất thường+ Lấy mẫu theo điều khiển từ Sở TNMT hoặc từ SCADA của Chủ đầu tư - Có thể thiết lập 02 chương trình chạy liên tục, song song hoặc theo ngày của lịch tuần- Cảnh báo: Có cài đặt cảnh báo để chẩn đoán ghi nhật ký hệ thống các trường hợp kết thúc chương trình, hoàn thành chu kỳ, mẫu bị thiếu hoặc đầy.- Chế độ hoạt động: liên tục hoặc không liên tục- Chế độ lấy mẫu: thời gian, lưu lượng, thời gian biểu, bảng lưu lượng, event- Kiểm soát nhiệt độ: 4 (±0,8) °C- Thiết kế máy chịu được môi trường ẩm ướt và có tính ăn mòn cao, giảm thiểu các hư hỏng gây ra bởi các loại khí ăn mòn và cả nước đọng- Event log: 2000 điểm dữ liệu- Màn hình màu, 1/4 VGA, có chương trình tự cảnh báo- Vật liệu vỏ: PC/ABS, NEMA 4X, 6, IP68, chống ăn mòn và chống băng- Lưu lượng bơm: 4,8 L/phút ở độ cao thẳng đứng 1 m (3 ft) với ống 3/8 inch điển hình- Chai đựng mẫu: 24×1 L, vật liệu polyethylene- Truyền thông: USB và Modbus RS485 (tùy chọn)- Kích thước: 76 x 81 x 130 cm- Cân nặng: 86 kg- Nguồn điện: 230 V AC, 50/60Hz- Nhiệt độ hoạt động: 0 – 49 °C- Bao gồm bộ phụ kiện kết nối tín hiệu	Cái	1

1.8	Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu **Model: QD-1000**	2024	Ấn độ	Qinn	- Đáp ứng Thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Dữ liệu được truyền về trung tâm có khoảng thời gian truyền theo yêu cầu - Điều khiển lấy mẫu tự động hoặc từ xa khi có giá trị vượt ngưỡng cài đặt, điều khiển bơm van, thiết bị chấp hành một cách tự động hoặc từ xa - Đảm bảo lưu trữ dữ liệu liên tục ít nhất là 60 ngày dữ liệu gần nhất - Có 8 cổng Analog Input (tín hiệu 4-20mA), 8 cổng Digital Input, 8 cổng Digital Output, 1 cổng RS232 & 1 cổng RS485, 1 cổng USB và 1 cổng Internet (RJ45) - Màn hình hiển thị OLED 16×2, Bàn phím 3×3 - Bộ nhớ trong Serial Flash 16MB (có thể mở rộng lên đến 64MB) - Thẻ nhớ SD Card bên trong thiết bị có dung lượng lên đến 32GB - Có khả năng sử dụng IP tĩnh, truyền dữ liệu theo phương thức FTP, TCP/IP, HTTP - Làm việc với truyền thông GSM/GPRS 850/900/1800/1900 MHz, Internet (RJ45) - Hoạt động như 1 thiết bị chủ (Master) và thu thập dữ liệu từ một hoặc nhiều thiết bị RTU khác qua cổng RS232/RS485, hỗ trợ giao thức Modbus - Nguồn điện: 12 – 30 V DC	Bộ	1
1.9	Tủ điện điều khiển và thiết bị phụ trợ	2024	Việt Nam/ Châu Á	Việt Nam/ Châu Á	- Tủ điện lắp đặt trong nhà, vật liệu thép sơn tĩnh điện, 2 lớp, dày ≥ 1,5 mm, kích thước: 1200×650×1800 mm (D×R×C), thông gió bằng quạt - Bồn chứa nước và khay đỡ cảm biến inox 304, dày ≥ 1,5 mm, kích thước: 700×310×600 mm (D×R×C) - Thiết bị chống sét lan truyền, loại chống sét cấp 2 - Các thiết bị điện trong tủ: MCB, timer, biến áp cách ly, domino, đèn chiếu sáng, công tắc, ổ cắm, quạt làm mát,… - Phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh: máng cáp, dây tín hiệu và dây điện nguồn trong tủ, ống, co, tê, nối, rắc co, van,...	Hệ	1

1.10	Hệ thống camera giám sát	2024	Trung Quốc/ Châu Á	Hikvision Western Digital TP-LINK	+ Cảm biến 1/2.8″ Progressive Scan CMOS + Chuẩn nén H.265+/H.265/H.264+/H.264 + Độ phân giải tối đa (1920×1080) 25fps/30fps + Cấp bảo vệ: IP67 + Nguồn điện: 12V DC, PoE - Camera trong nhà trạm: + Cảm biến 1/2.8″ Progressive Scan CMOS 2 Megapixel + Chuẩn nén H.265+/H.265/H.264+/H.264 + Độ phân giải (1920×1080) 30 fps + Tốc độ quay: 0.1 – 120 °/s, tốc độ quét: 0.1 – 80 °/s + Nguồn điện: 12V DC, PoE - Đầu ghi hình 4 kênh: + Hỗ trợ kết nối 4 kênh camera IP với băng thông 40MB + Ngõ ra hình ảnh: HDMI với độ phân giải 4K 3840×2160/30Hz, HD 1920×1080/60Hz và VGA với độ phân giải 1920×1080/60Hz + Kết nối mạng: 10/100/1000 Mbps self-adaptive Ethernet + Phần mềm giám sát và tên miền miễn phí 4 kênh + Nguồn điện: 12 V DC - Ổ cứng Western Digital WD62PURZ hoặc tương đương - Bộ chia tín hiệu mạng TP-Link TL-SF1008D hoặc tương đương	Bộ	1
1.11	Hệ thống báo cháy, báo khói	2024	Đài Loan	Horing	- Trung tâm báo cháy 4 zone (AH-00212) - Đầu báo nhiệt gia tăng (AHR-871) - Đầu báo khói quang (AH-0311-2) - Nút ấn khẩn tròn (AH-9717) - Còi đèn chớp kết hợp báo cháy (AH-03127-BS)	Bộ	1

1.12	Bộ lưu điện	2024	Châu Á	Ares/ LONG/ Ares	- Công nghệ: online (chuyển đổi kép trực tuyến) - Công suất: 2 kVA/1.8 kW - Điện áp nguồn vào: 176 – 280 V AC - Điện áp nguồn ra: 220 V - Thời gian lưu điện: 30 phút - Ổ cắm: 8 ổ cắm đầu ra chuẩn Universal - Cổng bảo vệ chống xung, chống sét đường dữ liệu - Bộ 06 bình ắc quy Saite, dung lượng 12 V – 26 Ah hoặc tương đương - Tủ đựng ắc quy ARES AR-C6, kích thước 694×450×680 mm hoặc tương đương	Bộ	1
1.13	Thiết bị phụ trợ	2024	Châu Á/ EU/G7	RESUN Panasonic LaserLiner	- Máy nén khí làm sạch đầu đo RESUN ACO-008 hoặc tương đương - Bộ 02 bơm hút mẫu Panasonic GP- 129JXK-SV5 hoặc tương đương - Thiết bị đo độ ẩm và nhiệt độ Laserliner 082.028A hoặc tương đương	Bộ	1
1.14	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cân chỉnh thiết bị tại hiện trường	2024	Châu Á	Cast	- Dung dịch chuẩn chỉ tiêu COD - Dung dịch chuẩn chỉ tiêu pH - Dung dịch chuẩn chỉ tiêu TSS - Dung dịch chuẩn chỉ tiêu Amoni	Bộ	1
1.15	Vỏ trạm container 10 feet	2024	Việt Nam/ Châu Á	Việt Nam/ Châu Á	- Theo yêu cầu HSTK BVTC	Cái	1
1.16	Hệ thống thông gió	2024	Việt Nam/ Châu Á	Việt Nam/ Châu Á	- Theo yêu cầu HSTK BVTC	Hệ	1
1.17	Hệ thống chiếu sáng	2024	Việt Nam/ Châu Á	Việt Nam/ Châu Á	- Theo yêu cầu HSTK BVTC	Hệ	1
1.18	Hệ thống điều hòa	2024	Việt Nam/ Châu Á	Việt Nam/ Châu Á	- Theo yêu cầu HSTK BVTC	Hệ	1

			- Nhiệt độ lấy mẫu: 4 ^{o}C±1^{o}C - Độ chính xác thể tích lấy mẫu: ±1% - Tốc độ lấy mẫu: 3500L/phút - Chiều cao hút mẫu: <8,5mm - Chiều dài hút mẫu: <80m - Chế độ lấy mẫu: Lấy mẫu tiêu chuẩn, lấy mẫu hỗn hợp, lấy mẫu song song lưu lượng bằng nhau, thời gian bằng nhau tỷ lệ, lấy mẫu từ xa - Có bảo vệ và báo động quá tải bơm - Hiển thị: Màn hình LCD - Nhiệt độ môi trường làm việc: 0^{o}C-50^{o}C	
2	Bộ điều khiển, thu thập và truyền dữ liệu	01 bộ	- Model: HT-D68 - Màn hình: 7 inch, cảm ứng điện dung - Công nghệ cảm ứng: Cảm ứng đa điểm điện dung 10 điểm - Lưu trữ: 32GB - Chuẩn kết nối: ModbusRTU (RS-485/RS-232), Modbus TCP/IP, Analog (4-20mA 0-5V), Digital I/O, SDI-12 - Truyền dữ liệu: + Phương thức truyền: 100/1000 Mbps Ethemet (RJ-45 Port), mạng di động + Chuẩn truyền dữ liệu: FTP, HTTP, TCP/UDP IP, MQTT - Số lượng kết nối: 2 máy chủ đồng thời hoặc nhiều hơn	Hãng OSG/Việt Nam
3	Phụ kiện lắp đặt và kết nối hệ thống	01 bộ	- Giá treo cảm biến vật liệu innox 304 - Bơm lấy mẫu và bộ giá vật liệu innox 304 - Thùng chứa mẫu và phụ kiện ống kết nối cảm biến - Hệ thống làm sạch cảm biến tự động - Tủ điều khiển và phụ kiện - Tủ vật liệu thép sơn tĩnh điện kích thước 1200x1200x400mm - Bồn chứa mẫu và 2 bơm hút mẫu chạy luân phiên - Hệ thống làm sạch sensor bằng khí nén - Các phụ kiện khác như cáp tín hiệu, cáp nguồn trong tủ, Cb, nguồn DC, domino, ống nhựa,… cho lắp đặt thiết bị. - Bộ dung dịch chuẩn cho các thông số COD, TSS, pH, Amoni (1 bình x 4 thông số = 4 bình)	Việt Nam

			- Thiết bị chống sét lan truyền cho tủ - Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm bên trong nhà trạm - Hệ thống báo cháy, báo khói.	
4	Hệ thống camera quan sát	01 bộ	- Camera cố định DS-2CD202G1-I - Camera quay quét 2MP DS-2DE4225IW-DE - Đầu ghi hình camera IP 4 kênh DS-7604NI-K1 (B) - Ổ cứng 8TB WD84PURZ	Hikvision/ Trung Quốc



Hình 3.16. Hình ảnh hiện trạng nhà trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục của cụm công nghiệp

3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh hạ tầng kỹ thuật của Tổng công ty 319 là ngành không phát sinh bụi và khí thải nên Công ty không đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý bụi, khí thải.

a. Các công trình xử lý bụi và và khí thải của các doanh nghiệp trong KCN

Đối với các doanh nghiệp phát sinh khí thải có trách nhiệm tự xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh đạt giới hạn cho phép theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lượng khí thải của đơn vị. Các công trình xử lý khí thải và các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí tại cơ sở sản xuất phải tuân thủ theo cam kết của cơ sở tại Giấy phép môi trường, Bản đăng kí bảo vệ môi trường (nếu có).

Yêu cầu thiết kế nhà xưởng: Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN thực hiện xây dựng, thiết kế nhà xưởng đúng quy định về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục và chỉ giới xây dựng theo Giấy phép xây dựng được duyệt.

Nhà xưởng của các cơ sở sản xuất kinh doanh được thiết kế, xây dựng và lắp đặt các thiết bị thông gió cưỡng bức (quạt hút), thông gió tự nhiên, chiếu sáng đảm bảo các điều kiện vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 22:2016/BYT về chiếu sáng, QCVN 24:2016/BYT về tiếng ồn).

Các nhà máy, xí nghiệp đầu tư vào KCN phải đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh, hoa, thảm cỏ đạt tối thiểu theo các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

Ngoài ra, Công ty còn trang bị 01 xe vệ sinh làm nhiệm vụ tưới cây, phun ẩm các tuyến đường nội bộ trong KCN vào những ngày thời tiết hanh khô, có mật độ xe qua lại nhiều.

Bên cạnh đó, nhằm giảm thiểu các tác động xấu của bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông nội bộ, nhân viên vệ sinh của KCN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, thu gom chất thải rắn phát sinh tại các thùng chứa rác công cộng trong KCN, dọc các tuyến đường nội bộ với tần suất 2 lần/ngày.

Tổng công ty 319 đã bố trí một phần diện tích của khu công nghiệp để trồng cây xanh. Diện tích cây xanh chiếm khoảng 2,1275 ha trong tổng diện tích của toàn khu công nghiệp. Cây xanh được trồng dọc các tuyến giao thông nội bộ trong khu công nghiệp vừa có chức năng tạo cảnh quan và giảm thiểu các tác động môi trường của các tác nhân ô nhiễm phát sinh từ hoạt động sản xuất.



Hình 3.17. Cây xanh trong Cụm công nghiệp

b. Biện pháp xử lý mùi hôi phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung

Trong quá trình vận hành của Trạm xử lý nước thải tập trung có một số công đoạn có khả năng phát sinh mùi hôi, gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc của cán bộ vận hành Trạm cũng như chất lượng môi trường không khí xung quanh như: (i) Mùi hôi phát sinh từ bể điều hòa (vì dưới đáy bể có hệ thống sục khí nhằm xáo trộn đều các chất ô nhiễm cũng như ngăn tình trạng kị khí xảy ra trong bể, khi lượng khí cấp vào không đủ sẽ dẫn đến tình trạng phân hủy kị khí, vi sinh vật yếm khí hoạt động sản sinh khí H_2S, CH_4 gây mùi hôi thối khó chịu); (ii) Mùi hôi phát sinh từ những bể hiếu khí (Có nhiều nguyên nhân, có thể do vi sinh vật trong nước thải bị chết, các chất bẩn tích tụ, cộng với lượng bùn có trong bể gây tình trạng phân hủy kị khí, mùi hôi thậm chí phát sinh còn nhiều hơn so với khi dừng hệ thống); (iii) Mùi của các loại hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý hóa lý; (iv) Mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý bùn, có thể do lượng bùn tồn đọng lớn để bùn lâu ngày cũng gây ra tình trạng ô nhiễm kỵ khí.

- Do đó, để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng về mùi có thể xảy ra, tác động tới môi trường xung quanh, Công ty đã thực hiện một số phương pháp như:

- Bể điều hòa cấp khí thường xuyên để đảm bảo không xảy ra phản ứng kỵ khí.

- Bổ sung thêm nguồn dinh dưỡng, oxy cho vi sinh vật khi cần thiết để sử dụng làm thức ăn tránh hiện tượng thiếu thức ăn làm bùn chết.

- Kiểm tra các hệ thống bơm, van trên đường ống dẫn bùn đảm bảo các van đóng/mở theo yêu cầu kỹ thuật vận hành.

- Các loại hóa chất được lưu trữ ở kho thông thoáng, có mái che.

- Thu gom và xử lý bùn thải theo định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra Trạm xử lý nước thải để có biện pháp khắc phục sớm khi có sự cố phát sinh.

- Thực hiện phun khử mùi nếu trong quá trình vận hành trạm phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.3. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng được nhân viên vệ sinh thu gom, phân loại tại nguồn vào các thùng rác chuyên dụng (dung tích 120 lít, có nắp đậy), đặt tại các vị trí dễ thấy, dễ nhìn, sau đó sẽ được vận chuyển về kho tập kết rác tập trung bằng xe thu gom dung tích 1.000 lít; tần suất thu gom, vận chuyển là 01 lần/ngày;

Tổng công ty 319 đã thành lập tổ vệ sinh môi trường gồm 03 người chịu trách nhiệm kiểm tra, quét dọn các tuyến đường và thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các khu vực công cộng và trung tâm điều hành về khu lưu giữ rác thải tập trung có bố trí thùng chứa rác 250 lít, có nắp đậy và xe gom rác chuyên dụng 1000 lít;

Tổng công ty 319 sẽ ký Hợp đồng về việc thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp không độc hại phát sinh với tần suất thu gom, vận chuyển là 01 ngày/lần;

Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường: diện tích 20m^2, có mái che lợp tôn và cửa khóa.

Bảng 3.8. Thống kê trang thiết bị thu gom CTR sinh hoạt

STT	Thiết bị	Số lượng (chiếc)
1	Thùng rác 120l	3
2	Xe chứa rác 500l	6
3	Xe kéo thu gom rác 1000l	3



Hình 3.18. Kho tập kết rác thải sinh hoạt

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom lưu giữ chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của khu công nghiệp phát sinh từ các nguồn sau:

- Hoạt động của các cơ quan/doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN;
- Hệ thống cấp nước sạch của khu công nghiệp
- Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp
- Khu văn phòng điều hành BQL KCN.

b. Thành phần và lượng chất thải nguy hại phát sinh

- Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của các nhà máy:

Các đơn vị thứ cấp hoạt động trong KCN do các đơn vị tự chịu trách nhiệm quản lý và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với các đơn vị có đủ chức năng, năng lực được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép hành nghề xử lý CTNH, theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh khi vận hành trạm xử lý nước thải:

Hiện tại do trạm xử lý nước thải chưa vận hành, nước thải chưa được đấu nối về nên Cụm công nghiệp chưa phát sinh chất thải nguy hại, khi trạm đi vào vận hành các loại CTNH phát sinh dự kiến với khối lượng được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3.9. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Răn	1
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH).	18 01 04	Rắn	5
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 01	Rắn	5
Tổng				**11**

**) Biện pháp quản lý chung:*

- Hướng dẫn, phổ biến cho công nhân vận hành Trạm XLNT tập trung tại cơ sở các loại, mã CTNH phát sinh.

- Xác định loại CTNH phát sinh và bố trí thùng chứa có dãn nhãn, nắp đậy phù hợp cho từng loại chất thải.

**) Công trình lưu giữ CTNH:*

- Cụm công nghiệp bố trí 3 thùng nhựa dung tích 60 lít dán mã CTNH tương ứng, có nắp đậy để chứa các loại CTNH nguy hại phát sinh.

- Cụm công nghiệp đã bố trí 01 kho chứa chất thải diện tích 5m^2, kết cấu tường gạch, mái tôn, sàn đổ bê tông và có gờ ngăn chống tràn đổ chất thải ra ngoài môi trường. Trong kho chứa chất thải được ngăn riêng khu vực lưu chứa CTNH có gắn biển CTNH, được quản lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Cụm công nghiệp sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải CTNH.

c. Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải rắn nguy hại của Cụm công nghiệp.

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu giữ riêng biệt, phân loại bằng dán nhãn tên, ghi mã số CTNH theo quy định; Công ty đã bố trí kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 5 m^2 tường kho chất thải nguy hại là tường gạch đặc M75, vữa xi măng M75, trát vữa xi măng M75, sơn lót chống kiềm và 2 lớp phù màu. Nền kho chất thải nguy hại là bê tông cốt thép cấp bền B15 (M200), đá 1x2cm. Bên ngoài kho lưu giữ có gắn biển cảnh báo theo TCVN 6707:2009, kích thước 30x30cm và các biển cảnh báo nguy hiểm chất lỏng dễ cháy, chất độc sinh thái và chất dễ ăn mòn.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải tập trung theo tính toán dự kiến trong 1 năm là 4 m^3, được chứa xong bể 40,5 m^3, bể bê tông cốt thép.

- Tổng công ty 319 định kỳ 01 lần/năm sẽ thuê đơn vị có chức năng hút vận chuyển đi xử lý.

3.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Dự án không làm phát sinh tiếng ồn, độ rung, tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của Nhà máy xử lý nước thải tập trung các máy móc như máy thổi khí, máy bơm sẽ được lắp đặt chìm hoặc lắp đặt trong nhà chứa riêng, xây kín, hạn chế tối đa tiếng ồn gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Bên cạnh đó, tiếng ồn có thể phát sinh từ hoạt động của các dòng xe ra/vào KCN và của một số máy móc chuyên dụng như máy điều hòa không khí...

- Do đó, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung tại các khu vực hoạt động sản xuất, dự án áp dụng một số biện pháp sau:

+ Biện pháp công nghệ:

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong các Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng kỹ thuật để giảm độ rung; thường xuyên tra dầu bôi trơn.

+ Biện pháp quản lý:

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc, vận hành kỹ thuật tại các Nhà máy xử lý nước thải tập trung ở những vị trí thường xuyên phát sinh tiếng ồn như nút bịt chống tai.

3.6. Phương pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường

a. Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

Dự kiến trạm xử lý nước thải sẽ đưa vào vận hành thử nghiệm vào tháng 12/2026. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, Chủ dự án đã bố trí các công trình và thiết bị kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự cố nước thải, hạn chế tối đa nguy cơ phát sinh nước thải chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường tiếp nhận. Cụ thể như sau:

- Hệ thống thu gom và điều hòa:

+ Hệ thống thu gom nước thải được vận hành thử nghiệm đồng bộ, đảm bảo thu gom kín toàn bộ nước thải phát sinh trong CCN về nhà máy xử lý.

+ Bể điều hòa được đưa vào vận hành thử nghiệm nhằm điều hòa lưu lượng và tải lượng ô nhiễm, hạn chế hiện tượng sốc tải trong giai đoạn hiệu chỉnh công nghệ.

+ Bể điều hòa được trang bị sục khí, cảm biến mực nước và đường ống dẫn nước thải về bể sự cố khi có dấu hiệu bất thường.

- Công trình xử lý nước thải:

+ Các bể xử lý trong dây chuyền công nghệ được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có biện pháp chống thấm, đảm bảo không rò rỉ nước thải ra môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm.

+ Hệ thống châm hóa chất được bố trí bồn chứa có phao báo mức, van khóa và biển cảnh báo, đảm bảo an toàn trong quá trình hiệu chỉnh liều lượng hóa chất.

- Hệ thống điện - điều khiển:

+ Nhà máy được trang bị tủ điện điều khiển trung tâm, cho phép theo dõi, điều chỉnh và cảnh báo khi xảy ra sự cố kỹ thuật trong quá trình chạy thử.

- Bể sự cố:

+ Khi nhà máy xử lý nước thải tập trung đi vào vận hành chính thức thì Cụm công nghiệp có bố trí 01 bể có thể tích 80m^3 để ứng phó sự cố, tiếp nhận và lưu giữ toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong trường hợp:

Hệ thống xử lý gặp sự cố trong quá trình chạy thử;

Nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

Phát sinh sự cố kỹ thuật cần tạm dừng xả thải.

+ Nước thải được lưu giữ tạm thời trong bể sự cố và bơm trở lại Nhà máy xử lý nước thải để xử lý sau khi hoàn tất việc khắc phục và hiệu chỉnh công nghệ.

- Hệ thống van và thiết bị chuyển hướng dòng thải:

+ Bố trí van chặn tại cửa xả thải và các vị trí cần thiết, cho phép ngừng xả nước thải ngay khi phát hiện sự cố trong quá trình vận hành thử nghiệm.

+ Hệ thống đường ống được thiết kế để chuyển toàn bộ nước thải ở mương quan trắc về bể gom và được bơm dẫn về công trình ứng phó sự cố khi cần thiết. Do đó, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Vật tư ứng phó nhanh:

+ Dự trữ vật tư và hóa chất ứng phó (bao cát, hóa chất trung hòa…) nhằm xử lý nhanh các tình huống phát sinh trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Điều kiện an toàn trong vận hành thử nghiệm:

+ Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân tham gia vận hành thử nghiệm.

+ Bố trí vòi tắm khẩn cấp, thiết bị rửa mắt tại khu vực lưu trữ và sử dụng hóa chất.

+ Áp dụng quy trình ứng phó sự cố nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng vị trí vận hành.

b. Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải trong quá trình vận hành chính thức

**** Kịch bản xảy ra sự cố***

Các sự cố có khả năng xảy ra trong quá trình vận hành Trạm XLNT tập trung gồm:

- Sự cố lượng nước thải tăng đột biến.

- Sự cố chất lượng nước thải đầu vào vượt ngưỡng tiêu chuẩn đấu nối của CCN.

- Sự cố chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f=1,1).

- Sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc.

**** Phương án phòng ngừa sự cố***

Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố phù hợp với quy định tại Thông tư 41/2025/TT-BNNMT, cụ thể như sau:

- Nhân viên vận hành Trạm xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống.

- Kiểm tra tình trạng các bể xử lý và kiểm tra mẫu nước hàng ngày để điều chỉnh chế độ vận hành phù hợp.

- Bố trí một số thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế trong trường hợp xảy ra hư hỏng, sự cố.

- Bảo trì máy móc, thiết bị thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, lắp đặt.

- Lập nhật ký vận hành cho Trạm XLNT tập trung.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ giám sát nước thải theo quy định.

**** Phương án ứng phó sự cố***

+ Sự cố lượng nước thải tăng đột biến

Công tác vận hành Trạm XLNT tập trung được thực hiện liên tục 24h/ngày. Tại bể thu gom, bơm nước thải hoạt động tự động dựa trên nguyên lý độ cao phao mực nước trong bể gom. Cán bộ vận hành Trạm XLNT có trách nhiệm giám sát sự biến động mực nước tại bể thu gom trong toàn bộ ca làm việc. Khi phát hiện sự thay đổi bất thường về lưu lượng, trình tự thực hiện ứng phó như sau:

- Bật bơm tăng cường để gia tăng lưu lượng nước thải vào hệ thống xử lý.

- Ngay lập tức bố trí cán bộ đi kiểm tra, rà soát hố ga đấu nối nước thải của các doanh nghiệp trong CCN để xác định vị trí phát sinh lưu lượng bất thường.

- Báo cáo với Ban quản lý CCN để thông báo tạm ngưng tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp phát sinh bất thường vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN. Việc đấu nối chỉ thực hiện trở lại khi nhà máy thứ cấp khắc phục được sự cố.

- Ban quản lý CCN báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng phụ trách môi trường tại địa phương để phối hợp giám sát, xử lý và có chế tài phù hợp với nhà máy thứ cấp trong trường hợp vi phạm quy định BVMT.

+ Sự cố chất lượng nước thải đầu vào vượt ngưỡng tiếp nhận của Trạm XLNT tập trung

- Khi phát hiện sự cố bất thường về chất lượng nước thải đầu vào, trình tự thực hiện ứng phó như sau:

- Lấy mẫu và phân tích nhanh nước thải đầu vào để đánh giá chất lượng.

- Ngay lập tức bố trí cán bộ đi kiểm tra, rà soát cửa xả của các nhà máy thứ cấp, xác định vị trí nước thải đấu nối có sự bất thường về màu, mùi, độ đục,…

- Thực hiện đo nhanh một số chỉ tiêu tại hiện trường. Nếu vượt quy chuẩn đầu vào, báo cáo với Ban quản lý CCN để thông báo tạm ngừng tiếp nhận nước thải của nhà máy thứ cấp phát sinh bất thường vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN. Việc đấu nối chỉ thực hiện trở lại khi nhà máy thứ cấp khắc phục được sự cố.

- Báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng phụ trách môi trường tại địa phương để phối hợp giám sát, xử lý và có chế tài phù hợp với nhà máy thứ cấp trong trường hợp vi phạm quy định BVMT.

+ Sự cố chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A)

Khi phát hiện sự cố, thực hiện ứng phó như sau:

- Khóa van xả nước thải sau xử lý.

- Thông báo với Ban quản lý CCN để ra thông báo tạm ngừng tiếp nhận nước thải từ các nhà máy thứ cấp.

- Bố trí cán bộ kiểm tra hệ thống cấp điện, hóa chất, máy móc thiết bị,… và quy trình công nghệ, vận hành hệ thống để xác định, nhận diện vị trí xảy ra hư hại, sự cố và khắc phục tại vị trí nhận diện.

- Rà soát lại quy trình công nghệ, phân tích nhanh nước thải đầu ra để có sự can thiệp bổ sung.

- Toàn bộ nước thải được bơm trở lại bể điều hòa (trong trường hợp lưu lượng nước thải ít, thời gian xảy ra sự cố ngắn dưới 8h). Thời gian lâu hơn thì bơm cả sang bể sự cố. Cán bộ vận hành hệ thống XLNT phối hợp với đơn vị thiết kế, thi công; đơn vị cung cấp lắp đặt thiết bị, hóa chất tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục sự cố.

- Sau khi sự cố được khắc phục, bơm nước thải trở lại bể điều hòa để xử lý.

- Cán bộ vận hành nhà máy báo cáo với Ban quản lý CCN thông báo tới các nhà máy thứ cấp về thời gian bắt đầu tiếp nhận lại nước thải.

- Đồng thời, các nhà máy/cơ sở thành viên trong Cụm công nghiệp sẽ thông báo với Nhà máy xử lý nước thải tập trung khi có sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thải; khi tiến hành sữa chữa, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng Trạm xử lý nước thải cục bộ. Nội dung thông báo gồm: Thời gian sữa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp, bảo trì hệ thống, các thay đổi về chất lượng, lưu lượng nước thải trong thời gian này.

+ *Sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc*

Do quá trình xử lý nước thải là một dây chuyền khép kín, bất kỳ sự trục trặc kỹ thuật xảy ra ở công đoạn nào đó cũng có thể ảnh hưởng tới hiệu xuất xử lý của tất cả các công đoạn tiếp theo. Hiện tại các thiết bị đều có dự phòng (2 thiết bị cùng loại hoạt động luân phiên). Đồng thời, các nhân viên vận hành hệ thống có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng thiết bị để hạn chế các sự cố này xảy ra. Một số sự cố có thể xảy ra với thiết bị và biện pháp khắc phục được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3.10. Một số sự cố và biện pháp khắc phục đối với máy móc, thiết bị của Trạm XLNT tập trung

TT	Hạng mục	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm nước thải bể thu gom, bể điều hoà		
-	Bơm có điện vào nhưng không hoạt động	- Nước trong bể chứa cạn hoặc chưa đủ - Bơm bị kẹt rác - Cột áp quá lớn - Vỡ bạc đạn - Moto bị cháy	- Chờ đủ nước - Kiểm tra và thông rác - Kiểm tra và hạ áp lực xuống - Kiểm tra và thay mới - Kiểm tra, sửa chữa hoặc thay mới
-	Bơm không có điện vào	- Do điện động lực (dây điện đứt, mối nối điện bị hở,…) - Do điện điều khiển (khởi động từ, PLC,…) - Do quá nhiệt hoặc quá tải (đèn vàng trên tỷ điều khiển cháy sáng) - Công tắc phao không hoạt động do phao bị kẹt, không có điện đến phao,…	- Kiểm tra, tìm nguyên nhân cụ thể và khắc phục - Khởi động, vận hành lại hệ thống
2	Máy khuấy chìm bể điều hoà		

-	Máy có điện vào nhưng không hoạt động	- Moto bị cháy	- Kiểm tra, khắc phục hoặc thay mới
-	Máy không có điện vào	- Do điện động lực (dây điện đứt, mối nối điện bị hở,…) - Do điện điều khiển (khởi động từ, PLC,…) - Do quá nhiệt hoặc quá tải (đèn vàng trên tủ điều khiển cháy sáng)	- Kiểm tra, tìm nguyên nhân cụ thể và khắc phục - Khởi động, vận hành lại hệ thống
3	Hệ thống điều khiển tự động và phần mềm điều khiển		
-	Rơ le nhiệt, CB, khởi động từ bị hỏng	- Do quá tải hoặc quá nhiệt ở các moto dẫn đến dòng cao đột ngột gây hỏng rơ le nhiệt - Do sự không ổn định của dòng điện cấp cho tủ điều khiển	- Thay rơ le nhiệt mới - Kiểm tra và khắc phục
-	Cầu chì, rơ le kiến, đèn tín hiệu bị hỏng	Do dòng điện cấp cho tủ điều khiển không ổn định	Thay mới
-	Tủ không tự động ngắt khi sụt áp, mất pha hay đảo pha	Có sự cố ở mạch điều khiển	Kiểm tra, tìm nguyên nhân cụ thể và khắc phục
-	Các máy hoạt động không đúng với chương trình hoặc PLC mất chương trình	Có vấn đề ở bộ PLC	Kiểm tra, tìm nguyên nhân cụ thể và khắc phục
4	Các thiết bị dùng điện áp 3 pha quay ngược chiều	- Đấu không đúng pha - Do nguồn điện cấp bị đảo pha và mạch kiểm soát chống đảo pha mất pha bị sự cố	- Kiểm tra và đảo vị trí 2 dây trong 3 dây pha - Kiểm tra và khắc phục
5	Tất cả các máy quá nóng	- Thiếu nhớt - Vỡ bạc đạn - Môi trường thông gió không tốt - Do chi tiết chuyển động cọ vào chi tiết đứng yên	- Kiểm tra và bổ sung nhớt - Kiểm tra và thay mới - Thông gió tốt hơn
6	Các thiết bị quan trắc tự động, liên tục không hiển thị kết quả hay số liệu không chính xác	- Đầu rò bị vướng rác hoặc hư hỏng	- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh đầu dò của thiết bị

c. Phòng ngừa cháy nổ

Để hạn chế nguy cơ cháy nổ, Công ty đã thực hiện các biện pháp kỹ thuật

- Duy trì các thiết bị điện hoạt động ở điều kiện ổn định, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện gây mất an toàn.
- Dự trù phương án PCCC kịp thời, bố trí các họng cứu hỏa cấp nước bên ngoài (các họng cứu hỏa được bố trí dọc trên vỉa hè)

Trang bị bơm cấp nước phục vụ công tác PCCC, bể chứa nước...

- Quy trình ứng phó khi có sự cố cháy nổ được Công ty sử dụng như sau:

+ Bước 1: Báo động;

+ Bước 2: Ngắt điện, nguồn nguy hiểm khác đang hoạt động;

+ Bước 3: Báo cho lực lượng PCCC;

+ Bước 4: Tiến hành song song các hoạt động sau:

- Sử dụng các phương tiện có sẵn để dập cháy (lưu ý phải sử dụng nước, chất chữa cháy đúng cho từng loại chất cháy)
- Cứu người bị nạn
- Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy
- Di tản người.

Bảng 3.11. Các thiết bị PCCC đã lắp đặt

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất
1	Máy bơm điện chữa cháy Q=54-144m³/h H=79,5-48,5mcn Số seri E000255-19	KP65-250/30	Bộ	01	Windy Việt Nam	2019
2	Máy bơm diesel chữa cháy Q=54-144m³/h H=79,5-48,5mcn Số seri bơm D000105 Số seri động cơ J016430	KPR65-250/30 D4BB	Bộ	1	Windy Việt Nam / Huyndai Hàn Quốc	2019
3	Tủ điện điều khiển bơm chữa cháy	-	01		Hải Phát Việt Nam	2017
4	Cột nước chữa cháy 2 cửa DN100	SS 100/65-1.6	Chiếc	34	Trung Quốc	2016

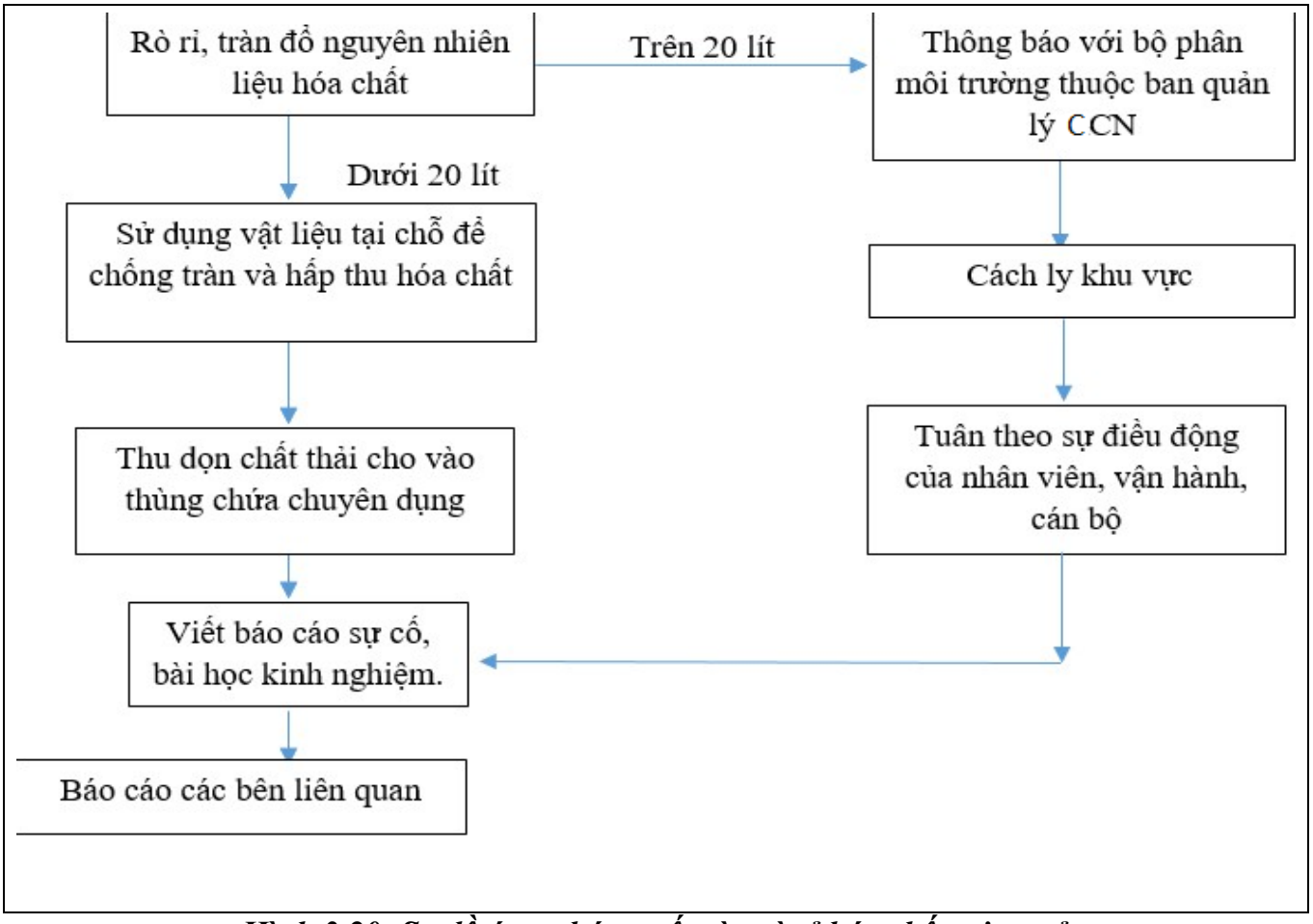


Hình 3.19. Các thiết bị về PCCC đã lắp đặt tại CNN

d. Kế hoạch ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường

Trong trường hợp các sự cố rò rỉ phát tán chất hóa học độc hại ra môi trường, CCN sẽ thực hiện các biện pháp ứng phó như sau:

Khi có sự cố rò rỉ, tràn đồ hóa chất độc hại tuyệt đối không dùng nước để khống chế sự cố vì nước sẽ làm lan rộng hóa chất độc hại.



Hình 3.20: Sơ đồ ứng phó sự cố tràn rò rỉ hóa chất tại cơ sở

Tràn đổ ít

Làm thoáng khu vực, diện tích tràn đổ, cô lập khu vực tràn đổ, cách li nguồn nhiệt, những người không có nhiệm vụ không được vào;

❖ Cán bộ chuyên trách trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong khi tiến hành xửlý chất thải, tiến hành hấp thụ hóa chất, chất thải nguy hại thể lỏng bằng vật liệu trơ (cát, đất...) sau đó lưu trữ và bảo quản như chất thải nguy hại.

Tràn đổ nhiều

❖ Làm thoáng khu vực, diện tích tràn đổ, cô lập khu vực tràn đổ, cách li với nguồn nhiệt, những người không có nhiệm vụ không được vào;

❖ Cán bộ chuyên trách trang bị đầy đủ bảo hộ lao động tiến hành hấp thụ hóa chất bằng vật liệu trơ (cát, đất...) sau đó dựng trong thùng kín. Công ty sẽ tùy tình hình sự cố mà thông báo cho các cơ quan chức năng của địa phương và các đơn vị có năng lực xử lý hóa chất hỗ trợ khắc phục sự cố;

❖Sau khi xử lý sự cố, Công ty phải xác định nguyên nhân gây ra sự cố, các biện pháp khắc phục và rút kinh nghiệm bằng văn bản.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014. Đến thời điểm hiện tại, cụm công nghiệp đã xây dựng các hạng mục bảo vệ môi trường với quy mô như sau:

Bảng 3.12. Tổng hợp các hạng mục công trình BVMT của Dự án được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt

TT	Hạng mục	Theo QĐ phê duyệt ĐTM 290/QĐ-STNMT	Theo thực tế	Lý do điều chỉnh
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Nước mưa chảy tràn → Song chắn rác → Hệ thống cống chung KCN BTCT D600-1000 → kênh tiêu Ngọc Quỳnh.	Giữ nguyên, không điều chỉnh	-
2	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Nước thải của các nhà máy và nước thải sinh hoạt khu nhà văn phòng, nhà vệ sinh hệ thống XLNT tập trung (đã qua bể tự hoại 3 ngăn) → Cống tròn BTCT D300-400 → Hệ thống XLNT tập trung→ mương thoát nước chung (theo giấy phép xả thải đã được cấp).	Giữ nguyên, không điều chỉnh	-
3	Trạm xử lý nước thải	- Quy trình xử lý: Nước thải của các nhà máy, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại→mạng lưới thu→SCR → Trạm bơm cấp 1 → Bể tách dầu mỡ, chất nổi → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Bể khử trùng → nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Công suất 400 m^3/ngày đêm.	Giữ nguyên, không điều chỉnh	-

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải

a. Nguồn nước thải phát sinh ngoài phạm vi nhà máy xử lý nước thải tập trung dẫn về xử lý gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải của doanh nghiệp, cơ sở thành viên trong CCN Minh Khai.

b. Nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động của Ban quản lý CCN:

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh khu nhà điều hành hệ thống XLNT tập trung và khu nhà văn phòng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dự án có 01 dòng nước xả thải vào môi trường, cụ thể như sau: Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 400 m^3/ngày.đêm thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Mương thoát nước chung tại khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 105^0, Múi chiếu 3^0:

+ Tọa độ: X = 2321747,9; Y = 549906,7;

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất: 400 m^3/ngày.đêm

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Bơm cưỡng bức nước thải sinh hoạt sau Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m^3/ngày.đêm được bơm cưỡng bức ra mương thoát nước khu vực.

2.5. Chế độ xả nước thải:

- Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về BVMT và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,1. Bắt đầu từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ tuân thủ theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 40:2011/BTNMT	QCVN 40:2025/BTNMT		
1	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m^3/ngày đêm	400	400	3 tháng/ lần	Thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	^oC	40	40		
3	pH	-	6-9	6-9		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5	40		
5	COD	mg/l	74,25	65		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95	5,0		
7	Màu	Pt/Co	50	50	3 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng
8	BOD5	mg/l	29,7	40		
9	Asen	mg/l	0,0495	0,05		
10	Thuỷ ngân	mg/l	0,00495	0,001		
11	Chì	mg/l	0,099	0,1		
12	Cadimi	mg/l	0,0495	0,02		
13	Crom (VI)	mg/l	0,0495	0,1		
14	Crom (III)	mg/l	0,198	-		
	Tổng Crom	mg/l	0	0,5		
15	Đồng	mg/l	1,98	1,0		
16	Kẽm	mg/l	2,97	1,0		
17	Niken	mg/l	0,198	0,1		
18	Mangan	mg/l	0,495	2,0		
19	Sắt	mg/l	0,99	2,0		
20	Tổng xianua	mg/l	0,0693	0,2		
21	Tổng phenol	mg/l	0,099	1,0		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	1,0		
23	Sunfua	mg/l	0,198	0,2		
24	Florua	mg/l	4,95	3,0		

25	Tổng Nitơ	mg/l	19,8	20		
26	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,96	4		
27	Clorua	mg/l	495	500		
28	Clo dư	mg/l	0,99	1,0		
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495	0,05		
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,297	0,3		
31	Tổng PCB	mg/l	0,00297	0,003		
32	Coliforms	Vi khuẩn /100ml	3.000	3.000		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1	-		
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1,0	-		

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Do đặc trưng của cơ sở là hạ tầng kỹ thuật nhà máy xử lý nước thải của Cụm công nghiệp nên gần như không phát sinh khí thải cũng như bụi phát tán trong quá trình hoạt động. Lượng bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện, thiết bị hoạt động của cơ sở thấp. Do đó cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của thiết bị được lắp đặt trong nhà điều hành của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất 400 m^3/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01: Tại khu vực phòng điều hành Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400 m^3/ngày đêm;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn về tiếng ồn, độ ung theo quy định; cụ thể như sau:

Từ nay đến hết ngày 31/12/2026, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở phải bảo đảm

đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung của cơ sở (từ nay đến 31/12/2026)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định	
			QCVN 27:2010/BTNMT (khu vực thông thường)	**QCVN 26:2010/BTNMT (khu vực thông thường)**
1	Tiếng ồn	dBA	-	70 (6-21h) 55 (21-6h)
2	Độ rung	dB	70 (từ 6-21h)	-
			60 (từ 21-6h)	

Từ 01/01/2027, tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.3 Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở (từ 01/01/2027)

TT	Giới hạn tối đa cho phép, dBA			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực D

Bảng 4.4. Giới hạn đối với độ rung của cơ sở (từ 01/01/2027)

TT	Giá trị tối đa cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực D

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cụm công nghiệp không có dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1.Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

1. Kết quả đấu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung (tính đến thời điểm hiện tại)

- Do hệ thống thu gom nước thải và Trạm xử lý nước thải tập trung đang trong quá trình cải tạo, nâng cấp nên việc thực hiện ký thỏa thuận đấu nối và hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các cơ sở thứ cấp chưa được triển khai. Chủ đầu tư dự kiến sau khi hoàn thành công tác nạo vét, cải tạo hệ thống thu gom nước thải, hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường, hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và hoàn thiện thủ tục môi trường theo quy định sẽ tổ chức ký kết thỏa thuận đấu nối, hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải và thực hiện đấu nối chính thức đối với các cơ sở sản xuất trong Cụm công nghiệp. Thời gian đấu nối dự kiến tháng 11 năm 2026.

- Số cơ sở đã hoàn thành thủ tục đấu nối và ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải: **0 cơ sở**.

2. Vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp:

- Trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng, công suất 400 m^3/ngày đêm;

- Tỷ lệ nước thải phát sinh so với công suất xử lý và nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải tập trung: Hiện nay hệ thống thu gom nước thải đang trong quá trình cải tạo, nâng cấp nên chưa thu gom được nước thải tập trung về Trạm xử lý nước thải để vận hành xử lý. Do đó nước thải đầu vào chưa phát sinh và nước thải đầu ra sau xử lý chưa phát sinh. Chủ đầu tư sẽ cập nhật sau khi hoàn thành được công tác đấu nối;

- Lượng điện tiêu thụ cho việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung (KWh/tháng): không phát sinh. Do Trạm xử lý nước thải tập trung chưa vận hành nên chưa phát sinh điện năng tiêu thụ phục vụ hoạt động xử lý nước thải;

- Lượng bùn thải phát sinh, biện pháp xử lý: Không phát sinh bùn thải do trạm xử lý nước thải chưa hoạt động;

3. Kết quả quan trắc nước thải

Từ thời điểm xây dựng hoàn thành trạm, trạm chưa phát sinh nước thải đầu ra sau xử lý để thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định. Hiện nay Chủ đầu tư đang thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải, Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m^3/ngày đêm, đồng thời triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Sau khi hoàn thành công trình, thực hiện vận hành thử

nghiệm và đưa Trạm vào vận hành chính thức, Chủ đầu tư sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của Giấy phép môi trường được cấp và các quy định hiện hành.

4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối nhỏ và được thu gom, lưu chứa trong các thùng chứa CTR sinh hoạt đặt tại khu vực nhà văn phòng. Cơ quan môi trường địa phương thu gom hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp và nguy hại chưa phát sinh do chưa vận hành trạm xử lý nước thải.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường: Cơ sở chưa phát sinh do trạm xử lý nước thải đang cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải về trạm để xử lý.

- Kết quả quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở: Chưa thực hiện do trạm xử lý nước thải chưa hoạt động.

5.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

a. Việc chấp hành nộp phạt theo quyết định

- Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên, tổng số tiền bị phạt là 2.195.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 17/10/2025 Tổng Công ty đã nộp đủ tiền phạt (có Giấy nộp tiền kèm theo).

b. Việc thực hiện các nội dung theo quyết định

Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên, có 15 hành vi vi phạm. Hiện nay Tổng Công ty 319 đã và đang triển khai thực hiện. Cụ thể:

Nội dung hành vi vi phạm	Kết quả và tiến độ thực hiện
Hành vi số 01: Không có Giấy phép môi trường theo quy định	Hiện tại CCN đã hoàn thành xong báo cáo giấy phép và nộp vào Sở NN và Môi trường.
Hành vi số 02: Không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định	Đã thực hiện xong (đã bố trí 01 nhân sự có chuyên môn phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020)
Hành vi số 03: Không bố trí diện tích cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy định	Đang thực hiện (đã ban hành văn bản đề nghị các hộ lấn

	chiếm hành lang cây xanh phải trả lại mặt bằng để Tổng Công ty 319 trồng cây xanh)
Hành vi số 04: Không ban hành Quy chế BVMT Cụm CN theo quy định	Đã thực hiện xong (đã ban hành Quy chế BVMT tại CCN Minh Khai mở rộng theo Quyết định số 1131/QĐ-BGĐ ngày 23/12/2025)
Hành vi số 05: Không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về BVMT của tổ chức, cá nhân hoạt động trong CCN	Đang thực hiện (đang hướng dẫn và yêu cầu mỗi cơ sở sản xuất chỉ được phép có một họng xả nước thải vào hệ thống thu gom chung. Nếu vi phạm, sẽ lập biên bản, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử phạt)
Hành vi số 06: Không nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải theo quy định	Đang thực hiện dự kiến hoàn thành vào tháng 11/2026.
Hành vi số 07: Không thu gom, đấu nối triệt để nước thải của các cơ sở sản xuất trong CCN vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung theo quy định	Đang thực hiện (đang hướng dẫn từng hộ khách hàng xây dựng bể lắng 3 ngăn trong lô đất thuê để thu gom nước thải trước khi xả ra hệ thống thu gom nước thải chung của CCN. Sau đó ký thỏa thuận đấu nối nước thải theo mẫu đã được Tổng Công ty 319 phê duyệt tại Văn bản số 1720/TCT319-ĐTƯ ngày 27/6/2025)
Hành vi số 08: Không vận hành hoặc vận hành không đúng hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN theo quy định	Đã và đang thực hiện - (Đã xong Gói thầu số 04: Phục hồi trạm XLNT để hoạt động bình thường trở lại. - Đang thực hiện Gói thầu số 05, trong đó có phần nạo vét hệ thống thu gom nước thải. Khi xong phần việc này, Trạm XLNT mới vận hành chính thức)
Hành vi số 09: Không có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Đã lắp xong hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, đang hoàn thành nốt thủ tục kết nối về Sở.
Hành vi số 10: Không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải định kỳ năm 2023 theo quy định	Sắp tới, khi Gói thầu số 05 xong (lắp đặt trạm quan trắc xong), sẽ thực hiện nội dung về quan trắc nước thải định kỳ hàng năm kể từ năm 2026 trở đi
Hành vi số 11: Không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 theo quy định	Sắp tới, khi Gói thầu số 05 xong (lắp đặt trạm quan trắc xong), sẽ thực hiện nội dung về quan trắc nước thải định kỳ hàng năm kể

	từ năm 2026 trở đi
Hành vi số 12: Không lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với Trạm XLNT tập trung công suất 400m³/ngày đêm	Sắp tới, khi Gói thầu số 05 xong, đồng thời Trạm XLNT chính thức hoạt động, sẽ lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải
Hành vi số 13: Không xây dựng, lắp đặt công trình, trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải đối với Trạm XLNT tập trung	Khi kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được lập và được phê duyệt, sẽ tiến hành xây dựng, lắp đặt trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải
Hành vi số 14: Không lập báo cáo công tác BVMT năm 2023 theo quy định	Sắp tới, khi Gói thầu số 05 xong, được UBND tỉnh Hưng yên cấp Giấy phép môi trường, sẽ lập báo cáo công tác BVMT hàng năm theo quy định (kể từ năm 2026 trở đi)
Hành vi số 15: Không lập báo cáo công tác BVMT năm 2024 theo quy định	Sắp tới, khi Gói thầu số 05 xong, được UBND tỉnh Hưng yên cấp Giấy phép môi trường, sẽ lập báo cáo công tác BVMT hàng năm theo quy định (kể từ năm 2026 trở đi)

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình của cơ sở

Chủ cơ sở tiến hành kế hoạch vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400m^3/ngày đêm.Tuân thủ theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, chủ cơ sở có hệ thống xử lý chất thải nước thải, sau khi được cấp giấy phép môi trường, phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Thời gian vận hành thử nghiệm tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ tháng 11/2026-4/2027

Bảng 6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
1	Trạm xử lý nước thải công suất : 400m^3/ngày.đêm	Kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (dự kiến tháng 11/2026)	06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (dự kiến tháng 4/2027)	Đạt khoảng 60-70% tải trọng thiết kế

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm tuân thủ quy định theo Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

Bảng 6.2 Thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu chất thải, giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải

STT	Đánh giá theo Công đoạn xử lý	Chỉ tiêu phân tích	Ngày thứ 1	Ngày thứ 2	Ngày thứ 3	Ngày thứ 4	Ngày thứ 5	Ngày thứ 6	Ngày thứ 7
1	Công đoạn phản ứng hóa lý (keo tụ - lắng)	pH, độ màu, TSS, COD, BOD, Kim loại nặng (Fe, Mn, Cr(III), Cr(IV), Pb, As, Hg), Pt	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi	Đầu vào bể tách dầu mỡ, chất nổi
			Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý	Đầu ra tại bể lắng hóa lý
2	Công đoạn xử lý	pH, độ màu, COD, BOD, NH_4^+, tổng P, tổng N, NO_3^-	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)	Đầu vào bể điều hòa (đầu ra bể lắng hóa lý)
			Đầu vào tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2
3	Lọc và khử trùng	Coliform, TSS	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2	Đầu ra tại bể lắng 2
			Đầu ra của bể	Đầu ra của bể khử	Đầu ra của bể khử	Đầu ra của bể khử	Đầu ra của bể khử	Đầu ra của bể khử	Đầu ra của bể khử

			khử trùng	trùng	trùng	trùng	trùng	trùng	trùng
4	Tại mương quan trắc tự động	pH, COD, TSS, lưu lượng, amoni, Nhiệt độ	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động	Các thông số được ghi chép từ hệ thống quan trắc tự động

Bảng 6.3: Chương trình quan trắc để đánh giá hiệu quả của cả công trình xử lý (lấy mẫu nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống)

STT	**Đánh giá toàn hệ thống**	**Chỉ tiêu phân tích**	**Ngày thứ 1**	**Ngày thứ 2**	**Ngày thứ 3**	**Ngày thứ 4**	**Ngày thứ 5**	**Ngày thứ 6**	**Ngày thứ 7**
1	Đầu vào tại ngăn tiếp nhận	33 chỉ tiêu theo quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A	Đầu vào tại ngăn tiếp nhận						

2	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	33 chỉ tiêu theo quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung	Tại điểm xả trước khi ra kênh thoát nước chung

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Cột 2 với mức lưu lượng quy định tại Cột 4 Phụ lục XXVIII phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 6.4. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Các thông số giám sát	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
				Hiện nay	Từ 01/01/2032
I	**Quan trắc nước thải**				
1	Nước thải trước xử lý	3 tháng/lần	Nhiệt độ, độ màu, pH, BOD_5, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, CN-, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua (tính theo H2S), $NH4^+$_N, Tổng N, Tổng P, Cl-, Clo dư, Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, Hoá chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, PCBs, Coliforms, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, F-	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9, Kf=1,1	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A
2	Nước thải sau xử lý của			QCVN 40:2011/ATNMT, cột B, Kq=0,9, Kf=1,1	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A

6.2.2. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Hiện nay, Cơ sở đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục (có camera theo dõi) và đã kết nối, truyền dữ liệu ổn định về sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên theo dõi, giám sát đối với nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất tối đa 400 m^3/ngày đêm. Chương trình quan trắc tự động, liên tục của cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 6.5. Chương trình quan trắc môi trường tự động của cơ sở

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Các thông số giám sát	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
				Hiện nay	Từ 01/01/2032
1	Kênh dẫn nước thải sau xử lý tại	Liên tục	Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, Nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9, Kf=1,1	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí giám sát môi trường hàng năm của cơ sở khoảng 300.000.000/năm (căn cứ vào Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên). Chi tiết kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 6.6. Dự kiến chi phí quan trắc môi trường hàng năm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Đơn giá/lần quan trắc
1	Nhiệt độ	^oC	60.236
2	Độ màu	-	79.789
3	pH	mg/l	59.633
4	BOD5	mg/l	220.253
5	COD	mg/l	292.478
6	TSS	Pt/Co	178.069

7	As	mg/l	536.860
8	Hg	mg/l	540.406
9	Pb	mg/l	509.731
10	Cd	mg/l	509.731
11	Cr^{6+}	mg/l	444.968
12	Cr^{3+}	mg/l	444.968
13	Cu	mg/l	444.968
14	Zn	mg/l	444.968
15	Ni	mg/l	444.968
16	Mn	mg/l	444.968
17	Fe	mg/l	444.968
18	CN-	mg/l	368.574
19	Tổng Phenol	mg/l	463.137
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1.125.624
21	Sunfua	mg/l	300.434
22	NH4+_N	mg/l	335.969
23	Tổng N	mg/l	333.538
24	Tổng Photpho	mg/l	460.787
25	Cl-	mg/l	315.713
26	Clo dư	mg/l	362.059
27	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	2.476.613
28	Hoá chất bảo vệ	mg/l	2.588.650
29	PCBs	mg/l	2.558.650
30	Coliform	mg/l	640.015
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	2.588.650	2.588.650
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	2.588.650	2.588.650
33	F-	417.770	417.770

CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Cam kết vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại giấy phép đã được cấp và dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường đã được cấp và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Cam kết trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép đã được cấp sẽ thực hiện báo cáo cơ quan cấp phép.

**) Cam kết việc thu gom, xử lý nước thải:*

- Cam kết xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà máy thứ cấp được đầu tư trong KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,1 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý sẽ tuân thủ theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A) trước khi thoát ra mương điều hoà của Khu công nghiệp.

- Cam kết đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Cam kết vận hành thường xuyên và truyền dữ liệu quan trắc nước thải liên tục, tự động về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên theo quy định.

**) Cam kết đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:*

- Cam kết các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định trong giấy phép được cấp.

- Cam kết thực hiện định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**) Cam kết về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:*

- Cam kết thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định trong Giấy phép môi trường được phê duyệt và Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

- Với tư cách là Chủ cơ sở, Tổng công ty 319 cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

a. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến phê duyệt cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MSDN 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký sửa đổi lần thứ 14 ngày 17/07/2025 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 051 01 000 618 chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Biên bản giao đất trên thực địa ngày 22/4/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên, UBND thị trấn Như Quỳnh và Tổng Công ty 319;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chủ trương đầu tư;

- Hợp đồng thuê đất số 210/HĐ-TĐ ngày 07/9/2020, số 03/HĐ-TĐ ngày 11/9/2016 giữa UBND tỉnh Hưng Yên và Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng;

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2449/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 06/9/2017;

- Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất, diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh;

- Văn bản số 1971/TCT319-VP về việc thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 14 của Tổng Công ty;

- Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 1027/KĐ-PCCC-P7 ngày 21/1/2019 của Bộ Công an – Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

- Văn bản số 145/KQKT-SXD ngày 07/3/2019 của Sở Xây dựng – UBND tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2698/GP-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 125/TD-PCCC2015 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hưng Yên;

- Văn bản số 10/NT-PC07 ngày 01/2/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Hưng Yên về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Biên bản kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, sử dụng lao động, quy hoạch, xây dựng, hoạt động điện lực và sử dụng điện của đoàn kiểm tra theo quyết định số 1153/QĐ-UBND và quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

b. Văn bản về môi trường của cơ sở

- Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319;

c. Văn bản liên quan đến công tác thanh kiểm tra hoạt động của cơ sở

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

1. Bản vẽ thoát nước mưa
2. Bản vẽ thoát nước thải
3. Bản vẽ thiết kế trạm xử lý nước thải

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

a. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến phê duyệt cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MSDN 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký sửa đổi lần thứ 14 ngày 17/07/2025 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội; - Văn bản số 1971/TCT319-VP về việc thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 14 của Tổng Công ty;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 051 01 000 618 chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;

-Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chủ trương đầu tư;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Biên bản giao đất trên thực địa ngày 22/4/2016 giữa Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên, UBND thị trấn Như Quỳnh và Tổng Công ty 319;

- Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất, diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh;

- Hợp đồng thuê đất số 210/HĐ-TĐ ngày 07/9/2020, số 03/HĐ-TĐ ngày 11/9/2016 giữa UBND tỉnh Hưng Yên và Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 125/TD-PCCC2015 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hưng Yên;

- Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 1027/KĐ-PCCC-P7 ngày 21/1/2019 của Bộ Công an – Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

- Văn bản số 10/NT-PC07 ngày 01/2/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Hưng Yên về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Văn bản số 145/KQKT-SXD ngày 07/3/2019 của Sở Xây dựng – UBND tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;

- Biên bản kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, sử dụng lao

động, quy hoạch, xây dựng, hoạt động điện lực và sử dụng điện của đoàn kiểm tra theo quyết định số 1153/QĐ-UBND và quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

b. Văn bản về môi trường của cơ sở

- Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319;

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2449/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 06/9/2017;

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2698/GP-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên;

c. Văn bản liên quan đến công tác thanh kiểm tra hoạt động của cơ sở

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0100108984

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 05 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 16 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 319 CORPORATION MINISTRY OF NATIONAL DEFENCE
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 63, đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0243.8319319* SốFax: *0243.8731458*

Thư điện tử: *tcty319@gmail.com* Website: *www.319.com.vn*

3. Vốn điều lệ : 920.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín trăm hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: BỘ QUỐC PHÒNG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 564/QĐ-BQP

Ngày cấp: 22/04/1996 Nơi cấp: Bộ Quốc Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 7 Nguyễn Tri Phương,, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN MINH KHIÊM Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *16/12/1972* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân : *034072012465*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Biệt thự ML5-16A Vinhomes Greenbay, TDP Vinhomes Greenbay, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Hồng Hạnh

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Số:

306870/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: *Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.37347512 Số Fax:

Thư điện tử: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

Mã số doanh nghiệp: 0100108984

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): NGUYỄN MINH KHIÊM Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: NGUYỄN VIỆT DŨNG Điện thoại: 0985234888
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 63, đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: *0243.8319319* Fax: *0243.8731458* Email: *tcty319@gmail.com*
4	Hình thức hạch toán: *Hạch toán độc lập*

5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12*
6	Tổng số lao động: *1723*

Nơi nhận:
-TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG. Địa chỉ:Số 63, đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Đinh Thị Kim Oanh.....

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Hồng Hạnh

BỘ QUỐC PHÒNG
TỔNG CÔNG TY 319

Số 1971 /TCT319-VP

V/v thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 14 của Tổng Công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty.

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng do Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp/Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 16/7/2025 có thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể là thay đổi địa chỉ hành chính của: *(1)* Trụ sở chính (Tổng Công ty 319), *(2)* Chủ sở hữu (Bộ Quốc phòng), *(3)* Người đại diện theo pháp luật.

Tổng Công ty đề nghị các cơ quan, đơn vị cập nhập, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của đơn vị mình theo đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty để bảo đảm tính pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nhận được Công văn này, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, BGĐ, KSV TCT;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu: VT, VP. Ti45.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY 319

Đại tá Nguyễn Minh Khiêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
Số: 051 01 000 618

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 01 năm 2014

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 84/TTr-SKHĐT ngày 21/01/2014; Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng của Tổng Công ty 319 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

* Chủ đầu tư: **Tổng Công ty 319:**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108984 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02/10/2013;

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng Tú - Tổng Giám đốc.

* Đơn vị thực hiện Dự án: **Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319:**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100108984-031 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02/10/2013;

- Địa chỉ trụ sở chính: Ban Quản lý Cụm công nghiệp Làng nghề Minh Khai, thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm;

- Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Phạm Ngọc Vịnh.

Đăng ký thực hiện Dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Tên Dự án đầu tư: **Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.**

Điều 2: Mục tiêu và quy mô Dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng để tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực thu hút đầu tư: Sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại; sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng; sản xuất và tái chế nhựa;

- Quy mô sử dụng đất: 172.528m^2 (trong đó: Đất xây dựng nhà xưởng: 95.766m^2, đất khu kỹ thuật đầu mối: 1.750m^2, đất thương mại dịch vụ: 8.251m^2, đất cây xanh: 21.275m^2, đất giao thông: 45.486m^2).

Điều 3: Địa điểm thực hiện Dự án: Tại khu đất có diện tích 172.528m^2 thuộc địa bàn thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng).

Do trong khu đất trên có một phần là đất lúa, việc giao đất cho Tổng Công ty 319 thuê phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định khác có liên quan.

Điều 4: Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án: 298.387 triệu đồng, trong đó:

- Vốn vay tín dụng: 198.387 triệu đồng;

- Vốn tự có và vốn góp bổ sung để thực hiện Dự án: 100.000 triệu đồng (Chủ đầu tư cam kết góp đủ trong vòng 28 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư).

Điều 5: Thời hạn thực hiện Dự án là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6: Tiến độ thực hiện Dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

- Tháng thứ 01 đến tháng thứ 15: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý; đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng;

- Tháng thứ 16 đến tháng thứ 47: Xây dựng các hạng mục công trình; đưa một phần dự án đi vào hoạt động;

- Tháng thứ 48: Đưa toàn bộ Dự án đi vào hoạt động kinh doanh.

Điều 7: Các ưu đãi đối với Dự án: Được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8: Trách nhiệm của nhà đầu tư:

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện Dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được chấp thuận; nhà đầu tư góp vốn để thực hiện Dự án theo đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng, đầy đủ mục tiêu và tiến độ Dự án đã được chấp thuận thì không được hưởng các chính sách ưu đãi;

- Lập hồ sơ thiết kế cơ sở trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

- Xây dựng các hạng mục công trình theo đúng Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Tuân thủ những quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư (báo cáo theo mẫu số 6 quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư) và các văn bản pháp lý có liên quan;

- Trường hợp Dự án có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ xây dựng, sản xuất và sinh hoạt, Công ty phải lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ và các văn bản pháp lý có liên quan. Nghiêm cấm việc tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép: Thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước, khai thác nước dưới lòng đất theo quy định của pháp luật;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ, an toàn lao động và các quy định khác liên quan đến việc triển khai Dự án; chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Việc thực hiện Dự án đầu tư: Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà sau 12 (mười hai) tháng nhà đầu tư không triển khai hoặc Dự án chậm tiến độ quá 12 (mười hai) tháng so với tiến độ thực hiện Dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư này thì bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư;

- Việc sử dụng đất đai: Đối với khu đất được thuê mà nhà đầu tư không sử dụng trong thời gian 12 (mười hai) tháng liền hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 (hai mươi bốn) tháng so với tiến độ ghi trong Dự án đầu tư, kể từ ngày nhận bàn giao đất ngoài thực địa mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thì sẽ bị thu hồi;

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng; các quy định khác của Nhà nước có liên quan và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư này.

Điều 9: Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho Tổng Công ty 319, một bản lưu tại UBND tỉnh Hưng Yên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Minh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 16 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 681/BC-SKHĐT ngày 02/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108984 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/02/2016.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng Tú; sinh ngày 29/5/1966; quốc tịch Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số 05025452 do Quân khu 3 cấp ngày 15/9/2009.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 81/260 đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 81/260 đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Chức danh: Tổng giám đốc.

*** Đơn vị thực hiện: CHI NHÁNH HƯNG YÊN - TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108984-031 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/5/2016.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Người đứng đầu chi nhánh: Ông Phạm Ngọc Vịnh; sinh ngày 04/02/1970; quốc tịch Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số 013583870 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2012.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 307, nhà A1, khu tập thể Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện tại: Ngõ 81, xóm 3, thôn Mễ Trì Thượng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư điều chỉnh với các nội dung sau

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: **ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG**

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng để tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực thu hút đầu tư: Sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại; sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng; sản xuất và tái chế nhựa.

3. Quy mô dự án: 172.528m^2, trong đó: Đất xây dựng nhà xưởng: 95.766m^2; đất khu kỹ thuật đầu mối: 1.750m^2; đất thương mại dịch vụ: 8.251m^2; đất cây xanh: 21.275m^2; đất giao thông: 45.486m^2.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: Tại khu đất có diện tích 172.528m^2 (theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng).

6. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 379.307 triệu đồng, trong đó:

- Vốn tự có để thực hiện dự án: 80.000 triệu đồng, chiếm 21,09% tổng vốn đầu tư. Nhà đầu tư đã góp đủ vốn để thực hiện dự án.

- Vốn vay: 299.307 triệu đồng, chiếm 78,91% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể ngày dự án được chấp thuận đầu tư lần đầu ngày 23/01/2014.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Kể từ ngày dự án được chấp thuận đầu tư ngày 23/01/2014:

- Tháng thứ 1 - tháng thứ 15: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý, đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng;

- Tháng thứ 16 - tháng thứ 47: Xây dựng các hạng mục công trình, đưa một phần dự án vào hoạt động;

- Tháng thứ 48: Đưa toàn bộ dự án vào hoạt động kinh doanh.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp và thời hạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành về thuế tại thời điểm nhà đầu tư chính thức đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu

Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất

Doanh nhiệp được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà đầu tư

Sau khi Dự án được quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ đã đăng ký. Trường hợp Công ty không thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ thì không được hưởng các chính sách ưu đãi.

2. Thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

3. Lập Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh (nếu có) trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; phải xây dựng các hạng mục công trình theo đúng Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng và theo đúng Giấy phép xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Trường hợp có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ xây dựng, sản xuất và sinh hoạt, doanh nghiệp có trách nhiệm lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hồ sơ cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; nghiêm cấm tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước và xả thải khi chưa thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước và chưa được cấp phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực

hoạt động của Công ty; các quy định về phòng, chống cháy, nổ, an toàn lao động và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án tại địa điểm đã đăng ký; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tuân thủ các quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan.

6. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên, Luật Xây dựng, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 23/01/2064 và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618 ngày 23/01/2014 do UBND tỉnh cấp cho Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng của Tổng công ty 319 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 02 bản gốc. Một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản lưu tại UBND tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, CT;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND TT Như Quỳnh;
- Lưu: VT, TH[D].

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Minh Ngọc

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1845 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ văn bản số 551/TTg-KTN ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của huyện Văn Lâm;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618 của UBND tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 460/TTr-STNMT ngày 23/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Tổng Công ty 319 *(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100108984 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/3/2014)* thuê 172.066,6 m^2 *(Một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mét vuông)* đất thuộc địa phận thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng, trong đó:

- Diện tích đất thuê để xây dựng nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và cho thuê lại là 104.049,6 m^2;

- Diện tích đất thuê để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (gồm đường giao thông, đất thủy lợi, trồng cây xanh, khu kỹ thuật đầu mối) được miễn tiền thuê đất là 68.017 m^2.

Vị trí khu đất cho Tổng Công ty 319 thuê được chỉnh lý thành các thửa số 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 471, 472 thuộc Tờ bản đồ

địa chính số 01, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321 thuộc Tờ bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321 thuộc Tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý và trích lục ngày 21/9/2015.

Thời hạn sử dụng đất: Tính từ ngày ký quyết định cho thuê đất đến ngày 23/01/2064.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Tổng Công ty 319 có quyền cho thuê lại đất với hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Điều 149 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh quyết định; phối hợp với UBND huyện Văn Lâm chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND thị trấn Như Quỳnh chỉnh lý hồ sơ địa chính; ký hợp đồng thuê đất; trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tổng Công ty 319; xác định mốc giới, bàn giao đất trên thực địa cho Tổng Công ty 319.

2. Cục Thuế tỉnh thông báo cho Tổng Công ty 319 nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm; Chủ tịch UBND thị trấn Như Quỳnh; Tổng Giám đốc Tổng Công ty 319; thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT; CV: TNMT

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Minh Ngọc

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 03 /HĐ-TĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 11 tháng 01 năm 2016

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

Căn cứ Văn bản số 2321/UBND-KT2 ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc đính chính văn bản;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư 05101000618 do UBND tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2014;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá thuê đất của Tổng Công ty 319 tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

Hôm nay, ngày 11 tháng 01 năm 2016, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A): UBND TỈNH HƯNG YÊN.

Do ông Lê Ngọc Sỡi - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

- *Trụ sở:* Số 437, Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

II. BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B): TỔNG CÔNG TY 319.

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100108984 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/3/2014).

- *Họ và tên:* Trần Đăng Tú

- *Chức vụ*: Tổng Giám đốc Tổng Công ty 319.

- *Trụ sở: Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.*

- *Số tài khoản:*

III. Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: Thuê 172.066,6 m^2 *(Một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu phảy sáu mét vuông)* đất tại thị trân Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; trong đó: Diện tích đất thuê để xây dựng nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và thuê lại là 104.049,6 m^2; Diện tích đất thuê để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (gồm đường giao thông, đất thủy lợi, trồng cây xanh, khu kỹ thuật dầu mối) được miễn tiền thuê đất là 68.017 m^2.

2. Vị trí, ranh giới khu đất tại các thửa số 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 471, 472_thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321 thuộc tờ bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 418, 419, 420, 421, 422, 423, 425, 426, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435 thuộc tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý và trích lục ngày 21/9/2015

3. Thời hạn thuê đất: Tính từ ngày 25/9/2015 đến ngày 23/01/2064.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Cụm công nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là 733.000 đồng/m^2/*(Bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng một mét vuông)*. Giá thuê đất trên cho cả thời gian thuê đất.

2. Tiền thuê đất theo đơn giá tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày 29/9/2015.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lâm.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy đinh của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê... thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến UBND tỉnh Hưng Yên 01 bản, Cục thuế tỉnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước tỉnh 01 bản.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT	**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đại tá Trần Đăng Tú	LÊ NGỌC SỚI

Mẫu số: 6 /30/2014/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA

Thực hiện Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Hôm nay, ngày 22 tháng 4 năm 2016, tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm.

Thành phần gồm có:

I. Đại diện cơ quan Tài nguyên và Môi trường

1- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên.

- Ông: Bùi Thế Cử - Giám đốc
- Ông: Bùi Xuân Hậu - Trưởng phòng QH-KH
- Bà: Phạm Thị Hiến - Chuyên viên phòng QH-KH

2- Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn Lâm

- Ông: Đặng Huy Sơn - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường

3- Đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai

- Ông: Nguyễn Tiến Huy – Phó Giám đốc VP Đăng ký ĐĐ
- Ông : Tạ Đoan Hùng – Trưởng phòng KT

II. Đại diện UBND thị trấn Như Quỳnh

- Ông: Nguyễn Văn Thắng – Chủ tịch UBND xã
- Ông : Nguyễn Đình Phong – Cán bộ địa Chính

III. Đại diện Tổng công ty 319

- Đại tá : Trần Trung Luyến – Phó Tổng Giám đốc
- Thượng tá : Phạm Ngọc Vịnh – Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên

Các bên đã tiến hành giao đất cụ thể như sau :

1. Giao nhận các thửa đất số 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 471, 472 thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321 thuộc tờ bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 418, 419, 420, 421, 422, 423, 425, 426, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435 thuộc tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm

2. Giao nhận đất theo các mốc giới, ranh giới các thửa đất, diện tích 172.066,6 m^2 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên thực địa xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 01, 02, 05, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng Đăng ký Đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên lập ngày 21/9/2015.

3. Đề Nghị UBND thị trấn Như Quỳnh phối hợp với Tổng Công ty 319 tiếp tục vận động thông báo cho các hộ còn tài sản trên đất di chuyển khỏi vị trí thực hiện dự án.

Đề nghị Công ty 319 phối hợp với UBND thị trấn Như Quỳnh xác định ranh giới và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch thực hiện dự án để giành quỹ đất mở rộng nghĩa trang theo đề nghị của UBND thị trấn Như Quỳnh.

3. Biên bản lập xong vào hồi 17 giờ 00 cùng ngày và đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây.

Biên bản lập thành 05 bản có giá trị như nhau, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bản, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn Lâm 01 bản; UBND thị trấn Như Quỳnh 01 bản ; Tổng công ty 319 01 bản; Văn phòng Đăng ký đất đai 01 bản.

BÊN NHẬN ĐẤT

TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại tá Trần Trung Luyến

BÊN GIAO ĐẤT

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

BÙI THẾ CỬ

PHÒNG TNMT HUYỆN VĂN LÂM

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG PHÒNG

Đặng Duy Sơn

UBND TT NHƯ QUỲNH

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thắng

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ

Ng Tiến Huy

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số thứ tự thửa đất: 457; Tờ bản đồ số: 01 tỷ lệ 1:2000;

Thị trấn : Như Quỳnh; Huyện: Văn Lâm;

Tỉnh: Hưng Yên;

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22/4/2016

2. Diện tích: 5903.2 m^2;

3. Mục đích sử dụng đất: Đất hành lang đường điện (DNL);

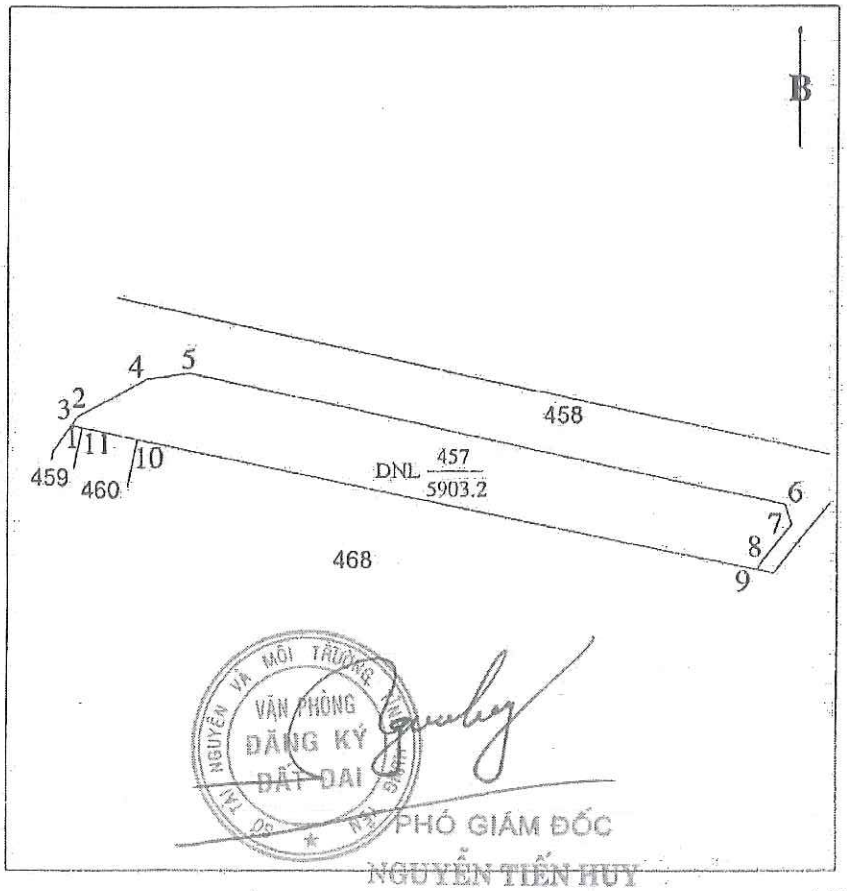
4. Tên người sử dụng đất: ủy ban nhân dân thị trấn;

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Trích lục thửa đất:



6.2. Chiều dài cạnh thửa:

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	0.94
2-3	2.52
3-4	27.83
4-5	14.98
5-6	210.32
6-7	7.40
7-8	15.32
8-9	4.32
9-10	218.47
10-11	19.99
11-1	3.48

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN HUY

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI TRÍCH LỤC

Tạ Đoan Hùng

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN QUANG MẠNH

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số thứ tự thửa đất: 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 566, 467, 468, 469, 471, 472 Tờ bản đồ số: 01 tỷ lệ 1:2000;

Thị trấn : Như Quỳnh; Huyện: Văn Lâm;

Tỉnh: Hưng Yên;

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22/4/2016

2. Diện tích: 73136.0 m^2;

3. Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp;

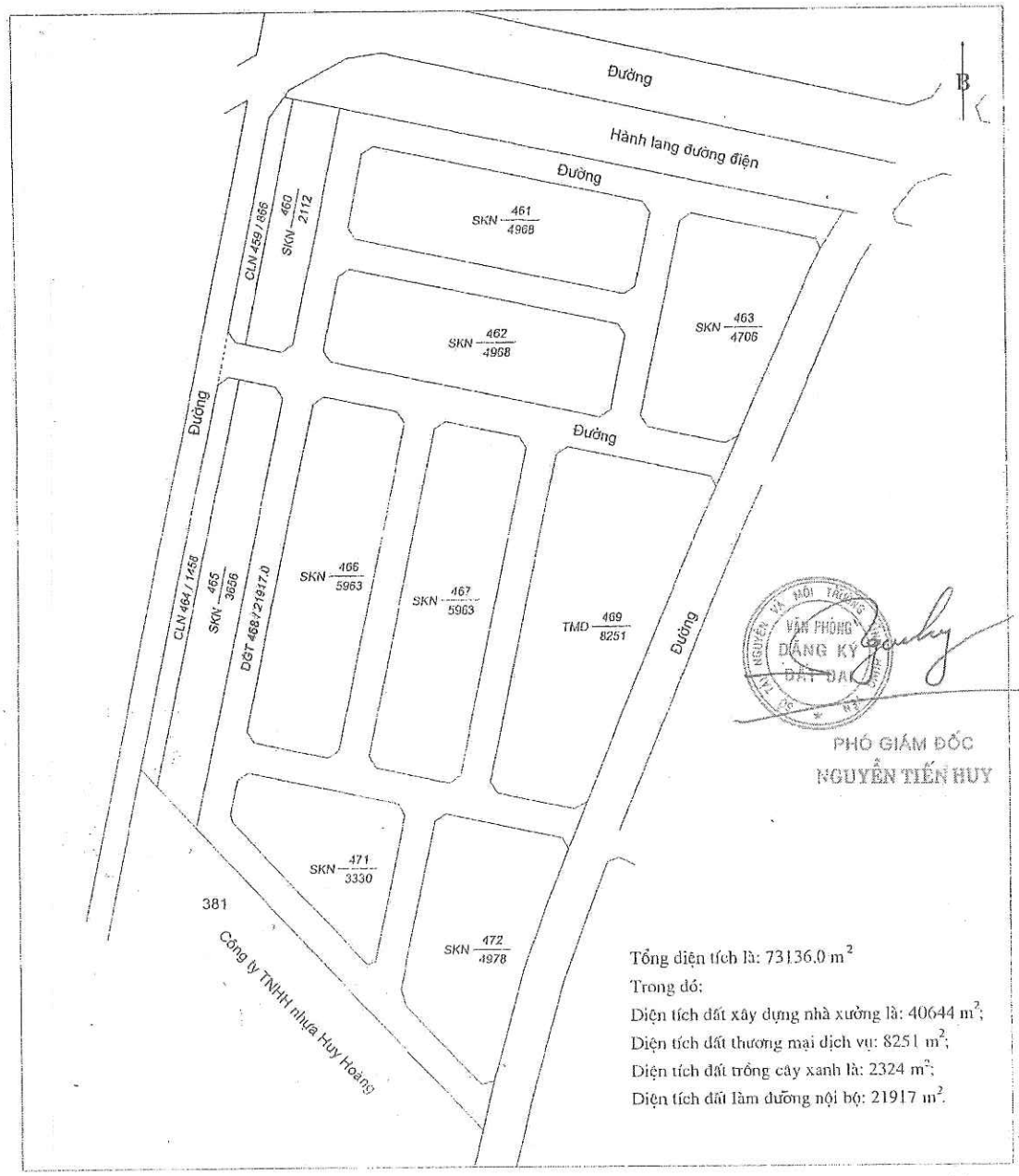
4. Tên người sử dụng đất: Tổng công ty 319 - Bộ quốc phòng;

Địa chỉ thường trú: Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Trích lục thửa đất:



6.2. Chiều dài cạnh thửa:

Cạnh	Chiều dài (m)

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN HUY

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI TRÍCH LỤC

Tạ Đoan Hùng

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
GIÁM ĐỐC
TRẦN QUANG MẠNH

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số thứ tự thửa đất: ...312...; Tờ bản đồ số: ...02... tỷ lệ...1:2000...;

Thị trấn : ..Như Quỳnh...; Huyện: ..Văn Lâm...;

Tỉnh: ..Hưng Yên...;

2. Diện tích: ..6636.3...m^2;

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 21/4/2016

3. Mục đích sử dụng đất: ..Đất (DNL)...;

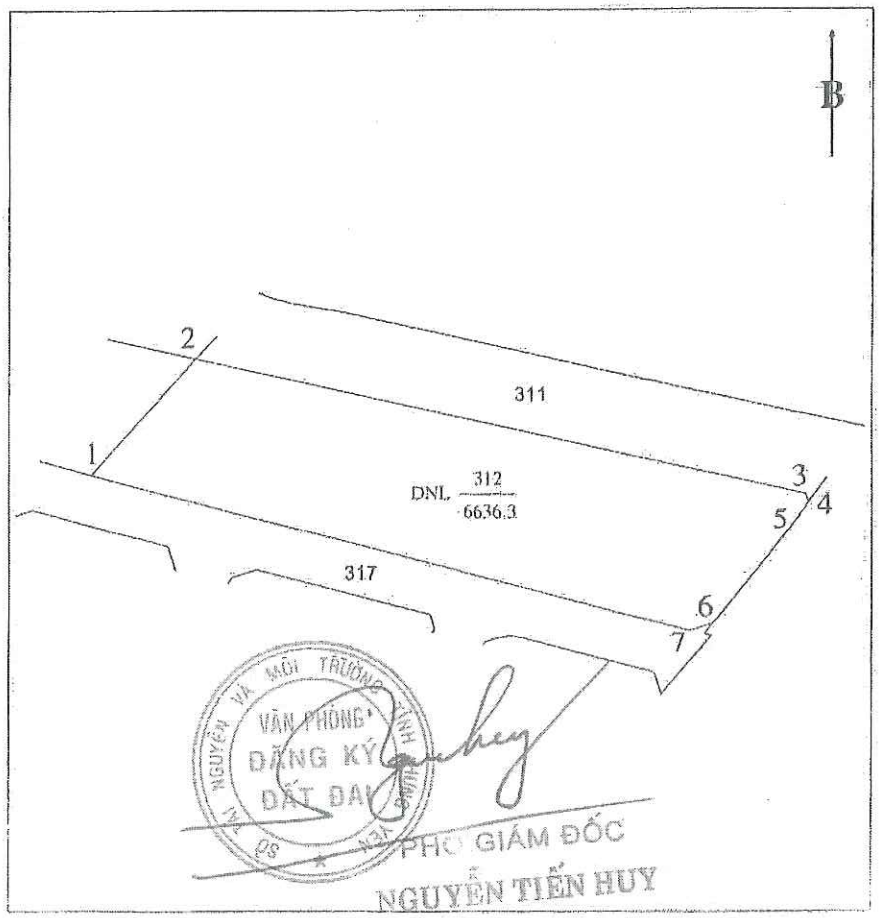
4. Tên người sử dụng đất: ..ủy ban nhân dân thị trấn...;

Địa chỉ thường trú: ..Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên...;

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Trích lục thửa đất:



6.2. Chiều dài cạnh thửa:

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	41.61
2-3	166.11
3-4	2.29
4-5	7.12
5-6	33.51
6-7	6.45
7-1	164.82

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI TRÍCH LỤC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

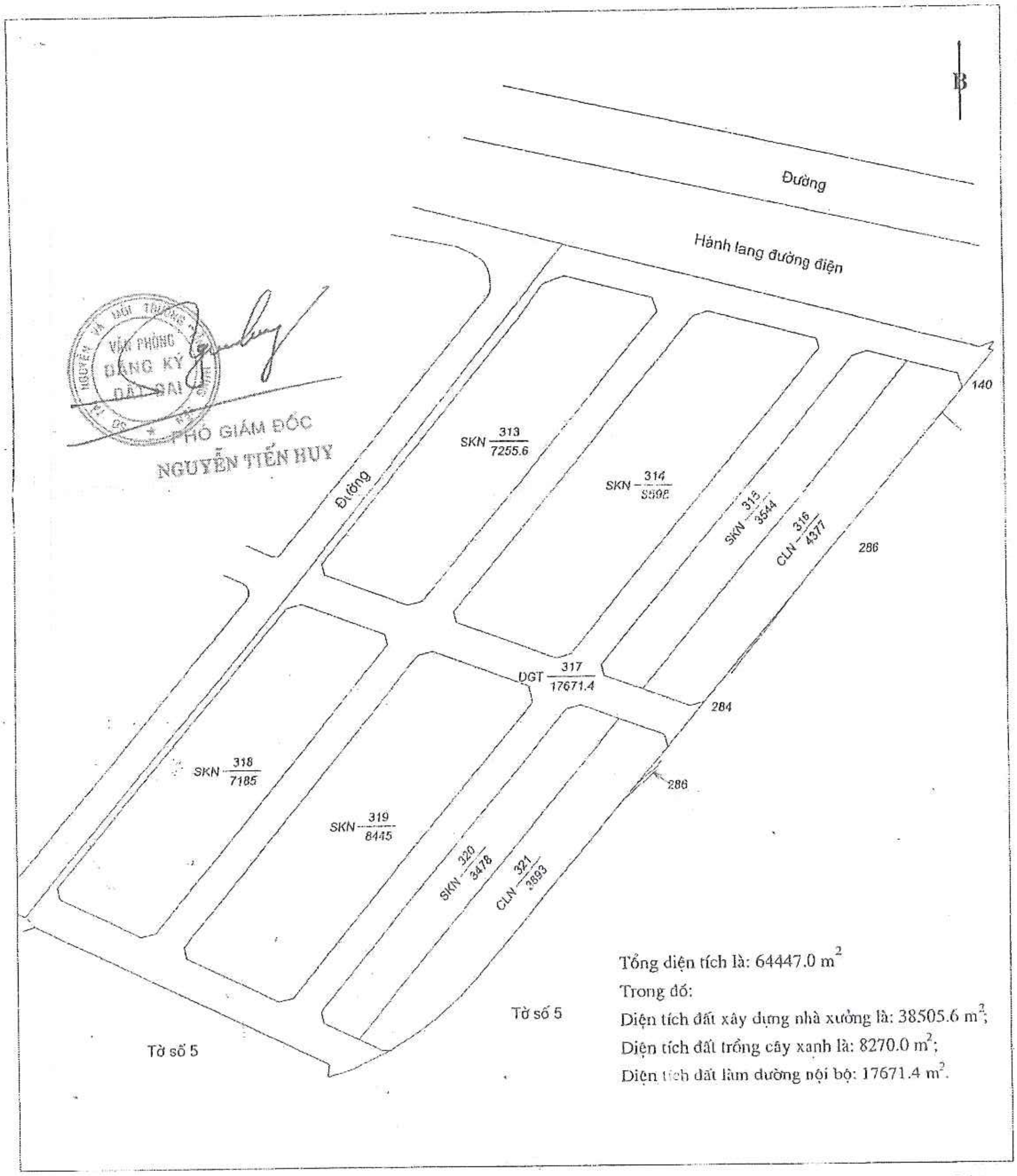
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số thứ tự thửa đất: 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321; Tờ bản đồ số: 02 tỷ lệ 1:2000;
Thị trấn : Như Quỳnh; Huyện: Văn Lâm;
Tỉnh: Hưng Yên;

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22.1.4/20.16

2. Diện tích: 64447.0 m^2;
3. Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp;
4. Tên người sử dụng đất: Tổng công ty 319 - Bộ quốc phòng;
Địa chỉ thường trú: Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất
6. Bản vẽ thửa đất:
6.1. Trích lục thửa đất:



Tổng diện tích là: 64447.0 m^2
Trong đó:
Diện tích đất xây dựng nhà xưởng là: 38505.6 m^2;
Diện tích đất trồng cây xanh là: 8270.0 m^2;
Diện tích đất làm đường nội bộ: 17671.4 m^2.

6.2. Chiều dài cạnh thửa:

Cạnh	Chiều dài (m)

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN HUY

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI TRÍCH LỤC	VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
Tạ Đoan Hùng	GIÁM ĐỐC TRẦN QUANG MẠNH

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số thứ tự thửa đất: 418, 419, 420, 421, 422, 423, 425, 426, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435 Tờ bản đồ số: 05 tỷ lệ 1: 1000;

Thị trấn : Như Quỳnh; Huyện: Văn Lâm;

Tỉnh: Hưng Yên;

2. Diện tích: 74483.6 m^2;

3. Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp;

4. Tên người sử dụng đất: Tổng công ty 319 - Bộ quốc phòng;

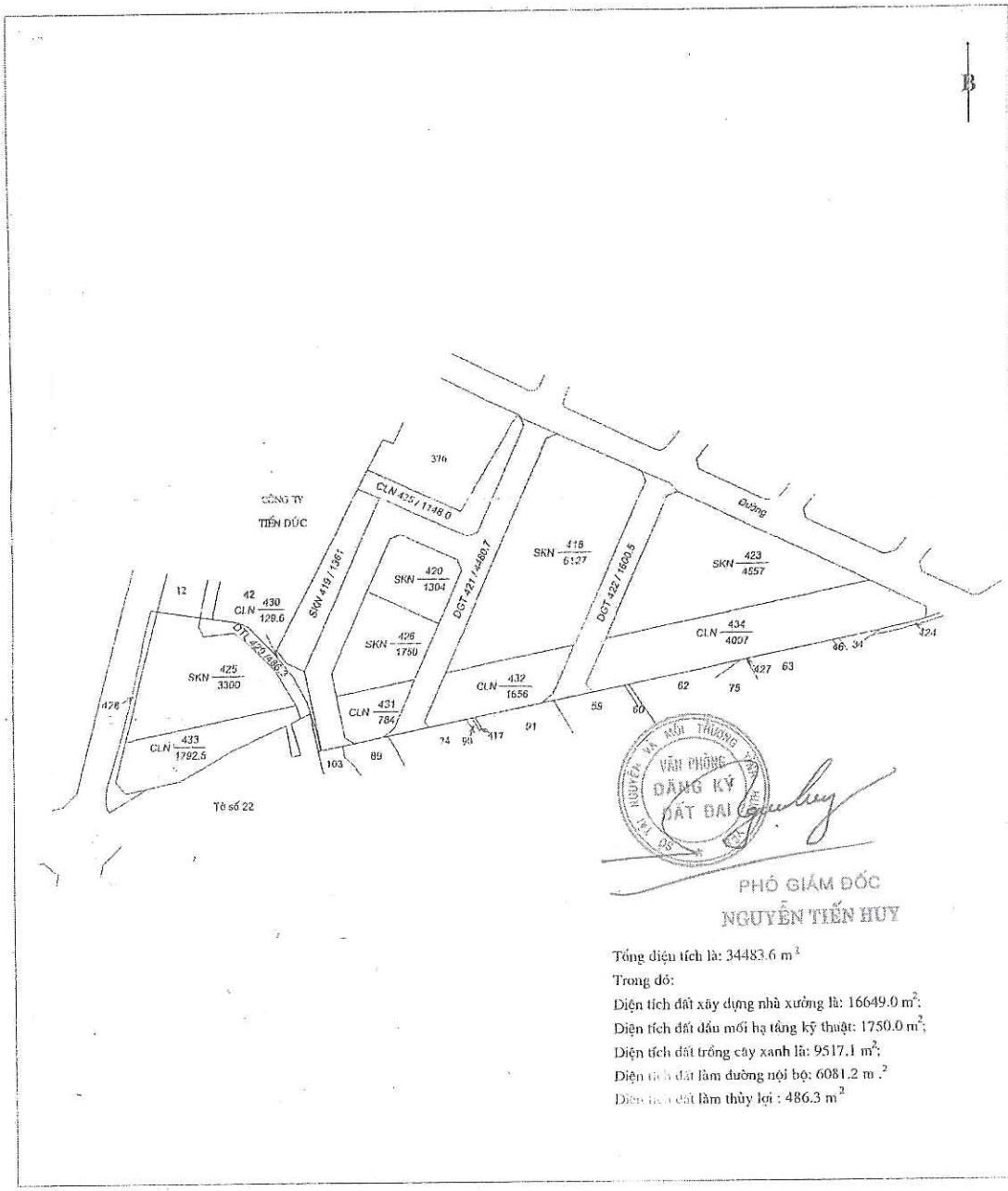
Địa chỉ thường trú: Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22/4/2016

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Trích lục thửa đất:



Cạnh	Chiều dài (m)

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN HUY

Tổng diện tích là: 34483.6 m^2

Trong đó:

Diện tích đất xây dựng nhà xưởng là: 16649.0 m^2;

Diện tích đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 1750.0 m^2;

Diện tích đất trồng cây xanh là: 9517.1 m^2;

Diện tích đất làm đường nội bộ: 6081.2 m^2;

Diện tích đất làm thủy lợi : 486.3 m^2

Ngày 21 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI TRÍCH LỤC

Tạ Đoan Hùng

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN QUANG MẠNH

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1453/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất, diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng; số 641/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng; số 851/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 470/TTr-STNMT ngày 25/6/2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh tên người sử dụng đất từ Tổng Công ty 319 thành Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng.

2. Điều chỉnh diện tích đất cho Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng *(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0100108984 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/12/2016)* thuê tại Điều 1 Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh là 171.526,8m^2 (*Một trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi sáu phẩy tám mét vuông*) đất, trong đó:

- Diện tích đất để xây dựng các công trình nhà xưởng sản xuất, kinh doanh, xây dựng trụ sở công ty, điều hành dịch vụ là 103.781,3m^2;

- Diện tích đất để xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải, cấp nước sạch, trạm biến áp), giao thông, thủy lợi, cây xanh là 67.745,5m^2.

Vị trí, ranh giới, diện tích loại đất điều chỉnh được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 01, 02, 05, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 13/6/2019.

3. Giao 539,8m^2 đất nghĩa địa cho UBND thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm quản lý.

Vị trí, ranh giới khu đất tại các thửa số 381, 382 và được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 13/6/2019.

4. Các nội dung khác tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh không thay đổi.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xác định giá trị chênh lệch giữa tiền thuê đất theo quy hoạch trước và sau khi điều chỉnh tại thời điểm có quyết định điều chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với UBND huyện Văn Lâm chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND thị trấn Như Quỳnh chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; ký hợp đồng thuê đất; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm; Chủ tịch UBND thị trấn Như Quỳnh; Tổng Giám đốc Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT; CV: TNMT

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 04/07/2019 09:51:39

Bùi Thế Cử

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 210 /HĐ-TĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2020

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 về việc cho Tổng Công ty 319 thuê đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng; số 1453/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất, diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh; số 2689/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá thuê đất của Tổng Cong ty 319 tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng; số 2000/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá trị chênh lệch về quyền sử dụng đất khi Nhà nước điều chỉnh diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A): UBND TỈNH HƯNG YÊN.

Do ông Nguyễn Văn Phú - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đại diện.

Trụ sở: Số 437, đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

II. BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B):TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0100108984 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 28/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29/4/2020).

- *Họ và tên người đại diện theo pháp luật:* Nguyễn Minh Khiêm.

- *Chức vụ*: Tổng giám đốc.

- *Trụ sở:* Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Số tài khoản:*

III. Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê:

- Diện tích đất thuê trước khi điều chỉnh là 172.066,6 m^2 (*Một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mét vuông*) đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, trong đó: Diện tích đất thuê để xây dựng nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và thuê lại là 104.049,6m^2; diện tích đất thuê để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (gồm đường giao thông, đất thủy lợi, trồng cây xanh, khu kỹ thuật đầu mối) được miễn tiền thuê đất là 68.017m^2.

- Diện tích đất thuê sau khi điều chỉnh là 171.526,8 m^2*(Một trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi sáu phẩy tám mét vuông)* tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, trong đó: Diện tích đất thuê để xây dựng nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và thuê lại là 103.781,3m^2; diện tích đất thuê để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong cụm công nghiệp (gồm đường giao thông, đất thủy lợi, trồng cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật được miễn tiền thuê đất là 67.745,5m^2.

2. Vị trí, ranh giới khu đất :

- Trước khi điều chỉnh: Tại các thửa số 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 471, 472 thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, tỷ lệ 1/2000 ; các thửa số 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321 thuộc tờ bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000; các thửa số 418, 419, 420, 421, 422, 423, 425, 426, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435 thuộc tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/2000 và được xác định theo các tờ trích lục từ các tờ bản đồ địa chính số 01, 02, 05 tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý và trích lục ngày 21/9/2015.

- Sau khi điều chỉnh: Tại các thửa số 459,460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 471, 472 thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, tỷ lệ 1/2000 ; các thửa số 313, 314, 315, 316, 380, 317, 318, 319, 381, 320, 321 thuộc tờ bản đồ địa chính số 02, các thửa số 582, 418, 419, 420, 423, 422, 425, 429, 430, 426, 583, 584, 585, 586, 587, 588 thuộc tờ bản đồ địa chính số 05, tỷ lệ 1/2000 và được xác định theo các tờ trích lục từ các tờ bản đồ địa chính số 01, 02, 05 tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 13/6/2019.

3. Thời hạn thuê đất: Tính từ ngày 25/9/2015 đến ngày 23/01/2064.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cụm công nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1.Giá đất tính tiền thuê đất là:

- Giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thời điểm tháng 9/2015 là: 733.000 đồng/m^2 *(Bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng một mét vuông).*

- Giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (từ ngày 04/7/2019 đến ngày 23/01/2064) khi Nhà nước điều chỉnh diện tích đất thuê và cơ cấu sử dụng đất tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng của Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng tại thời điểm tháng 7/2019 như sau:

+ Giá đất (chưa có hạ tầng) trước khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất đối với 104.049,6m^2 đất thuê để xây dựng nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và cho thuê lại là 2.112.600 đồng/m^2 (*Hai triệu một trăm mười hai nghìn sáu trăm đồng một mét vuông*)

+ Giá đất (chưa có hạ tầng) sau khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất đối với 103.781,3m^2 đất thuê để xây dựng các công trình nhà xưởng sản xuất, kinh doanh, xây dựng trụ sở công ty, điều hành dịch vụ là 2.127.700 đồng/m^2 (*Hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng một mét vuông*)

2. Tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lâm.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy đinh của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê... thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng thuê đất này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến Cục thuế tỉnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước tỉnh 01 bản; thay thế Hợp đồng số 03/HĐ-TĐ ký ngày 11/01/2016 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Tổng công ty 319; có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT TỔNG GIÁM ĐỐC	BÊN CHO THUÊ ĐẤT GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Khiêm	Nguyễn Văn Phú

M.S.D.N: 0100108984-C.T.T.N.H.H TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15 -09- 2020
Số chứng thực: 8670 Quyển số: 01 SCT/BS

S.Đ.K.H.Đ: 01 - C.T.H.Đ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÀ NỘI Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Xuyên

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

Số: 125/TD-PCCC.2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban Hành kèm theo Thông tư
số: 66/2014/TT-BCA
Ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 21/CNHY-KH ngày 06/10/2015

Của: ***Chi nhánh Hưng Yên – Tổng công ty 319***

Người đại diện là ông: ***Phạm Ngọc Vịnh*** Chức danh: ***Giám đốc***

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN

CHỨNG NHẬN

Hạng mục: HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG

Địa điểm xây dựng: ***Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên***

Chủ đầu tư: ***Tổng công ty 319***

Đơn vị thiết kế: ***Trung tâm quy hoạch kiến trúc đô thị nông thôn***

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

a/ Hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà kết hợp cấp nước sinh hoạt;

b/ Trạm bơm, máy bơm chữa cháy, bể nước, vị trí lắp đặt trụ nước chữa cháy... bản vẽ ghi ở trang 2

Hưng yên, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Nơi nhận:
- C66 - Bộ Công an;
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66.

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Thiếu tá Trần Công Quyền

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Mặt bằng tổng thể quy hoạch hệ thống cấp nước	TTCN	
2	Bản vẽ trụ chữa cháy điển hình	CT-CN-02	
3	Các bản vẽ mạng lưới hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy và cấp nước sinh hoạt	TDCN-01-22; CT-CN-01-13	
4	Các bản vẽ trạm bơm, hệ thống xử lý nước sạch	TXL-01-02; NDH-CN-01-03; BCN-CN-01-07	
5	Các bản vẽ hệ thống điện và chống sét	ĐTT-01-03; NDH-Đ-01-03	
6	Bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật thi công		

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 1027 /KĐ-PCCC-P7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC19
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số.(Đơn đề nghị kiểm định), ngày 11 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Phòng Khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện PCCC và CNCH - Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

~~Phương tiện~~/lô phương tiện:.....Phòng cháy và chữa cháy.....ghi tại trang..02..
của.....Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng.....
.....Đ/c: Thôn Giai Phạm, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.....

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thượng tá Bùi Quang Việt

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định số 1027, ngày 21/01/2019 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH)

Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
1	Máy bơm điện chữa cháy Q=54-144m^3/h H=79,5-48,5mcn *Số seri E000255-19*	KP65-250/30	Bộ	01	Windy Việt Nam	2019	Cấp 02 tem mẫu A: từ 66.0.737.348.. đến 66.0.737.349..
2	Máy bơm diesel chữa cháy Q=54-144m^3/h H=79,5-48,5mcn *Số seri bơm D000105* *Số seri động cơ J016430*	KPR65-250/30 D4BB	Bộ	01	Windy Việt Nam Huyndai Hàn Quốc	2019	
3	Tủ điện điều khiển bơm chữa cháy	-	Tủ	01	Hải Phát Việt Nam	2017	
4	Cột nước chữa cháy 2 cửa DN100	SS 100/65-1.6	Chiếc	34	Trung Quốc	2016	Cấp tem mẫu C: 34 chiếc

- Theo đơn đề nghị của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng (Thôn Giai Phạm, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), Lô phương tiện phòng cháy và chữa cháy nêu trên lắp đặt cho công trình Dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Minh Khai, Hạng mục Hệ thống cấp nước sạch - Hệ thống PCCC, Địa điểm: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Đơn vị thi công: Xí nghiệp xây dựng công trình 319.6 - Chi nhánh Tổng Công ty 319;
- Chủ đầu tư và các đơn vị nhà thầu có liên quan có trách nhiệm thi công, lắp đặt, giám sát, nghiệm thu các phương tiện PCCC nêu trên trước khi đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật;
- Các phương tiện PCCC nêu trên sau khi đưa vào sử dụng phải được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định./.

Đ/c Mạnh lưu hồ sơ

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /NT-PC07
"Về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng"

Hưng Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng

Theo đề nghị tại văn bản ngày 22/01/2019 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH cùng các bên liên quan lập ngày 29/01/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng, xây dựng tại Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên theo các nội dung sau:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy.
2. Hệ thống cấp nước chữa cháy.

Để đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy tại công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện nghiêm kiến nghị đã nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH lập ngày 29/01/2019.
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan.
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Vậy Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên thông báo Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng biết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu PC07.

TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Trần Công Quyền

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

Số: 145/KQKT-SXD

Về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, bảo trì và giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Ngày 22/02/2019, Sở Xây dựng đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ đầu tư. Trên cơ sở Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình số 21/BC-CNHY ngày 14/01/2019 và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đã được các bên liên quan ký xác nhận, Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên thông báo kết quả như sau:

1. Thông tin chung về công trình xây dựng

- Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Nguồn vốn: Vốn tự có của Tổng công ty 319, vay vốn ngân hàng và huy động vốn hợp pháp khác.

- Quy mô xây dựng:

+ Các hạng mục đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật gồm:

- San nền: San nền công trình bằng cát đen san nền tới cao độ quy hoạch: và đắp đất hữu cơ san nền dải đất phục vụ trồng cây xanh cách ly.
- Hệ thống đường giao thông + vỉa hè: Tiêu chuẩn thiết kế đường phố nội bộ, tốc độ thiết kế 20km/h, tải trọng xe tiêu chuẩn 10T, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc=120 Mpa, kết cấu áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa; thiết kế biển báo hiệu giao thông theo quy định của tiêu chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2012/BGTVT.
- Hệ thống cấp nước sạch và PCCC: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch công suất 680m3/ngày đêm, gồm hệ thống đường ống truyền dẫn (trục chính) và hệ thống đường ống phân phối nước đến các hộ sử dụng nước; bể chứa nước chữa cháy kết hợp với bể chứa nước sinh hoạt, sản xuất; Trạm xử lý cấp nước.

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mặt bao gồm hệ thống hố ga, cống tròn và rãnh xây.
- Hệ thống thoát nước thải + trạm xử lý nước thải: Gồm cống, rãnh xây thu gom nước thải, hố ga và trạm xử lý nước thải công suất 400m3/ngày đêm.
- Hệ thống cấp điện: Xây dựng 02 trạm đo đếm cao thế 22kV; 38 trạm biến áp 22/0,4kV; (05 trạm mặt đất; 29 trạm treo và 04 trạm một cột); xây dựng mới tuyến cáp ngầm 24kV dài 470 m; xây dựng di chuyển đường dây không 24kV tuyến giáp ranh với Làng nghề 1; xây mới tuyến cáp ngầm 0,4kV, lắp đặt 53 tủ phân phối 0,4kV; xây hệ thống chiếu sáng 101 cột đèn và tuyến cáp ngầm 0,4kV; Di chuyển 03 trạm biến áp giáp ranh Làng nghề 1 (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các nút giao đường giao thông kết nối Làng nghề 1 với dự án).
- Hệ thống thông tin liên lạc: xây dựng theo hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Cây xanh: Trồng cây xanh vỉa hè, cây xanh cách ly và cây xanh nghĩa trang.
- Hệ thống cổng, tường rào, bãi thu gom chất thải rắn.
- Tuyến đường bổ sung T19: Xây dựng 417,87m đường bê tông nhựa rộng 9m + 3m vỉa hè.

- Các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

Tên nội dung công việc, gói thầu	**Đơn vị thực hiện**
Tư vấn thiết kế	Trung tâm Quy hoạch, Kiến trúc Đô thị - Nông thôn (nay là Trung tâm Quy hoạch Xây dựng).
Tư vấn khảo sát địa chất + địa hình	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và kiểm định AT
Tư vấn thẩm tra thiết kế	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng T&D Việt Nam
Tư vấn giám sát	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO
Nhà thầu thi công gói thầu số 13+16 +20+22	Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng (tự thực hiện)
Nhà thầu thi công gói thầu số 14+15 +21	Xí nghiệp xây dựng công trình 319.6 - Chi nhánh Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng
Nhà thầu thi công gói thầu số 17	Liên danh Công ty CP xây dựng TEEL Việt Nam và Công ty CP Công nghệ ANZ
Nhà thầu thi công gói thầu số 18	Liên danh Công ty CP tư vấn xây lắp điện Hà Nội và Công ty CP phát triển kỹ thuật công nghệ EDH
Nhà thầu thi công gói thầu số 19	Công ty TNHH Kỹ thuật môi trường và xây dựng Anh Dũng

- Ngày khởi công và hoàn thành xây dựng công trình:

+ Khởi công: Ngày 26/5/2016.

+ Hoàn thành: Ngày 31/12/2018.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng

Tại thời điểm kiểm tra, công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng đã thi công hoàn thành, được chủ đầu tư và các bên liên quan nghiệm thu hoàn thành công trình. Kiểm tra tại hiện trường cho thấy công trình chưa có hiện tượng biến dạng, hư hỏng. Định vị và công năng sử dụng của công trình cơ bản phù hợp với hồ sơ thiết kế và các thay đổi thiết kế đã được chấp thuận phê duyệt. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên kiểm tra và nghiệm thu PCCC tại văn bản số 10/NT-PC07 ngày 01/02/2019. Công trình đã được Đoàn thanh tra liên ngành của tỉnh thanh tra theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 và Kết luận thanh tra tại văn bản số 490/KL-UBND ngày 17/12/2018. Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 490/KL-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên số 70/BC-CNHY ngày 04/3/2019 của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng; văn bản phối hợp trong công tác kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng số 164/UBND-KTHT ngày 05/3/2019 của UBND huyện Văn Lâm nhận thấy đại diện chủ đầu tư cùng UBND huyện Văn Lâm đang nghiêm túc triển khai thực hiện theo nội dung Kết luận thanh tra số 490/KL-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh.

3. Sự tuân thủ quy định của pháp luật

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng do chủ đầu tư cung cấp tại thời điểm kiểm tra, Sở Xây dựng có ý kiến nhận xét như sau: Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công được thực hiện tuân theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản quy định khác có liên quan. Hồ sơ hoàn thành công trình được chủ đầu tư tập hợp và lưu trữ đảm bảo quy định.

4. Kết luận

- Chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng của chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ hoàn công xây dựng công trình để bàn giao công trình đưa vào sử dụng, phục vụ cho các công việc tiếp theo tại dự án.

- Đề nghị UBND huyện Văn Lâm, chủ đầu tư tiếp tục, khẩn trương thực hiện các nội dung yêu cầu tại văn bản Kết luận thanh tra số 490/KL-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh.

- Đề nghị chủ đầu tư thực hiện tốt công tác bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo hồ sơ thiết kế được duyệt và các văn bản quy định khác có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng QLCLCTXD (t/h),
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Bùi Quang Kiểm

UBND TỈNH HƯNG YÊN
ĐOÀN KIỂM TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1153/QĐ-UBND VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1177/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM TRA
THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ, QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC VÀ SỬ DỤNG ĐIỆN

Thi hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 và 1177/QĐ – UBND, ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý cư trú; quản lý xuất nhập cảnh; sử dụng lao động; quy hoạch; xây dựng; hoạt động điện lực và sử dụng điện tại làng nghề tái chế phế liệu trên địa bàn thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm.

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 27/6/2025, tại thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Tổ Kiểm tra số 02 kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý cư trú; quản lý xuất nhập cảnh; sử dụng lao động; quy hoạch; xây dựng; hoạt động điện lực và sử dụng điện tại làng nghề tái chế phế liệu thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm đối với:

Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Địa chỉ: Thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

A. THÀNH PHẦN

I. Thành phần Tổ kiểm tra số 02:

- Ông **Ngô Thế Tuyển** - Phó Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên, Phó trưởng đoàn kiểm tra theo Quyết định 1153 của UBND tỉnh Hưng Yên (Tổ trưởng);
- Ông Phạm Ngọc Bình – Phó Đội trưởng, Phòng PC07, Công an tỉnh Hưng Yên, Thư ký;
- Bà Vì Thị Thắm – Cán bộ Phòng PC06, Công an tỉnh Hưng Yên, Thành viên;
- Bà Phan Thị Diễm - Chuyên viên Phòng Lao động – Việc Làm, Sở Nội vụ

Scanned with CamScanner

- Ông Đỗ Tuấn Anh – Cán bộ Phòng PC03, Công an tỉnh Hưng Yên, Thành viên;

- Ông Đào Hải Ngư – Chuyên viên phòng Quản lý môi trường, Sở Nông nghiệp và môi trường, Thành viên;

- Ông Tạ Đức Tùng – Cán bộ Sở xây dựng;

- Ông Nguyễn Mạnh Quỳnh – Thành viên Công ty Điện lực Hưng Yên, Thành viên;

- Ông Lê Văn Hướng – Chuyên viên phòng An toàn – Công ty Điện lực Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Văn Lượng – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Văn Lâm, Thành viên;

- Ông Dương Ngọc Sơn - chuyên viên phòng KTHT ĐT huyện Văn Lâm, Thành viên.

II. Đại diện đơn vị lấy và phân tích mẫu

Không

III. Đại diện theo pháp luật của cơ sở được kiểm tra:

Ông Trương Anh Tuấn - Trưởng Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng *(Có giấy ủy quyền số 159/UQ-TCT319 ngày 22/5/2025 của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng)*.

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

- Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng.

- Địa chỉ: Khu HTKT, Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng, thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, thay đổi lần thứ 13 ngày 17/6/2024.

- Lĩnh vực hoạt động, sản xuất: Kinh doanh hạ tầng.

- Thời gian hoạt động: 2019.

- Tình hình hoạt động tại thời điểm kiểm tra: Đang hoạt động.

- Tổng diện tích khu đất: 17,25 ha.

- Quy mô công suất: 425 lô đất.

- Số lượng người lao động: 06 người.

- Lượng nước sử dụng: Khoảng 01 m^3/ngày.đêm

II. VỀ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Ngày 21/5/2025, Đoàn Kiểm tra liên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, UBND huyện Văn Lâm, UBND thị trấn Như Quỳnh đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành

Scanned with CamScanner

pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng - Tổng Công ty 319.

Vì vậy, Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 và 1177/QĐ – UBND, ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên sẽ không tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng - Tổng Công ty 319; sử dụng kết quả kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng - Tổng Công ty 319.

III. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CNCH

3.1. Trình bày của cơ sở:

- Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng là Ban QLDA trực thuộc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng, không có con dấu riêng.

- Địa chỉ liên hệ: Nhà điều hành Khu HTKT Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

- Người đại diện: Trung tá Trương Anh Tuấn - Chức vụ : Trưởng ban.

- Điện thoại: 098.245.0068

- Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng có địa chỉ nằm tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Quy mô: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng có diện tích quy hoạch 17,25ha gồm: Khu I có diện tích 7,31ha, Khu II có diện tích 9,94ha. Tổng Diện tích thương phẩm cả 2 khu là 10,4ha.

- Năm đi vào hoạt động: 2019;

- Lĩnh vực hoạt động: Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Minh Khai mở rộng (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê).

- Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Ban quản lý có 05 người làm việc và có 01 người cộng tác viên vận hành. Chia làm 03 ca, duy trì trực 24/24 giờ.

- Theo cơ sở báo cáo nguồn nước tại cơ sở: Có 01 bể chứa nước có khối tích là 400 m^3

- Thực trạng trang bị phương tiện PCCC của CCN, chất lượng hoạt động của hệ thống PCCC hoặc các trang thiết bị, phương tiện PCCC của CCN: Theo báo cáo của cơ sở thì có hệ thống cấp nước chữa cháy và 32 trụ nước chữa cháy được trang bị duy trì tình trạng hoạt động phục vụ công tác thường trực tại CCN.

- Những thay đổi về quy mô, tính chất hoạt động hoặc những thay đổi khác liên quan đến có liên quan đến công tác PCCC của CCN: Không thay đổi so với thiết kế được duyệt.

Scanned with CamScanner

3.2. Kiểm tra thực tế

3.2.1. Kiểm tra việc lập và lưu trữ hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH tại cơ sở

* Tại thời điểm kiểm tra cơ sở xuất trình các thành phần hồ sơ như:

- Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng có Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0100108984, đăng kí lần đầu ngày 28/5/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 13 ngày 17/6/2024.

- Ban hành các nội quy, quy định về PCCC và CNCH; Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở (có danh sách kèm theo) và phân công nhiệm vụ của các thành viên Đội PCCC cơ sở.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 125/TD-PCCC2015 ngày 20/10/2015 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cấp.

- Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 1027/KĐ-PCCC-P7 ngày 21/01/2019 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp.

- Văn bản nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng số 10/NT-PC07 ngày 01/02/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hưng Yên.

- Biên bản tự kiểm tra định kỳ tại cơ sở; Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện, hoạt động Đội PCCC cơ sở; Sổ theo dõi phương tiện PCCC; Báo cáo công tác PCCC định kỳ hàng năm.

- Định kỳ cơ sở tự tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC được trang bị (có tài liệu kèm theo).

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể; sơ đồ bố trí phương tiện, thiết bị PCCC, vị trí nguồn nước.

- Đã thành lập đội PCCC cơ sở (Có danh sách kèm theo).

3.3.2. Kiểm tra tại hạ tầng cơ sở:

3.3.2.1. Kiểm tra điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy

a) Đường giao thông cho xe chữa cháy

Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy: Đảm bảo chiều rộng mặt đường (≥3,5m), chiều cao (≥4,25m) và khoảng không từ mặt đường lên phía trên; đảm bảo xe chữa cháy có thể tiếp cận, hoạt động được.

b) Hệ thống, nguồn cấp nước chữa cháy ngoài nhà

- Đối với hệ thống trụ cấp nước chữa cháy gồm: Có 32 trụ cấp nước chữa cháy CCN (nằm trên vỉa hè các trục đường nội bộ trong CCN) tiếp nước cho xe chữa cháy đảm bảo số lượng trụ, khoảng cách và lưu lượng theo thiết kế và nghiệm

Scanned with CamScanner

thu của cơ quan có thẩm quyền;

- Theo cơ sở báo cáo nguồn nước tại cơ sở: Có 01 bể nước có khối tích là 400 m^3.

- Kiểm tra hoạt động của trụ nước chữa cháy, máy bơm chữa cháy: có 02 máy bơm chữa cháy điện là máy bơm chính nhãn hiệu Pentax, 01 bơm Diezen dự phòng; tại thời điểm kiểm tra hệ thống hoạt động bình thường.

3.2.2.2. Trang bị phương tiện cho lực lượng PCCC cơ sở

- Việc trang bị phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy): Đã trang bị 12 bình.

- Đồ bảo hộ (Quần áo chữa cháy, mũ chữa cháy, gang tay, giầy, ủng, mặt nạ lọc độc, đèn phin chịu nước, bộ đàm cầm tay): Đã thực hiện.

- Phương tiện cứu nạn, cứu hộ (rìu, xà beng, búa tạ, kìm cộng lực): Trang bị 01 rìu, 01 xà beng, 01 búa tạ, 01 kìm cộng lực.

- Phương tiện chữa cháy cơ giới *(theo quy định tại Bảng D1 phụ lục D TCVN 3890:2023)*: Tại thời điểm kiểm tra cơ sở trang bị 01 máy bơm chữa cháy khiêng tay nhãn hiệu Tohatshu, cùng hệ thống ống hút, lăng vòi đồng bộ.

- Tại 10 trụ nước chữa cháy bố trí phân tán và tập trung tại các cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao có bố trí 10 tủ chứa thiết bị PCCC được đặt rải rác trên vỉa hè các tuyến đường nội bộ, cách trụ cứu hỏa không quá 5m, mỗi tủ gồm các trang thiết bị phương tiện sau:

+ Đầu chuyển đổi từ 75mm sang 65mm, số lượng: 02 cái.

+ Ba chạc chữa cháy, số lượng: 01 cái.

+ Cuộn vòi chữa cháy D65 dài 20m loại 13 bar kèm khớp nối đầu vòi, số lượng: 10 cuộn.

+ Cuộn vòi chữa cháy D50 dài 20m loại 13 bar kèm khớp nối đầu vòi, số lượng: 10 cuộn.

+ Lăng phun chữa cháy D65, số lượng: 02 cái.

+ Lăng phun chữa cháy D50, số lượng: 03 cái

3.2.2.3. Kiểm tra duy trì việc niêm yết các nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH tại Trụ sở làm việc

Trụ sở đã ban hành nội quy, quy định và niêm yết tại trụ sở làm việc đảm bảo theo quy định.

3.3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở

- Trách nhiệm trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH: Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH trong nội bộ cho cán bộ, công nhân viên của Ban quản lý và các hộ kinh doanh trong cụm CN.

- Đã ban hành nội quy, quy định và biện pháp về PCCC và CNCH.

Scanned with CamScanner

- Định kỳ đã tổ chức tự kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn về PCCC và CNCH; xây dựng báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác PCCC và CNCH gửi Cơ quan Cảnh sát PCCC theo quy định.

4. Nhận xét, kiến nghị:

4.1. Nhận xét đánh giá

Nhìn chung việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu và các quy định của nhà nước về PCCC và CNCH đã được quan tâm, cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC, trong quá trình hoạt động đã tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH.

2. Kiến nghị

Ban quản lý, vận hành khai thác Cụm Công nghiệp Minh Khai mở rộng thường xuyên duy trì, đảm bảo các nội dung sau:

- Thường xuyên, duy trì bổ sung hồ sơ theo dõi công tác PCCC và CNCH đảm bảo theo quy định; Duy trì trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định; Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống, trang thiết bị phương tiện PCCC theo quy định; Duy trì công tác tự kiểm tra công tác PCCC tại cơ sở và sau mỗi lần kiểm tra phải có biên bản lưu; Thực hiện báo cáo định kỳ công tác PCCC 6 tháng/lần gửi về cơ quan chức năng theo quy định.

- Định kỳ rà soát Đội PCCC cơ sở và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để chủ động trong việc thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ khi thực tập và khi có sự cố xảy ra tại cơ sở. Định kỳ tổ chức tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội viên Đội PCCC cơ sở và những lực lượng liên quan để đảm bảo PCCC tại cơ sở.

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CƯ TRÚ

Tại thời điểm kiểm tra không có nhân khẩu cư trú tại cơ sở.

V. LĨNH VỰC LIÊN QUAN ĐẾN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động đang làm việc tại thời điểm kiểm tra: 05 lao động; trong đó có 02 quân nhân thuộc biên chế Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng, 03 lao động đã ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

+ Công ty ký kết hợp đồng lao động đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Bộ Luật lao động năm 2019;

+ Công ty đóng bảo hiểm xã hội đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Thu nhập bình quân của lao động: 7.660.000 đồng/người/tháng.

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 6.000.000 đồng/người/tháng.

Scanned with CamScanner

VI. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, XÂY DỰNG

Dự án đã được Sở Xây dựng Nghiệm thu và ban hành Thông báo nghiệm thu số 145/KQKT-SXD ngày 07/3/2019; Tại thời điểm kiểm tra những nội dung về xây dựng của dự án đã được Thanh tra Chính phủ chỉ ra tại Kết luận số 3136/KL-TTTP ngày 28/12/2023. UBND tỉnh đã giao các cơ quan đang tiến hành thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ.

VII. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC VÀ SỬ DỤNG ĐIỆN

*** Hồ sơ yêu cầu:**

- Hợp đồng mua bán điện:

+ Người mua điện theo hợp đồng: Ông Đinh Văn Tải

+ Tại địa chỉ: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng

Hợp đồng hợp tác giữa Công ty TNHH Hóa chất Nhựa Ngọc Lý số 01/HĐKTKD-D/319HY-NL ngày 27/4/2018

Hợp đồng mua bán điện (mua buôn, bán lẻ Cụm công nghiệp) số 21/047 ngày 14/9/2021 (hạn đến ngày 14/9/2027)

Giấy phép hoạt động điện lực số 1460/GP-UBND ngày 12/7/2023 (hạn đến ngày 14/7/2028) do UBND tỉnh Hưng Yên cấp

- Sản lượng điện tiêu thụ (3 tháng gần nhất đến thời điểm kiểm tra):

+ Tháng 3/2025: 12.358.073 kWh

+ Tháng 4/2025: 12.315.836 kWh

+ Tháng 5/2025: 12.091.256 kWh

- Giấy phép kinh doanh:

Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900217196 cấp ngày 04/6/2003 (đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/8/2019)

*** Kiểm tra, ghi nhận tại hiện trường:**

- Công ty TNHH Hóa chất nhựa Ngọc Lý ký hợp đồng mua bán điện với Công ty Điện lực Hưng Yên qua 04 điểm đo đếm trung thế.

+ Công ty TNHH Hóa chất nhựa Ngọc Lý bán điện cho 255 khách hàng sử dụng điện

+ Kiểm tra hợp đồng mua bán điện giữa Công ty TNHH Hóa chất nhựa Ngọc Lý với các khách hàng sử dụng điện sau các trạm biến áp bán buôn của Công ty TNHH Hóa chất nhựa Ngọc Lý còn một số tồn tại sau:

Một số hợp đồng không ghi ngày, tháng, năm

Không ghi công suất sử dụng cực đại

Scanned with CamScanner

Không ghi biểu đồ phụ tải vadf đặc tính kỹ thuất công nghệ của thiết bị sử dụng điện (đối với các khách hàng có công suất sử dụng cực đại từ 40kW trở lên)

- Kiểm tra tại 04 điểm đo đếm cao thế là ranh giới mua bán điện với Điện lực Văn Lâm – Công ty Điện lực Hưng Yên, còn một số nội dung cần khắc phục triệt để, cụ thể như sau:

+ Khuôn viên trạm đo đếm có nhiều cây vi phạm hành lang bảo vệ công trình điện chưa được chặt tỉa; Cỏ mọc mọc tốt gây cản trở cho việc vào kiểm tra, quản lý trong vận hành.

+ Biển báo an toàn điện (Cấm trèo! Điện cao áp nguy hiểm chết người) treo chưa đúng quy định trong Quy trình an toàn điện, ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hiện tại có vị trí treo vào cáp điện, biển mờ/ không đúng mẫu quy định).

+ Biển tên thiết bị treo chưa đúng vị trí theo hướng dẫn trong vận hành.

Điện lực Văn Lâm đã nhiều lần kiến nghị với Chủ đầu tư để khắc phục các nội dung trên, tuy nhiên đến thời điểm kiểm tra vẫn chưa được khắc phục.

Để đảm bảo an toàn trong vận hành, đề nghị chủ đầu tư (Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng) chủ trì, phối hợp với Điện lực Văn Lâm để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và khắc phục các nội dung nêu trên.

C. NHẬN XÉT YÊU CẦU CỦA TỔ KIỂM TRA SỐ 02

Trong quá trình kiểm tra, đại diện cơ sở đã chấp hành theo quyết định kiểm tra, phối hợp cùng Đoàn kiểm tra làm việc.

D. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Yêu cầu Cơ sở tiếp tục thực hiện rà soát, cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin còn thiếu liên quan để làm rõ những nội dung cần lưu ý, cần được làm rõ nêu trên trước ngày 28/6/2025.

Yêu cầu thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về môi trường; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý cư trú; quản lý xuất nhập cảnh; sử dụng lao động; quy hoạch; xây dựng; hoạt động điện lực và sử dụng điện. Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan, kết quả các buổi làm việc tiếp theo và kết quả đo đạc, phân tích mẫu đột xuất (*nếu có*), Tổ Kiểm tra sẽ xác định các hành vi vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật (*nếu có*).

E. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ

Cơ sở công nhận nội dung làm việc của Đoàn như trên là đúng, cam kết có mặt kịp thời để tiếp tục làm việc khi được yêu cầu, đối với các nội dung cần được làm rõ, Cơ sở sẽ tiếp tục bổ sung thông tin, tài liệu và cam kết sẽ phối hợp với Đoàn Kiểm tra trong quá trình kiểm tra, lấy mẫu tiếp theo (nếu có).

Scanned with CamScanner

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 09 trang, đã đọc lại cho những người có tên trên nghe và ký xác nhận. Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Tổ Kiểm tra số 02 giữ 01 bản và Cơ sở được kiểm tra giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
TỔ KIỂM TRA SỐ 02

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC TP. HƯNG YÊN - T. HƯNG YÊN

Ngô Thế Tuyển
THƯ KÝ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Phạm Ngọc Bình

Scanned with CamScanner

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /NT-PC07
"Về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng"

Hưng Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng

Theo đề nghị tại văn bản ngày 22/01/2019 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH cùng các bên liên quan lập ngày 29/01/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng, xây dựng tại Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên theo các nội dung sau:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy.
2. Hệ thống cấp nước chữa cháy.

Để đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy tại công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện nghiêm kiến nghị đã nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH lập ngày 29/01/2019.
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan.
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Vậy Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên thông báo Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng biết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu PC07.

TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Trần Công Quyền

Mẫu số 02

TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG
CHI NHÁNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-T.HƯNG YÊN
ĐẾN Số:.....
Ngày 13/01/2020
Chuyển.....
Lưu hồ sơ số: (Chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m^3/ngày đêm trở lên)

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý IV năm 2019.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên người nộp phí: Chi nhánh Hưng Yên – Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng
- Địa chỉ: Thôn Giai Phạm, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- MST: 0 1 | 0 0 1 0 8 9 8 | 4 | 0 3 1
- Điện thoại: 0221.398 6319 .Fax: 0221. 398 6318 .Email: .....
- Tài khoản số: 0591 115 319 319 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình, Hà Nội
- Lĩnh vực sản xuất, chế biến:

.....

- Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m^3):

.....

- Phương pháp xử lý nước thải: Hoá chất và hiếu khí

.....

- Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m^3/ngày đêm): 400 m3/ngày đêm

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: f = 375.000 đồng

(f = 1.500.000 đồng nếu là Tờ khai của Quý I; f = 0 đồng nếu là Tờ khai của các quý II, III và IV)

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m^3): 24.400 m3

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt theo Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Scanned with CamScanner

Chất gây ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng chất gây ô nhiễm (ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)
1. Nhu cầu ôxy hoá (CDO)	43,2	Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia; thời gian Phân tích mẫu: ngày 12/12/2019.
2. Chất rắn lơ lửng (TSS)	48	
3. Thuỷ ngân (Hg)	KPH	
4. Chì (Pb)	KPH	
5. Arsenic (As)	KPH	
6. Cadmiun (Cd)	KPH	

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: Cq = 4.749.696 đồng

+Phương pháp tính:

Cq1 = 43,2 x 10^{-6} x 24.400.000 x 2.000 = 2.108.160 đồng (trong đó mức phí 2.000 đồng/kg CDO; theo Điều 6, Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016)

Cq2 = 48 x 10^{-6} x 24.400.000 x 2.400 = 2.810.880 đồng (trong đó mức phí 2.400 đồng/kg TSS; theo Điều 6, Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016)

Cq = Cq1 + Cq2 = 2.108.160 + 2.810.880 = 4.919.040 đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này Fq = (f/4) + Cq	5.294.040
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước (1 + 2 - 3)	5.294.040

III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ (viết bằng chữ):

Năm triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, không trăn bốn mươi đồng.

.....

.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận Tờ khai ngày .....
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

Yên Mỹ, *Ngày 10 tháng 01 năm 2020*
Đại diện đơn vị khai, nộp phí
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MSCN: 0100108981031 CHI NHÁNH HƯNG YÊN TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
Đại tá Phạm Ngọc Vịnh

Scanned with CamScanner

PHIẾU KÊ KHAI
NƯỚC THẢI TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

I. THÔNG TIN CHUNG

1.Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Hưng Yên - Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng

Đại diện chủ đầu tư dự án: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng

2. Địa chỉ: Thôn Giai Phạm, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

3. Điện thoại: 0221.398 6319 .Fax: 0221. 398 6318 .Email.....

4. Người đại diện: **Đại tá Phạm Ngọc Vịnh** - Chức vụ: Giám đốc

5. Lĩnh vực hoạt động: Cụm công nghiệp Minh Khai là Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, bao gồm các ngành chính:

- Sản xuất cơ khí, dịch vụ, thương mại.
- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng.
- Sản xuất và tái chế nhựa.

6. Đơn vị chủ quản: Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Do đặc thu của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng là tiếp nhận các nhà đầu tư thuê đất để sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng, sản xuất và tái chế nhựa. Nước thải từ các hộ sản xuất được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải công suất 400 m3/ngày.đêm của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng *(nên nội dung này đơn vị không kê khai thông tin)*

1. Sản phẩm, công suất

Loại		Công suất bình quân/tháng (tấn, m^3, m^2, m, chiếc)	Công suất tối đa/tháng (tấn, m^3, m^2, m, chiếc
Sản phẩm chính			
Sản phẩm phụ			

2. Nguyên liệu

Loại	Công suất sử dụng trung bình/tháng (tấn, m^3, m^2, m,	Đặc tính cơ bản

Scanned with CamScanner

		chiếc)	
Nguyên liệu chính (tấn, m^3, m^2, m, chiếc)			
Nguyên liệu phụ (tấn, m^3, m^2, m, chiếc)			

3. Số lượng công nhân, điện năng sử dụng, tổng số diện tích của doanh nghiệp

Số lượng công nhân			Tổng điện năng sử dụng (kw/tháng)	Diện tích sử dụng của doanh nghiệp (m^2)
Tổng số	Trực tiếp sản xuất	Gián tiếp		

4. Khối lượng nước sử dụng

Tổng số (m^3/tháng)	Sản xuất (m^3/tháng)	Sinh hoạt (m^3/tháng)

5. Mô tả quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất (vẽ sơ đồ khối, xuất xứ công nghệ, máy móc, thiết bị, hiện trạng)

6. Mô tả tính đặc thù sản xuất: tính liên tục, gián đoạn hoặc tính thời vụ của sản xuất

III. THÔNG TIN CHUNG VỀ NƯỚC THẢI

1. Liệt kê các nguồn thải, lưu lượng nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh: 12.000 m^3/tháng, trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: m^3/tháng
- Nước thải sản xuất: m^3/tháng
- Nước thải khác (*nêu cụ thể là nước thải gì*): m^3/tháng

2. Liệt kê tất cả các cửa xả nước thải:

- 01 Cửa xả: tọa độ X=2321747,9; Y=549906,7 (đấu nối vào cống thoát nước mưa BxH = 1x1,2m)

IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Mô tả hệ thống thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được bố trí hai bên vỉa hè các tuyến đường giao thông trong Cụm công nghiệp, nhằm thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất vào hệ thống đường ống, rãnh về trạm để xử lý.

- Hệ thống thu gom gồm:

+ Khu I: có rãnh B300: 1786 m; cống tròn D300: 945 m; cống tròn D400: 235 m; Hố ga: 122 hố.

Scanned with CamScanner

+ Khu II: có rãnh B300: 1129 m; cống tròn D300: 1123 m; cống tròn D400: 260 m; hố ga: 112 hố.

2. Mô tả công nghệ xử lý nước thải (nếu có)

Công suất thiết kế (m^3/ngày)	Công suất thực tế (m^3/ngày)
400 (m3/ngày đêm)	400 m3/ngày đêm

3. Các hoá chất sử dụng để xử lý nước thải

Tên hoá chất	Quy cách	Định mức sử dụng
Javen	Javen đựng trong 02 bồn hoá chất 400 lít, được bơm định lượng 40 lít/ngày vào nước thải trong bể hiếu khí trước khi thải ra ngoài.	40l/ngày
PAC	PAV được hoà vào nước với khối lượng 30kg/ngày đựng trong 02 bồn hoá chất 400 lít vào nước thải trong bể tách dầu mỡ.	30kg/ngày

4. Năng lượng tiêu thụ và các thông tin khác

Năng lượng (w/ngày)	Thông số khác
148.000	

5. Chất lượng nước thải sau xử lý (mg/l)

COD	TSS	Hg	Pb	As	Cd
43,2	48	KPH	KPH	KPH	KPH

Lưu ý: Đơn vị gửi kèm bản sao các phiếu kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý trong thời gian gần đây nhất (bao gồm cả kết quả phân tích nước thải sinh hoạt và kết quả phân tích nước thải sản xuất).

V. PHẦN CAM ĐOAN CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan rằng tất cả các thông tin đưa ra trong bản kê khai là đúng sự thật và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về thông tin này.

CHỦ DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

MSCN: 0100108961-031
CHI NHÁNH HƯNG YÊN TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
Đại tá Phạm Ngọc Vịnh

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC CÁC GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP VÀ BIÊN BẢN XỬ PHẠT

A. Văn bản về môi trường của cơ sở

- Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319;

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2449/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 06/9/2017;

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2698/GP-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên;

B. Văn bản liên quan đến công tác thanh kiểm tra hoạt động của cơ sở

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1481/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

BAN SAO

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 290 /QĐ-STNMT

Hưng Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 614/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; số 2076/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc phê duyệt danh sách thành viên Hội đồng thẩm định các báo cáo môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; số 12/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 về việc ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" họp ngày 17/6/2014;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319 đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 1022/TCT319-CNHY ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Tổng Công ty 319,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" (*sau đây gọi là Dự án*) được lập bởi Tổng Công ty 319 (*sau đây gọi là Chủ dự án*) với các nội dung sau:

1. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng để tiếp nhận các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực thu hút đầu tư:

Sản xuất cơ khí, dịch vụ thương mại; sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng; sản xuất và tái chế nhựa.

1.2. Quy mô sử dụng đất: 172.528 m^2 (trong đó: Đất xây dựng nhà xưởng: 95.766m^2, đất khu kỹ thuật đầu mối: 1.750m^2, đất thương mại dịch vụ: 8.251m^2, đất cây xanh: 21.275m^2, đất giao thông: 45.486m^2).

1.3. Địa điểm: tại khu đất có diện tích 172.528 m^2 thuộc địa bàn thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu dự án; phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để giải quyết vấn đề xã hội khi có một lượng lớn công nhân làm việc trong cụm công nghiệp; bồi thường và giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành của pháp luật.

2.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải và hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số cơ bản: pH, DO, COD, TSS trong nước thải tại đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung.

2.3. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành dự án phải đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung và không khí: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

2.4. Thu gom toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

2.5. Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ. Chất thải nguy hại phải được thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo các quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

2.7. Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.8. Thực hiện nghiêm túc quy định tại các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp; số 48/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT.

2.9. Cụm công nghiệp chỉ được đi vào hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu của Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn thi công xây dựng; lập kế hoạch xây lắp, vận hành thử nghiệm, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1và khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường) kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (để phối hợp);
- UBND huyện Văn Lâm (để phối hợp);
- Phòng TNMT huyện Văn Lâm (để phối hợp);
- UBND thị trấn Như Quỳnh (để phối hợp);
- Tổng Công ty 319 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCBVMT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

Trần Đăng Anh

PHÓ CHỦ TỊCH
LÂM ĐỨC THU

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 13/10/2014
Số 2393 Quyển số 03

Vũ Thị Thu Cúc
Giờ ký: 2017.09.06 10:28:08 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1999/GP-UBND	*Hưng Yên, ngày 06 tháng 9 năm 2017*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/213 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 ngày 25/8/2017 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 768/TTr-STNMT ngày 31/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 *(Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số chi nhánh: 0100108984-031 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/10/2013, đăng thay đổi lần thứ 2 ngày 04/7/2017)* được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

2. Vị trí công trình khai thác nước: Trong khuôn viên của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng tại thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khai thác Pleistocen trung thượng, hệ tầng Hà Nội (qp_1).

4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng, trong đó giếng GK1 là giếng khai thác, giếng GK2 là giếng dự phòng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 680 m^3/ngày đêm.

6. Thời hạn khai thác: 03(ba) năm.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ(VN2000)		Lưu lượng (m^3/ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc(m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến			
GK1	2321781,1	550141,7	680	16	49,5	67,5	7,5	37,8	qp_1
GK2	2321770,5	550091,2	Dự phòng	-	49,5	67,5	7,5	37,8	qp_1

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Lắp đặt thiết bị quan trắc mực nước, lưu lượng nước khai thác tại giếng khai thác; thực hiện quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Nộp thuế tài nguyên nước và các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan quản lý khác về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

8. Giấy phép sẽ bị thu hồi nếu trong quá trình khai thác nước dưới đất Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 vi phạm Điều 25 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.

Điều 3. Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TNMT;
- Sở TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV TNMT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 2698/GP-UBND	*Hưng Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2018*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên;

Xét đơn đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng, ngày 05/9/2018 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 718/TTr-STNMT ngày 18/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng *(Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0100108984-031 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/5/2016)* được xả nước thải vào nguồn nước với nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung.

2. Vị trí nơi xả nước thải: Thôn Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm..

- Toạ độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2321747,9; Y(m): 549906,7.

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày đêm)

5. Lưu lượng nước thải: Lưu lượng xả thải lớn nhất 400m^3/ngày đêm, 16,67 m^3/giờ; công suất hệ thống xử lý nước thải là 400 m^3/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Khi đi vào hoạt động chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

7. Thời hạn của giấy phép là 03 (ba) năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; mọi thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước năm 2012.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

5. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định tại Điều 3 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên *(ban hành kèm theo Quyết định 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)*. Hằng năm (trước 15 tháng 12) tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải, các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải và các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận.

6. Giấy phép sẽ bị thu hồi nếu trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước của Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng vi phạm Điều 25 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.

Điều 3. Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh Hưng Yên - Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT;
- Các sở, ngành: TN&MT;NN&PTNT, Công an tỉnh;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Chi nhánh HY-Tổng Công ty 319;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1484/QĐ-XPHC	*Hưng Yên, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY 319
Số đến: 2095
Ngày: 30/6/2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường số 01/BB-VPHC ngày 11/6/2025 do Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 1437/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập đối với Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-GQXP ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 467/TTr-SNNMT ngày 24/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng.

Địa chỉ trụ sở chính: số 63 Đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100108984.

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100108984 đăng ký lần đầu ngày 28/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/6/2024; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Khiêm; Giới tính: Nam.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông Trương Anh Tuấn được ông Nguyễn Minh Khiêm, Tổng Giám đốc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 157/UQ-TCT319 ngày 21/5/2025.

Giới tính: Nam.

Chức danh: Trưởng ban Ban Quản lý, vận hành khai thác Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Hành vi số 01: Không có giấy phép môi trường theo quy định (cụ thể: Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng đã ký hợp đồng thuê đất đối với 313 cơ sở, 286 cơ sở đang hoạt động. Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng" của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 290/QĐ-STNMT ngày 03/10/2014).

Hành vi số 02: Không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường tại Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo quy định.

Hành vi số 03: Không bố trí diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

Hành vi số 04: Không ban hành quy chế bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

Hành vi số 05: Không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân (cụ thể: các cơ sở hoạt động tại Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng không có hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường; không đầu tư, xây lắp thiết bị, công trình xử lý chất thải).

Hành vi số 06: Không nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải theo quy định (cụ thể: có hiện tượng hạt nhựa bị cuốn trôi theo dòng nước gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước).

Hành vi số 07: Không thu gom, đấu nối triệt để nước thải của các cơ sở trong Cụm công nghiệp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định (cụ thể: một số cơ sở trong số 286 cơ sở đang hoạt động tại Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng thải nước thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước mưa).

Hành vi số 08: Không vận hành hoặc vận hành không đúng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo quy định (Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng dừng hoạt động từ năm 2019 đến nay).

Hành vi số 09: Không có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Hành vi số 10: Không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác trong trường hợp phải thực hiện theo quy định (không thực hiện quan trắc định kỳ năm 2023 đối với Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo quy định).

Hành vi số 11: Không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác trong trường hợp phải thực hiện theo quy định (không thực hiện quan trắc định kỳ năm 2024 đối với Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo quy định).

Hành vi số 12: Không lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m^3/ngày đêm.

Hành vi số 13: Không xây dựng, lắp đặt công trình, trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải đối với Trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng.

Hành vi số 14: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 đối với Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo quy định.

Hành vi số 15: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 đối với Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng theo quy định.

3. Quy định tại:

Hành vi số 01: Điểm c khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 45/2022/NĐ-CP).

Hành vi số 02: Điểm a khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 03: Điểm c khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 04: Điểm b khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 05: Điểm b khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 06: Điểm đ khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 07: Điểm e khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 08: Điểm g khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 09: Điểm d khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 10: Điểm b khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 11: Điểm b khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 12: Điểm a khoản 1 Điều 40 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 13: Điểm d khoản 1 Điều 40 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 14: Khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 15: Khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Hành vi số 01: Số tiền phạt là 320.000.000 đồng *(Ba trăm hai mươi triệu đồng).*

Hành vi số 02: Số tiền phạt là 15.000.000 đồng *(Mười năm triệu đồng).*

Hành vi số 03: Số tiền phạt là 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng).*

Hành vi số 04: Số tiền phạt là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

Hành vi số 05: Số tiền phạt là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

Hành vi số 06: Số tiền phạt là 160.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Hành vi số 07: Số tiền phạt là 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Hành vi số 08: Số tiền phạt là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Hành vi số 09: Số tiền phạt là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Hành vi số 10: Số tiền phạt là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng).*

Hành vi số 11: Số tiền phạt là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng).*

Hành vi số 12: Số tiền phạt là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).*

Hành vi số 13: Số tiền phạt là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng).*

Hành vi số 14: Số tiền phạt là 15.000.000 đồng *(Mười năm triệu đồng).*

Hành vi số 15: Số tiền phạt là 15.000.000 đồng *(Mười năm triệu đồng).*

Tổng số tiền xử phạt là: ***2.195.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu đồng).***

b) Hình thức xử phạt bổ sung:

Hành vi số 01: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định này quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 02: Không.

Hành vi số 03: Không.

Hành vi số 04: Không.

Hành vi số 05: Không.

Hành vi số 06: Không.

Hành vi số 07: Không.

Hành vi số 08: Không.

Hành vi số 09: Không.

Hành vi số 10: Không.

Hành vi số 11: Không.

Hành vi số 12: Không.

Hành vi số 13: Không.

Hành vi số 14: Không.

Hành vi số 15: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Hành vi số 01: Không áp dụng.

Lý do: Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề Minh Khai giai đoạn mở rộng" của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000618 ngày 23/01/2014 và Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/6/2016; Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 ngày 6/6/2013; Quyết định điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, do đó không áp dụng buộc di dời dự án đầu tư đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 02: Không.

Hành vi số 03: Không.

Hành vi số 04: Không.

Hành vi số 05: Không.

Hành vi số 06: Không.

Hành vi số 07: Không.

Hành vi số 08: Không.

Hành vi số 09: Không.

Hành vi số 10: Không áp dụng.

Lý do: Không có đủ căn cứ xác định số lợi bất hợp pháp thu được theo quy định do hành vi vi phạm hành chính gây ra, do đó không áp dụng buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 11: Không áp dụng.

Lý do: Không có đủ căn cứ xác định số lợi bất hợp pháp thu được theo quy định do hành vi vi phạm hành chính gây ra, do đó không áp dụng buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

Hành vi số 12: Không.

Hành vi số 13: Không.

Hành vi số 14: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Trương Anh Tuấn được ông Nguyễn Minh Khiêm, Tổng Giám đốc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 157/UQ-TCT319 ngày 21/5/2025 Quyết định này để chấp hành.

Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng phải nộp tiền phạt vào tài khoản số 7111, Chương 405, Tiểu mục 4261 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Kho bạc Nhà nước và UBND huyện Văn Lâm để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TTT, TP, CA tỉnh *(để phối hợp)*;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

Quyết định đã giao trực tiếp cho đại diện của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày ...../...../2025./.

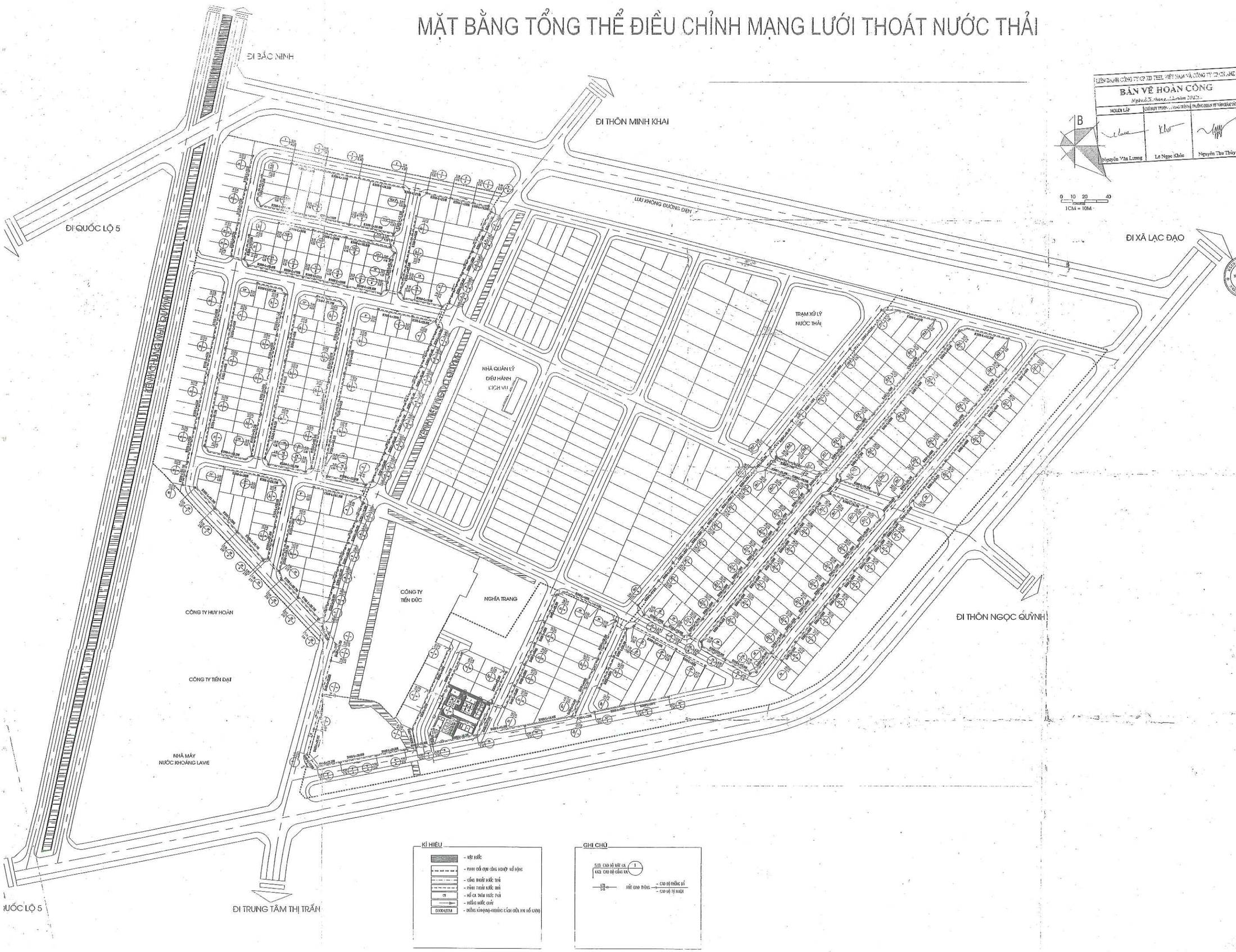
NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

1. Bản vẽ thoát nước mưa
2. Bản vẽ thoát nước thải
3. Bản vẽ thiết kế trạm xử lý nước thải

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI



KÍ HIỆU	GHI CHÚ
- MẶT NƯỚC - RANH GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP MỞ RỘNG - CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI - RÃNH THOÁT NƯỚC THẢI - HỐ GA THĂM NƯỚC THẢI - ĐƯỜNG NƯỚC CHẢY - ĐƯỜNG KHÔNG/ĐƯỜNG CÁCH GIỮA HAI HỐ GA/CỐNG	S.123: CAO ĐỘ MẶT GA (1) 4.63: CAO ĐỘ CỐNG RA 47/18: ĐẤT GIAO THÔNG - CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐỎ - CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

LIÊN DANH CÔNG TY CP XD THÉP VIỆT NAM VÀ CÔNG TY ZHEN HUA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG QUẢN TRỊ VẬN HÀNH
Nguyễn Văn Lương	Lê Ngọc Khỏe	Nguyễn Thu Thủy

0 10 20 40
1CM = 10M

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319
GIÁM ĐỐC :

Đại tá Phạm Ngọc Vịnh

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: SỐ 685 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.879.789 FAX:

GIÁM ĐỐC :
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM :
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC :
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

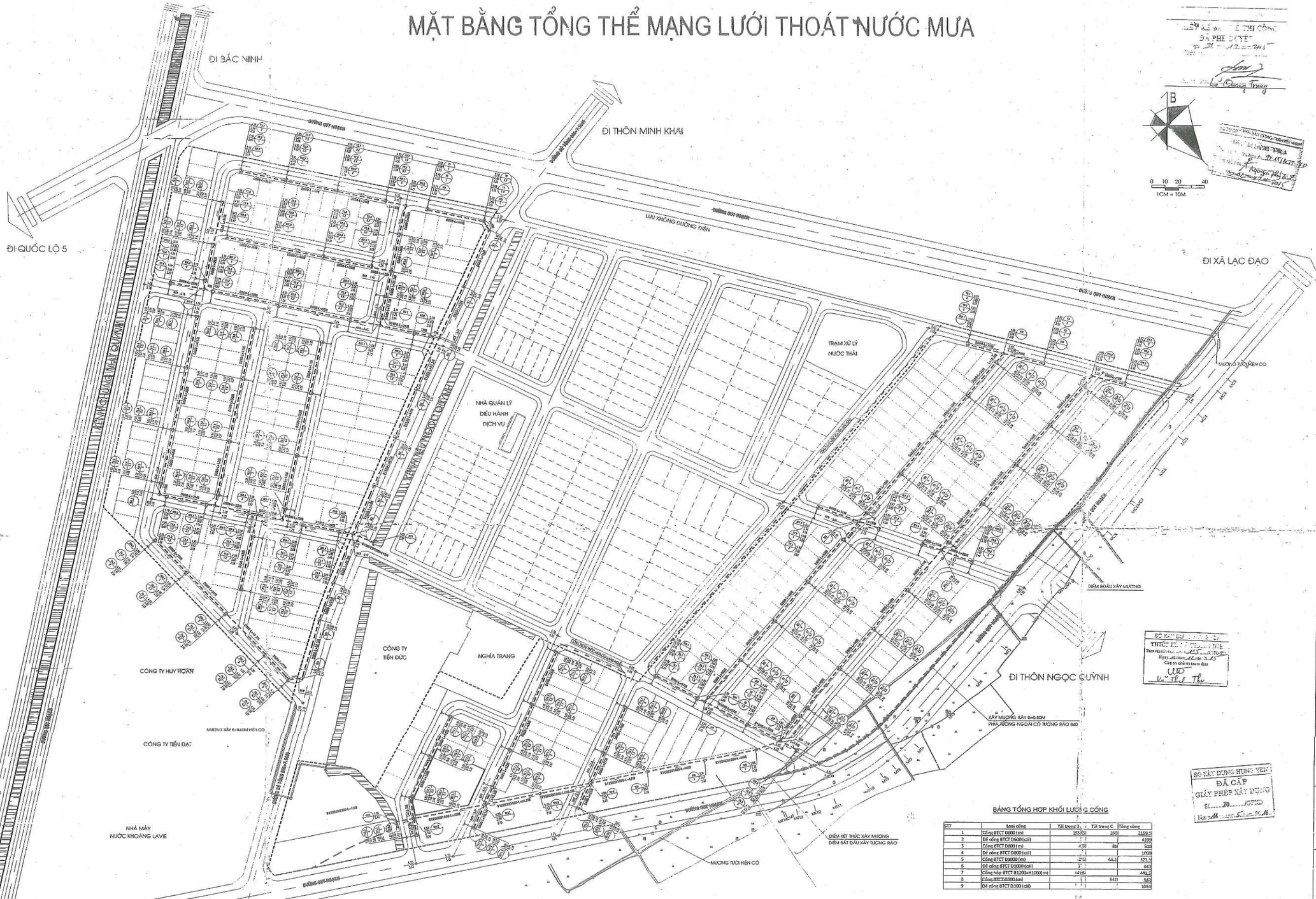
TÊN BẢN VẼ :
MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH
MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
1/1000	DC-TTNT

HOÀN THÀNH: 12/2023

MẶT BẰNG TỔNG THỂ MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC MƯA



KÍ HIỆU

- MẶT NƯỚC
- RANH GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP MỞ RỘNG
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- CỬA XẢ
- HỐ GA THĂM NƯỚC MƯA
- HỐ GA ĐẤU NƯỚC XIÊN HỢP
- HỐ GA ĐẤU NƯỚC XIÊN
- HỐ GA GIAO NƯỚC THẢI – NƯỚC MƯA
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- D600xL52M – ĐƯỜNG KÍNH(mm)–CHIỀU DÀI(m)

GHI CHÚ

- S.13 CAO ĐỘ MẶT ĐỈNH CHẮN RÁC / 4.05 CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG CỐI / 3.73 CAO ĐỘ ĐÁY HỐ THU — T1 / 2
- S.23 CAO ĐỘ MẶT ĐỈNH CHẮN RÁC / 4.05 CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG CỐI — T1 / 1
- S.14 CAO ĐỘ MẶT HỐ GA CAO / 3.56 CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG / 3.53 CAO ĐỘ ĐÁY HỐ THU — H1
- 178/180 MẶT GIAO THÔNG — CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐỎ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG

STT	Loại cống	Tải trọng B	Tải trọng C	Tổng cộng
1	Cống BTCT D600 (m)	1533.51	269	2199.5
2	Đế cống BTCT D600 (cái)			439
3	Cống BTCT D800 (m)	423	81	504
4	Đế cống BTCT D800 (cái)			100
5	Cống BTCT D1000 (m)	295	66.5	371.5
6	Đế cống BTCT D1000 (cái)	7		66
7	Cống hộp BTCT B1200xH1000 (m)	441.5		441.5
8	Cống BTCT D300 (m)		542	542
9	Đế cống BTCT D300 (cái)			1054

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỐ GA

STT	Kiểu hố ga	Quy cách	Số lượng
Loại 1	Hố ga kết hợp + ga thu	3000x1600	85
Loại 2A	Hút giao nước mưa D800xD600	3000x1000	4
Loại 2B	Hút giao nước mưa D800xD600	12000x1200	6
Loại 2C	Hút giao nước mưa D1000,B1200	1500x1500	10
Loại 3A	Hố ba cạnh dương bê tông D600	11000x1000	2
Loại 3B	Hố ba cạnh dương bê tông D1000,B1200	11000x1500	5
Loại 3C	Hố ga B1200 trên cây xanh	11000x1500	4
Loại 4	Giao nước mưa và nước thải	11500x1500	5
Cửa xả		B1200	2

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
ĐÃ CẤP
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ..... 20..... /GPXD
Ngày ... tháng ... năm 20..

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319
GIÁM ĐỐC :
THƯỢNG TÁ PHẠM NGỌC VINH

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
HKTHY
Đ/C: SỐ 68B - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL : 0912.874.769 FAX:
GIÁM ĐỐC :
KS. BÙI XUÂN QUANG
CHỦ NHIỆM :
KS. TRẦN ANH KHOA
CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG
THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG
KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA
HẠNG MỤC :
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
TÊN BẢN VẼ :
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC MƯA
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ :
1/1000	TTNM
HOÀN THÀNH: 2015	

MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

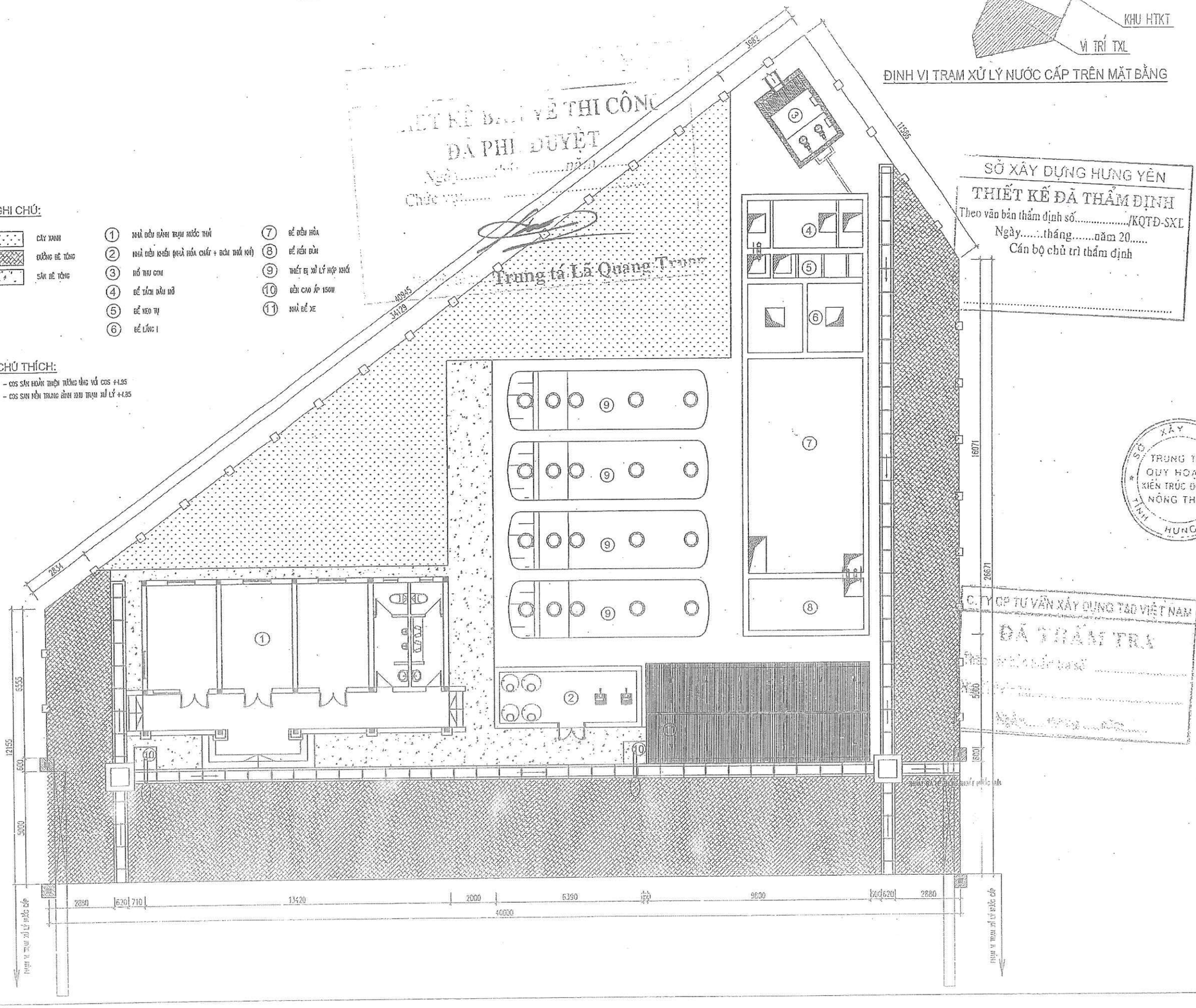


GHI CHÚ:

	CÂY XANH	① NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM NƯỚC THẢI	⑦ BỂ ĐIỀU HÒA
	ĐƯỜNG BÊ TÔNG	② NHÀ ĐIỀU KHIỂN (NHÀ HÓA CHẤT + BỂ THỔI KHÍ)	⑧ BỂ KIỂM ĐỊNH
	SÂN BÊ TÔNG	③ HỐ THU GOM	⑨ THIẾT BỊ XỬ LÝ HỢP KHỐI
		④ BỂ TÁCH DẦU MỠ	⑩ ĐÈN CAO ÁP 150W
		⑤ BỂ KEO TỤ	⑪ NHÀ ĐỂ XE
		⑥ BỂ LẮNG I	

CHÚ THÍCH:

- COS SÂN HOÀN THIỆN TƯƠNG ỨNG VỚI COS +4.95
- COS SAN NỀN TRONG BÌNH KHU TRẠM XỬ LÝ +4.85



ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC CẤP TRÊN MẶT BẰNG

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG T&D VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐC: SỐ 665 - P. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.876.769 FAX:

GIÁM ĐỐC:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NÔNG THÔN
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

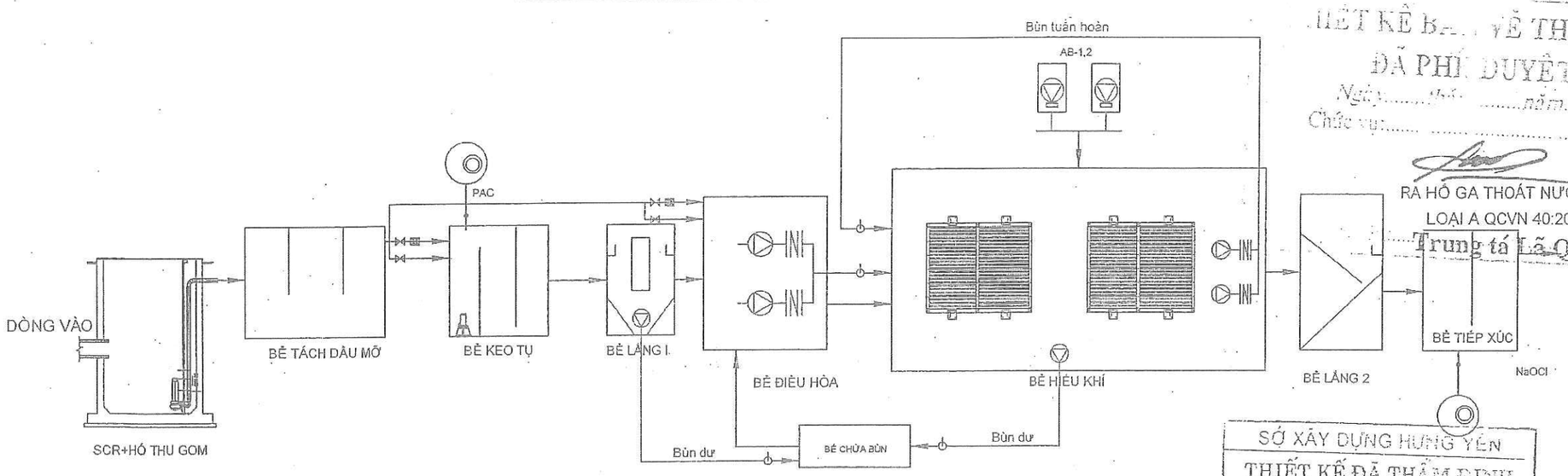
HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	TXLNT-CN-01

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI : 400M3/NGĐ

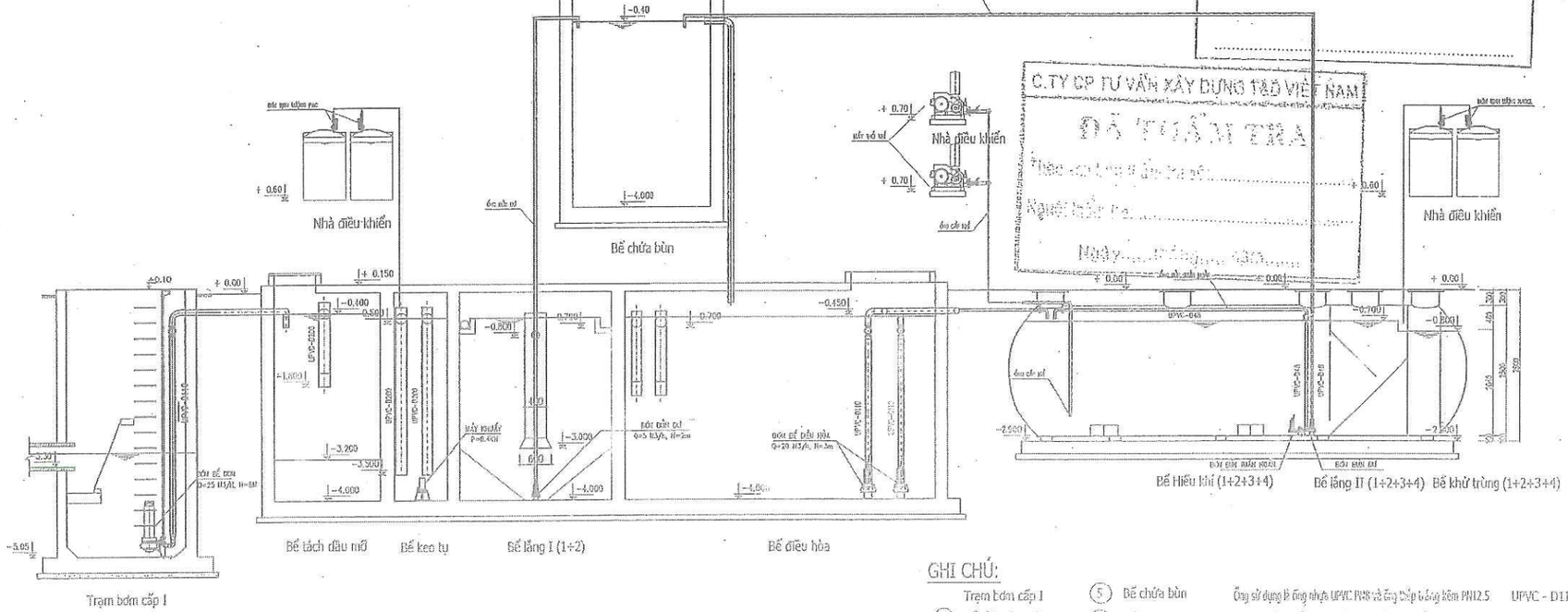


RA HỐ GA THOÁT NƯỚC BÊN NGOÀI
LOẠI A QCVN 40:2011/BTNMT

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày.....tháng.....năm.....
Chức vụ.....
Trung tá Lã Quang Trực

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

SƠ ĐỒ CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI : 400M3/NGĐ



C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TRẦN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số.....
Người thẩm tra.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

GHI CHÚ:

Trạm bơm cấp I
1. Bể tách dầu mỡ
2. Bể keo tụ
3. Bể lắng I
4. Bể điều hòa
5. Bể chứa bùn
6. Bể Hiếu khí
7. Bể lắng II
8. Bể khử trùng
9. Nhà điều khiển

Ống sử dụng là ống nhựa UPVC PN8 và ống bích bằng kim PN12.5
Cao độ tính bằng m, kích thước tính bằng mm
COS +0.00 Tương ứng với COS sàn nền
Cửa thăm bể, phục vụ quản lý, vận hành

UPVC - D110: VẬT LIỆU - ĐƯỜNG KÍNH
HƯỚNG NƯỚC CHẢY
Van 1 chiều
Van Bướm
Van Điện từ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN BẦN YÊN NHÂN
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 655 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐT: 0321.870769 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

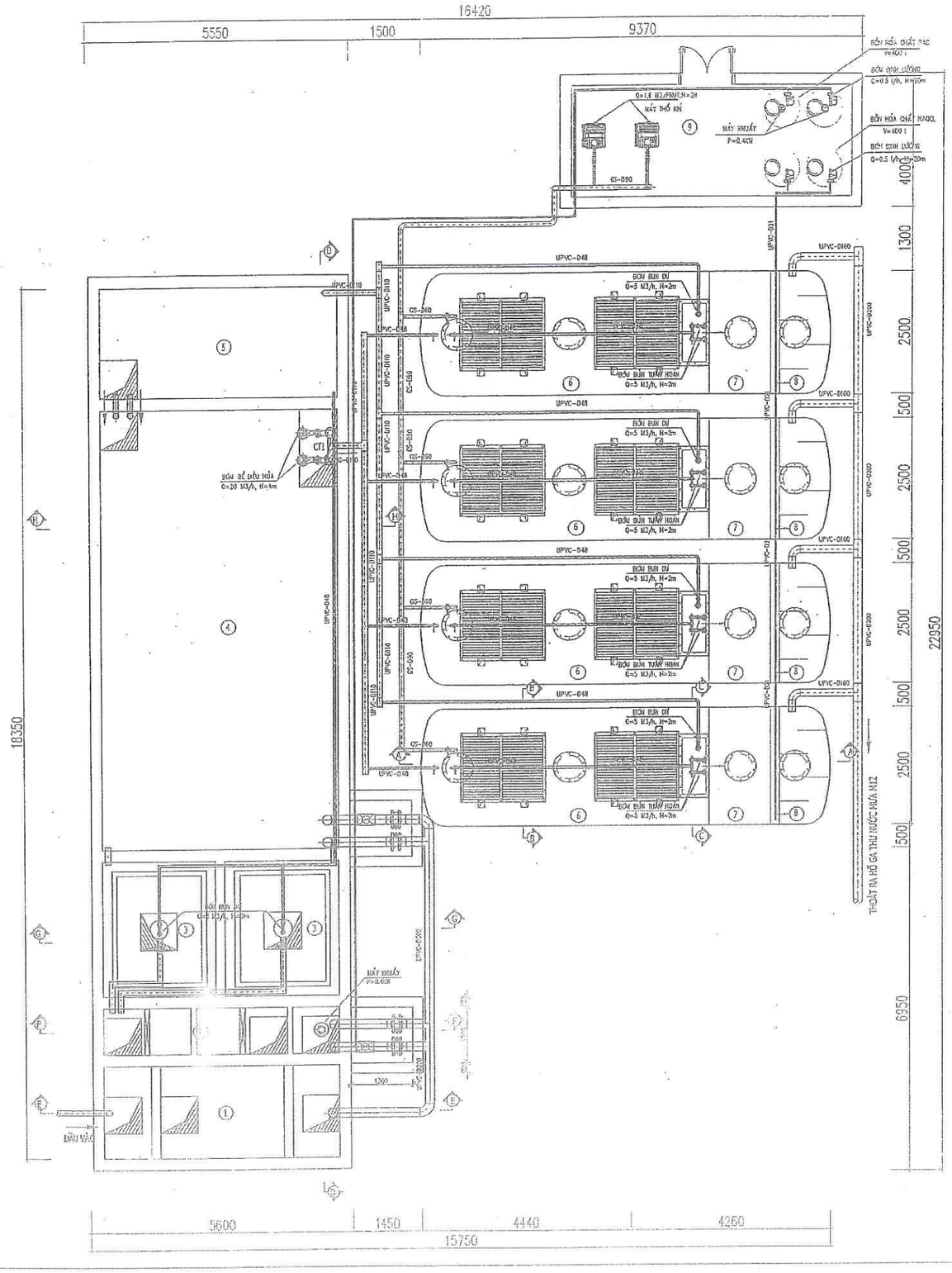
TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:
SỐ BẢN VẼ: TXLNT-CH-02

HOÀN THÀNH: 2015

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



Bảng thống kê danh mục thiết bị

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Bơm chìm nước thải trạm bơm cấp I: Q = 25 m3/h, H = 10m	Chiếc	2
2	Bơm bùn dư bể lắng I: Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	2
3	Máy khuấy: P=0,4 kW	Chiếc	1
4	Bơm chìm nước thải bể điều hòa: Q = 20 m^3/h, H =4,0 m.	Chiếc	2
5	Máy thổi khí: Q = 1,6 m^3/phút, H = 2,0 m	Chiếc	2
6	Bơm bùn tuần hoàn: Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	8
7	Bơm bùn dư bể hiếu khí: Q = 5 m^3/h, H = 2,0 m	Chiếc	4
8	Bể hợp khối xử lý hiếu khí kèm giá thể	Bộ	4
9	Bơm định lượng PAC Q = 11-155 l/giờ, H = 20 m; kèm bồn chứa 400 lít	Chiếc	2
10	Máy khuấy PAC: P=0,4 kW	Chiếc	2
11	Bơm định lượng Clo: Q = 0-5 l/giờ, H = 20 m; kèm bồn chứa 400 lít	Chiếc	2
12	Hệ thống tủ điện điều khiển và hệ thống cấp động lực	Bộ	1

GHI CHÚ:

(1)	Bể tách dầu mỡ	Ống sử dụng là ống nhựa UPVC PN6 và ống thép tráng kẽm PN12.5	
(2)	Bể keo tụ	Cao độ tính bằng m, kích thước tính bằng mm	
(3)	Bể lắng I	COS +0.00 Tương ứng với COS sàn nền	
(4)	Bể điều hòa	Cửa thăm bể, phục vụ quản lý, vận hành	
(5)	Bể chứa bùn	UPVC - D110: VẬT LIỆU - ĐƯỜNG KÍNH	
(6)	Bể Hiếu khí	HƯỚNG NƯỚC CHẢY	
(7)	Bể lắng II	Van 1 chiều	
(8)	Bể khử trùng	Van Bướm	
(9)	Nhà điều khiển	Van Điện từ	

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày.....tháng.....năm.....
Trung tá Lã Quang Trung

TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NÔNG THÔN TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG T&D VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định
.....

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN HƯNG CƯỜNG HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 165 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0321.6270789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI + TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

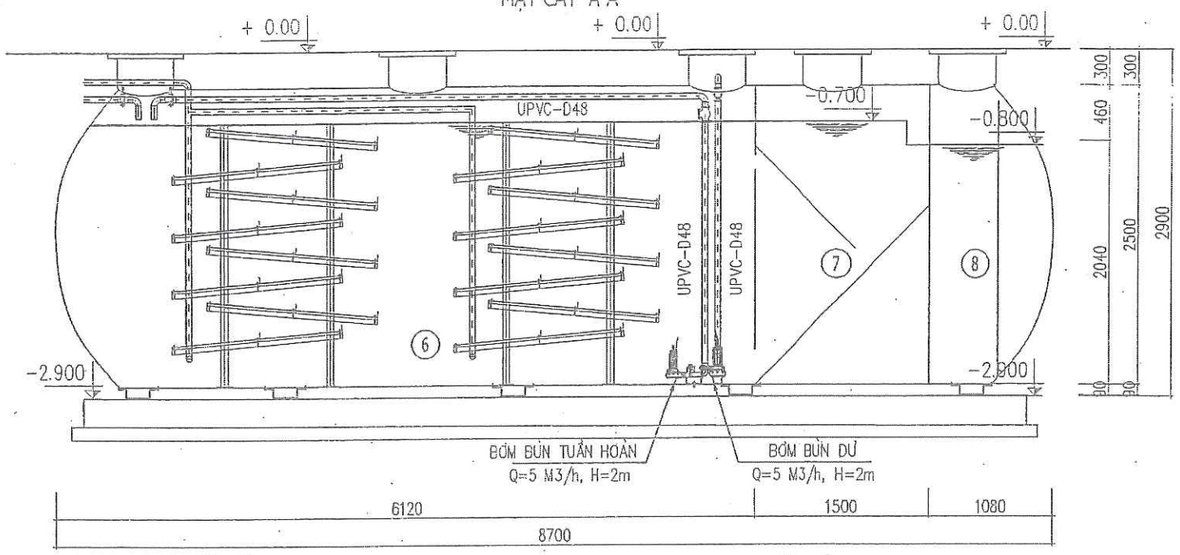
TỶ LỆ:

SỐ BẢN VẼ:
TXLNT-CN-03

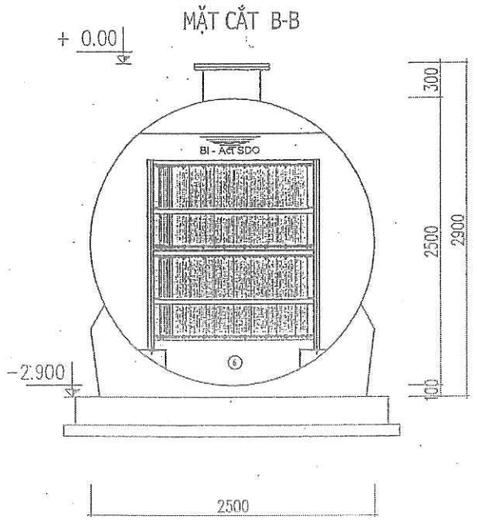
HOÀN THÀNH:
2015

MẶT CẮT THIẾT BỊ HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI

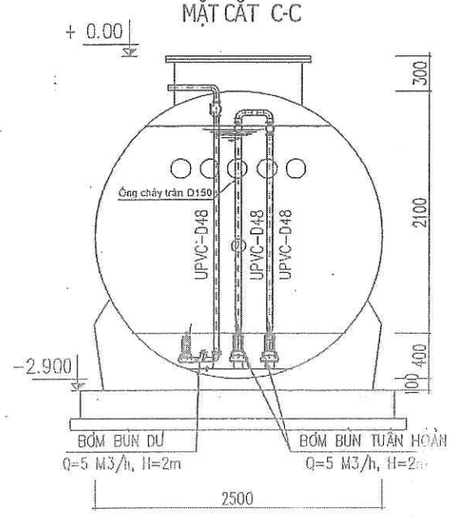
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C



SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTD-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định
.....

GHI CHÚ:

1. Bể tách dầu mỡ
2. Bể keo tụ
3. Bể lắng I
4. Bể điều hòa
5. Bể chứa bùn
6. Bể Hiếu khí
7. Bể lắng II
8. Bể khử trùng
9. Nhà điều khiển

Ống sử dụng là ống nhựa UPVC PN6 và ống thép tráng kẽm PN12.5
Cao độ tính bằng m, kích thước tính bằng mm

COS +0.00 Tương ứng với COS sàn nền

Cửa thăm bể, phục vụ quản lý, vận hành

UPVC - D110: VẬT LIỆU - ĐƯỜNG KÍNH

HƯỚNG NƯỚC CHẢY

Van 1 chiều

Van Bướm

BẢN THIẾT KẾ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày.....tháng.....năm.....
Chức vụ.....
Trung tá Lã Quang Trung

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ, VAN VÀ PHỤ KIỆN

STT	QUY CÁCH, CHỦNG LOẠI VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ	ĐƯỜNG ỐNG ĐIỀU HÒA	ĐƯỜNG ỐNG BÙN DƯ	ĐƯỜNG ỐNG BÈ GOM	ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT VÀ TỰ CHẢY	TỔNG
1	UPVC D21	M						
2	UPVC D48	M		7	54			61
3	UPVC D110	M		17	12	15	10	54
4	UPVC D150	M					6	6
5	UPVC D200	M					48	48
6	GS D90	M	18					18
7	GS D60	M	7					7
8	CÚT GS D90	CÁI	4					4
9	CÚT GS D60	CÁI	4					4
10	CÚT UPVC D21	CÁI					18	18
11	CÚT UPVC D48	CÁI		4	10			14
12	CÚT UPVC D110	CÁI		2	1	4	6	13
13	CÚT UPVC D150	CÁI					4	4
14	CÚT UPVC D200	CÁI					2	2
15	TÊ UPVC D48	CÁI			2			2
16	TÊ UPVC D110	CÁI		2	1	1	4	8
17	TÊ UPVC D200	CÁI					8	8
18	TÊ UPVC D110-48	CÁI		4	4			8
19	TÊ UPVC D200-160	CÁI					4	4
20	TÊ GS D90-60	CÁI	6					6
21	CÔN UPVC D110-60	CÁI		2		2		4
22	BÍCH NỐI ĐẦU NONG UPVC D48	CÁI			4			4
23	BÍCH NỐI ĐẦU NONG UPVC D60	CÁI	4					4
24	BÍCH NỐI ĐẦU NONG UPVC D110	CÁI		4			4	8
25	BÍCH NỐI ĐẦU NONG UPVC D200	CÁI					12	12
27	BÍCH RỖNG GS D60	CÁI	6					6
28	BÍCH ĐẶC GS D90	CÁI	2					2
29	BÍCH ĐẶC UPVC D110	CÁI		2	2			4
30	BÍCH ĐẶC UPVC D200	CÁI					2	2
31	VAN 1 CHIỀU D48	CÁI			2			2
32	VAN 1 CHIỀU D60	CÁI	2					2
33	VAN 1 CHIỀU D110	CÁI		2		2		4
34	VAN BƯỚM D48	CÁI		4				4
35	VAN BƯỚM D60	CÁI	6					6
36	VAN BƯỚM D110	CÁI					2	2
37	VAN BƯỚM D200	CÁI					4	4
38	VAN ĐIỆN TỪ D200	CÁI					2	2
39	KHỚP NỐI MỀM CAO SU D60	CÁI	2					2
40	ỐNG TRUNG TÂM D400	M					6	6
41	MIỆNG XẢ D400XD60	CÁI					2	2
42	GIÁ ĐỠ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ	HT						1
43	BULONG, NỞ	LỐ						1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY XANH HƯNG YÊN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN HƯƠNG CHỮ
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 485 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0321.629.789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT THIẾT BỊ HỢP KHỐI
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

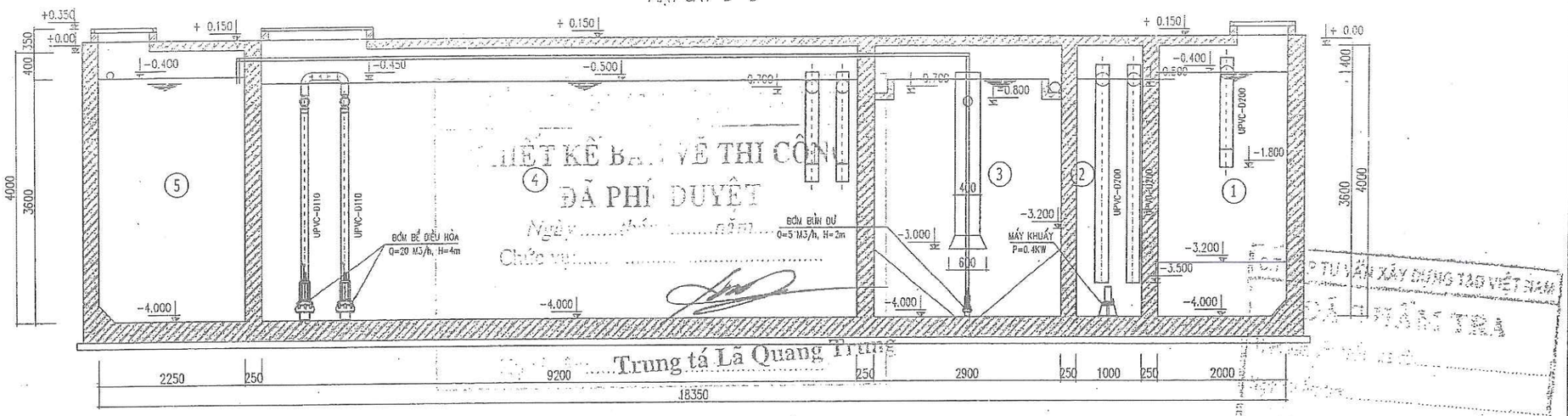
TỶ LỆ:

SỐ BẢN VẼ:
TXLNT-GN-04

HOÀN THÁNG:
2015

MẶT CẮT BỂ TÁCH DẦU MỠ , BỂ KEO TỤ, BỂ LẮNG I, BỂ ĐIỀU HÒA, NÉN BÙN

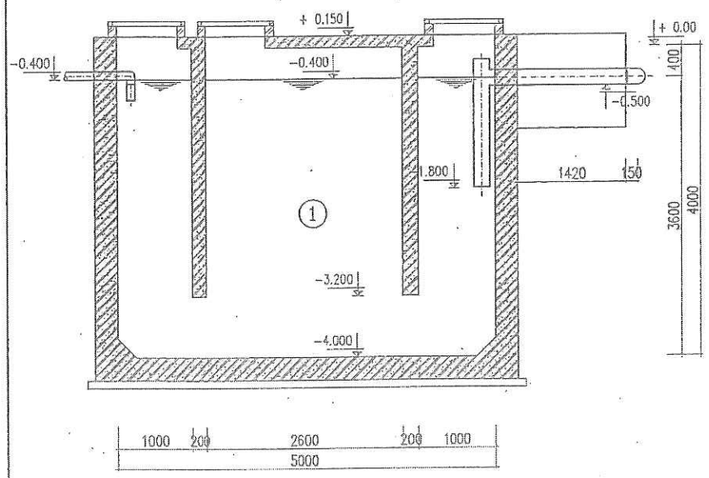
MẶT CẮT D - D



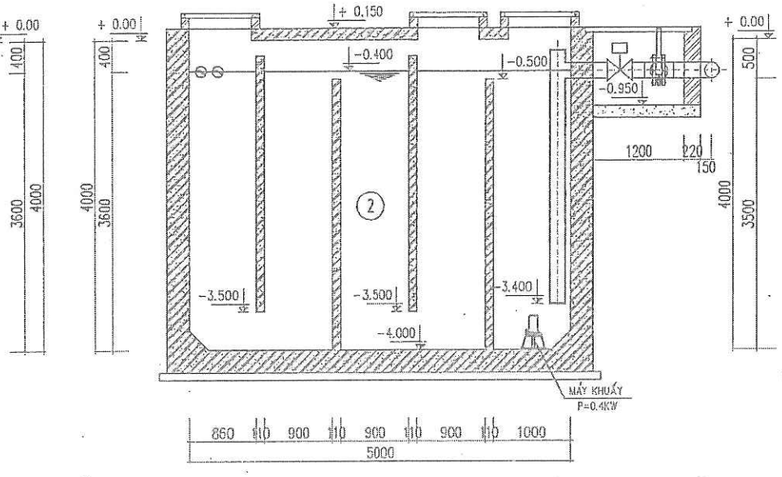
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Chức vụ .....
Trung tá Lã Quang Trung

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG TRẺ VIỆT NAM
ĐÃ KIỂM TRA

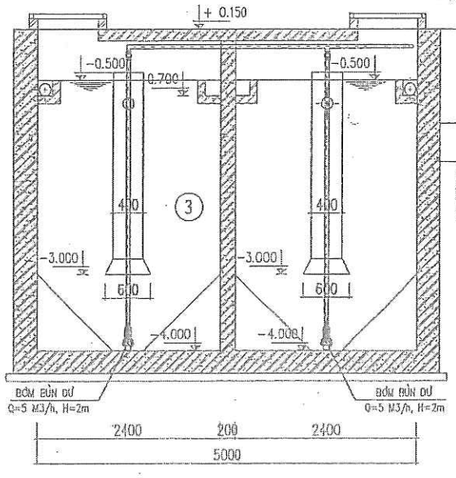
MẶT CẮT E - E



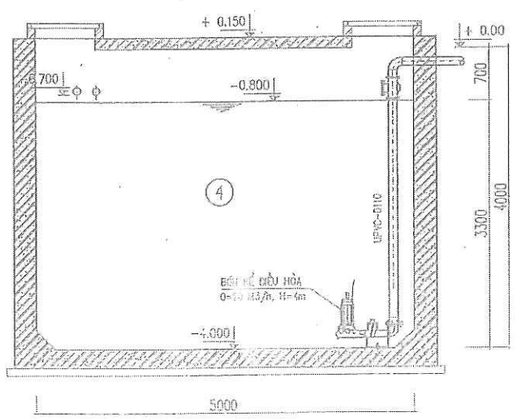
MẶT CẮT F - F



MẶT CẮT G - G



MẶT CẮT H - H



GHI CHÚ:

1. Bể tách dầu mỡ
2. Bể keo tụ
3. Bể lắng I
4. Bể điều hòa
5. Bể chứa bùn
6. Bể Hiếu khí
7. Bể lắng II
8. Bể khử trùng
9. Nhà điều khiển

Ống sử dụng là ống nhựa UPVC PN8 và ống thép tráng kẽm PN12.5
Cao độ tính bằng m, kích thước tính bằng mm

COS +0.00 Tương ứng với COS sàn nền

Cửa thăm bể, phục vụ quản lý, vận hành

UPVC - D110: VẬT LIỆU - ĐƯỜNG KÍNH

HƯỚNG NƯỚC CHẢY

Van 1 chiều

Van Bướm

Van Điện

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXL
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định
.....

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐT: 0912.976.769 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

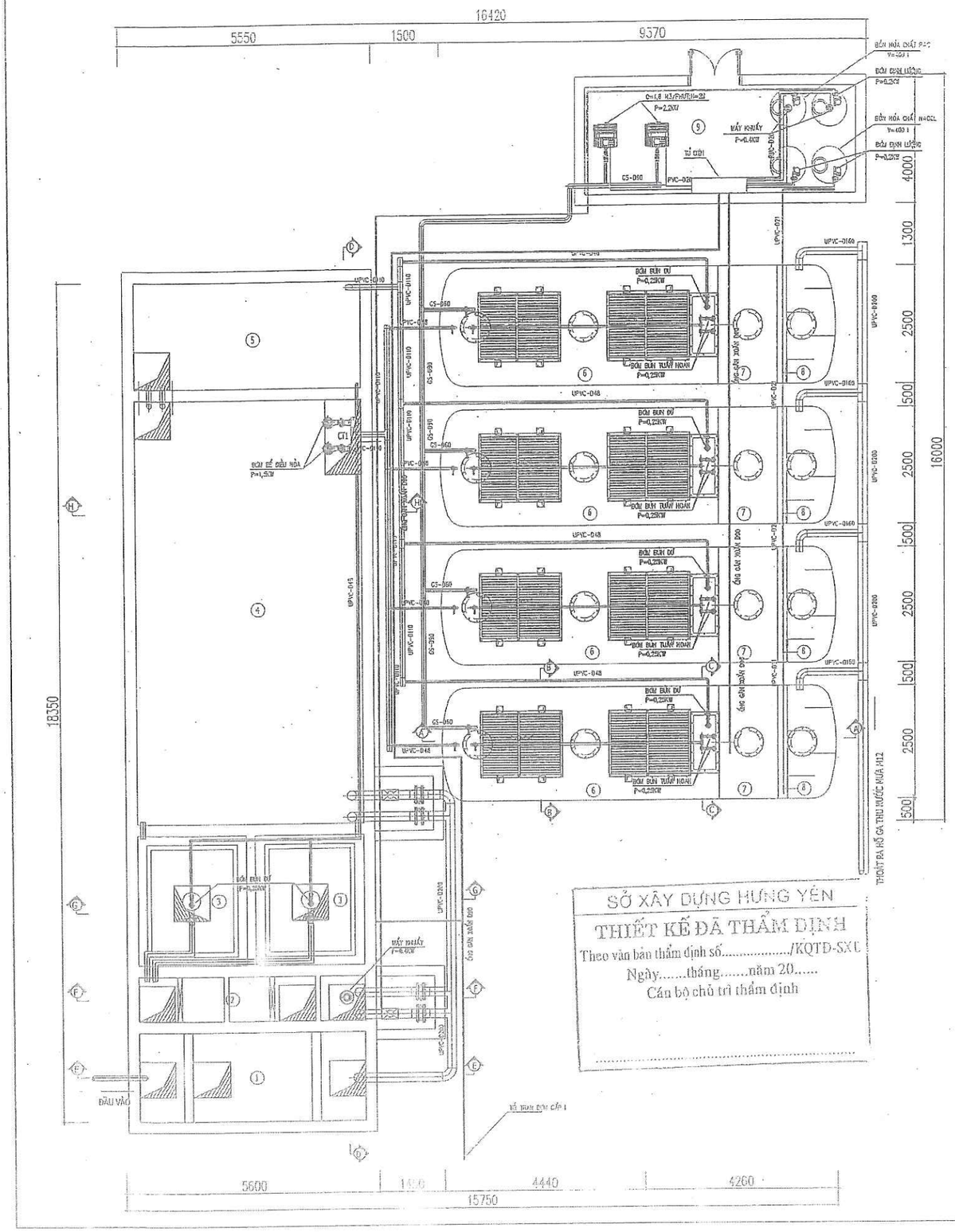
HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT BỂ TÁCH DẦU MỠ
BỂ KEO TỤ, BỂ LẮNG I,
BỂ ĐIỀU HÒA, BỂ NÉN BÙN

HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	TKBVTC-04-05

ĐIỆN ĐỘNG LỰC



SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Cán bộ chủ trì thẩm định

.....

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Trung tá Lã Quang Trung

C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG T&D VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người kiểm tra

Họ và tên.....

GHI CHÚ:

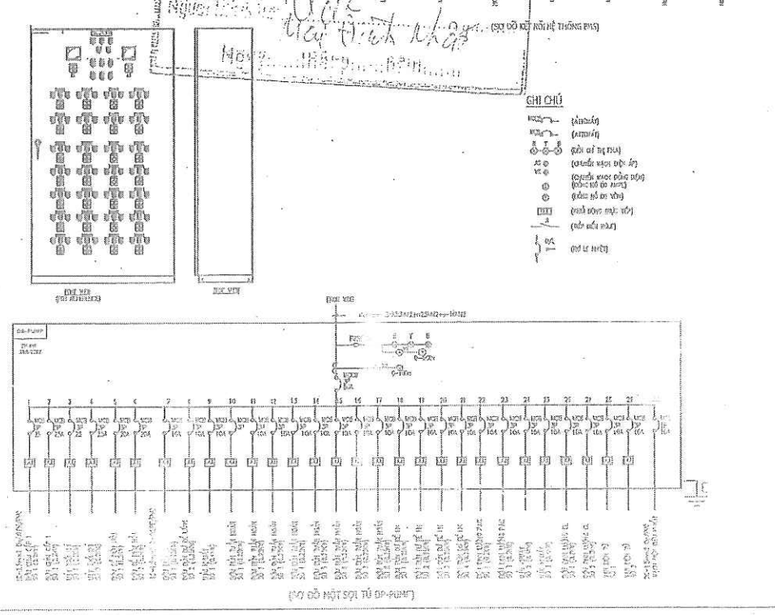
1	Bể tách dầu mỡ	Ống sử dụng là ống nhựa UPVC PN8 và ống thép tráng kẽm PN12.5
2	Bể keo tụ	Cao độ tính bằng m, kích thước tính bằng mm
3	Bể lắng I	COS +0.00 Tương ứng với COS sân nền
4	Bể điều hòa	Cửa thăm bể, phục vụ quản lý, vận hành
5	Bể chứa bùn	UPVC - D110: VẬT LIỆU - ĐƯỜNG KÍNH
6	Bể Hiếu khí	HƯỚNG NƯỚC CHẢY
7	Bể lắng II	Van 1 chiều
8	Bể khử trùng	Van Bướm
9	Nhà điều khiển	Van Điện từ

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG PHỤ KIỆN THANG MÁNG CÁP VÀ ỐNG BẢO VỆ

TT	Vật tư	Đơn vị	SL
01	ỐNG PVC D20	M	100
02	ỐNG GEN XOẮN D30	M	70
03	HỘP ĐẤU NỐI 200X200X100	CÁI	03
05	HỘP ĐẤU NỐI 100X100X75	CÁI	06
07	PHỤ KIỆN ỐNG PVC-D20	LÔ	01
08	PHỤ KIỆN ĐẤU NỐI HỘP	LÔ	01
09	DÂY CẤP ĐIỆN CXV 4X1,5	M	350
10	DÂY CẤP ĐIỆN CXV 4X2,5	M	100

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ TỦ ĐIỆN

TT	Vật tư	Đơn vị	SL
1	TỦ ĐIỆN 1000X1800X1400D	TỦ	1
2	ĐIỆN ĐÀO PHA KÈN CẦU CHÌ	BỘ	1
3	MCCB 3P 60A	CHIẾC	1
4	MCB 3P 25A	CHIẾC	4
5	MCB 3P 20A	CHIẾC	2
6	MCB 3P 10A	CHIẾC	25
7	MCB 1P 10A	CHIẾC	1
8	ĐỒNG HỒ VÔN KẾ	CHIẾC	1
9	ĐỒNG HỒ AMPE KẾ	CHIẾC	1
10	MCT 100/5A	CHIẾC	3
11	BỘ KHỞI ĐỘNG TRỰC TIẾP 10A	BỘ	8
12	BỘ KHỞI ĐỘNG TRỰC TIẾP 03A	BỘ	21
13	ĐÈN CẢNH BÁO	BỘ	5
14	CÔNG TẮC PHAO BÁO MỨC	CHIẾC	6
15	RƠ LE 1P-220V 5A	CHIẾC	24
16	NÚT NHẤN AUTO/ MAN	CHIẾC	27
17	HỆ THỐNG VIỄN KẾT NỐI BMS	BỘ	1
18	TIMER 12/24	CHIẾC	6



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:

TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

CHI NHÁNH HƯNG YÊN TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

- TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: SỐ 655 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN

TEL: 0912.879789 FAX:

GIÁM ĐỐC:

KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:

KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:

KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:

KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

KIỂM TRA:

KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI + TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:

ĐIỆN ĐỘNG LỰC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	TXLNT-CH-06

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- CÁC QUY ĐỊNH VÀ CHỈ DẪN CHUNG DƯỚI ĐÂY ĐƯỢC ÁP DỤNG CHUNG CHO KẾT CẤU CÔNG TRÌNH, TRỪ NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH RÕ TRONG BẢN VẼ THIẾT KẾ CHI TIẾT

1. ĐẶC ĐIỂM CÔNG TRÌNH

- CÔNG TRÌNH: NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN.

2. CÁC TIÊU CHUẨN - QUY PHẠM SỬ DỤNG

- TIÊU CHUẨN TẢI TRỌNG VÀ TÁC ĐỘNG : TCVN 2737:1995
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP : TCVN 5574:2012
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ KẾT CẤU THÉP : TCVN 5575:2012
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ NỀN NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH : TCVN 9362:2012
- TIÊU CHUẨN THÉP HÌNH CÁN NÓNG : TCVN 7571-2006
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ MÓNG CỌC : TCVN 10304:2014
- CÁC TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ VÀ TÀI LIỆU CHUYÊN NGÀNH KHÁC CÓ LIÊN QUAN.

3. DANH MỤC VẬT LIỆU SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH

- VẬT LIỆU SỬ DỤNG ĐƯỢC ÁP DỤNG CHUNG CHO HẦU HẾT CÁC CẤU KIỆN CỦA CÔNG TRÌNH, TRỪ NHỮNG CẤU KIỆN SỬ DỤNG VẬT LIỆU ĐẶC BIỆT ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CỤ THỂ XEM BẢN VẼ THIẾT KẾ CHI TIẾT

A. BÊ TÔNG SỬ DỤNG LÀ LOẠI BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM, MỘT SỐ CHI TIẾT ĐỔ BÊ TÔNG TẠI CHỖ

VẬT LIỆU / CẤU KIỆN	BÊ TÔNG			
	CẤP ĐỘ BỀN CHỊU NÉN	MÁC	Rb (MPa)	Rbt (MPa)
- BÊ TÔNG LÓT		100		
- MÓNG, GIẰNG MÓNG	B15	200	11,5	0,9
- CỘT, DẦM, SÀN	B15	200	11,5	0,9
- GIẰNG TƯỜNG, LANH TÔ,..	B15	200	8,5	0,75

B. THÉP SỬ DỤNG LÀ LOẠI THÉP TRÒN CÁN NÓNG (KHỐI LƯỢNG RIÊNG 7850KG3), TÍNH CHẤT CƠ HỌC CỦA THÉP PHẢI TUÂN THỦ THEO TIÊU CHUẨN TCVN

- CÁC CHỦNG LOẠI THÉP SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH PHẢI ĐẠT CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ VÀ PHẢI CÓ CHỨNG CHỈ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
- CHI TIẾT CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT CỐT THÉP PHẢI PHÙ HỢP VỚI BẢN VẼ THIẾT KẾ

C. VẬT LIỆU SỬ DỤNG TRONG KẾT CẤU THÉP DƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRONG BẢN VẼ KẾT CẤU THÉP

VẬT LIỆU / CẤU KIỆN	THÉP			
	MÁC (CẤP ĐỘ BỀN)	Fy (MPa)	F (MPa)	Fu (MPa)
- THÉP HÌNH CÁN NÓNG	CCT34	220	210	340
- THÉP BẢN	CCT34	220	210	340
- BU LÔNG	5.6			
- QUE HÀN	N42	410(Fwun)	180(Fwf)	

- TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐƯỜNG HÀN CÓ CHIỀU CAO ĐƯỜNG HÀN (Hf=6mm) TRỪ NHỮNG TRƯỜNG HỢP SAU :
  + ĐƯỜNG HÀN CHÂN CỘT DÙNG ĐƯỜNG HÀN CHIỀU CAO Hf=10 mm
  + ĐƯỜNG HÀN ĐỈNH CỘT VÀ THÍCH BẢN ĐẦU VÌ KÈO DÙNG ĐƯỜNG HÀN CHIỀU CAO Hf=8 mm

D. TOÀN BỘ CÁC KHỐI XÂY TRONG CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG GẠCH KHÔNG NUNG KÍCH THƯỚC 220mmx105mmx65mm.

4. KIỂM TRA CÁC KÍCH THƯỚC VÀ PHỐI HỢP CÁC BẢN VẼ :

- CẦN KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THỰC TẾ TRƯỚC KHI THI CÔNG (HAY GIA CÔNG) ĐẠI TRÀ .
- CẦN ĐỌC KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC, ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC HỆ THỐNG KỸ THUẬT KHÁC. TRƯỚC KHI ĐỔ BÊ TÔNG CẦN ĐẶT CÁC CHI TIẾT LIÊN KẾT, CÁC CHI TIẾT CHỜ KỸ THUẬT, ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT.
- CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ ĐƯỢC GHI BẰNG MILIMET .

5. LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP

- 50MM ĐỐI VỚI CÁC CỐT THÉP TRONG ĐÀI MÓNG - GIẰNG MÓNG
- 25-30MM ĐỐI VỚI CÁC CỐT THÉP TRONG DẦM
- 20-25MM ĐỐI VỚI CÁC CỐT THÉP TRONG CỘT
- 15-20MM ĐỐI VỚI CÁC CỐT THÉP TRONG SÀN

6. NỐI CỐT THÉP

* ĐỐI VỚI CỐT THÉP TRONG KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP :
- NỐI CỐT THÉP (VỊ TRÍ VÀ CHIỀU DÀI NỐI) ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÁC BẢN VẼ CHI TIẾT.
- TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ CHỈ ĐỊNH, CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI KHÔNG NHỎ HƠN : GIÁ TRỊ LỚN NHẤT TRONG 2 GIÁ TRỊ : 10D VÀ 200mm (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP NỐI) TẠI VÙNG CỐT THÉP KHÔNG CHỊU LỰC . GIÁ TRỊ LỚN NHẤT TRONG 2 GIÁ TRỊ : 30D VÀ 300mm (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP NỐI) TẠI VÙNG CỐT THÉP CHỊU LỰC .
- ĐỐI VỚI LOẠI NỐI THÉP BẰNG HÀN THÌ YÊU CẦU PHẢI HÀN TRONG NHÀ MÁY (CÓ QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHẶT CHẼ), KHÔNG ĐƯỢC NỐI HÀN CHỊU LỰC TẠI CÔNG TRƯỜNG .
- KHI NỐI THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH LỚN HƠN 25MM, CẦN UỐN MỘT THÉP ĐỂ TRỤC HAI CỐT THÉP THẲNG HÀNG .

* ĐỐI VỚI BẢN THÉP TRONG KẾT CẤU THÉP :
- TOÀN BỘ CÁC CHI TIẾT NỐI BẢN THÉP SỬ DỤNG NỐI ĐỐI ĐẦU HÀN BẰNG ĐƯỜNG HÀN ĐỐI ĐẦU.
- GÓC GIỮA MÉP BẢN VỚI ĐƯỜNG HÀN ĐỐI ĐẦU TẠO VỚI NHAU 1 GÓC 45 ĐỘ

7. UỐN CỐT THÉP

- BÁN KÍNH UỐN 90 ĐỘ LẤY LÀ 10D (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH THÉP)

8. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

- PHẦN NGẦM ĐƯỢC THIẾT KẾ CĂN CỨ BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH DO CHỦ ĐẦU TƯ CUNG CẤP
- NẾU GẶP CÁC TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG VỀ KẾT CẤU CẦN BÁO THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ

YÊU CẦU THÍ NGHIỆM NỀN ĐỆM CÁT

- SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP THÍ NGHIỆM BẰNG BÀN NÉN

KÍCH THƯỚC VÀ CHỦNG LOẠI THÉP SỬ DỤNG

DK DANH NGHĨA (mm)	DT MẶT CẮT NGANG (cm2)	LOẠI THÉP	TRỌNG LƯỢNG (KG)	Rs (MPa)	DUNG SAI (%)
6	0,283	AI	0,222	225	±8
8	0,503	AI	0,395	225	±8
10	0,785	AII	0,617	280	±5
12	1,131	AII	0,888	280	±5
14	1,539	AII	1,208	280	±5
16	2,011	AII	1,578	280	±5
18	2,545	AII	1,998	280	±5
20	3,142	AII	2,466	280	±5
22	3,801	AII	2,984	280	±4

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày.....tháng.....năm.....
Chức vụ.....
Trung tá Lã Quang Trung

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số.....
Người thẩm tra.....
Ngày.....tháng.....năm.....

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTD-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CHI NHÁNH HƯNG YÊN TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ: TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 165 - ĐỊA NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0712.879.769 FAX:

GIÁM ĐỐC: KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM: KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ: KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA: KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

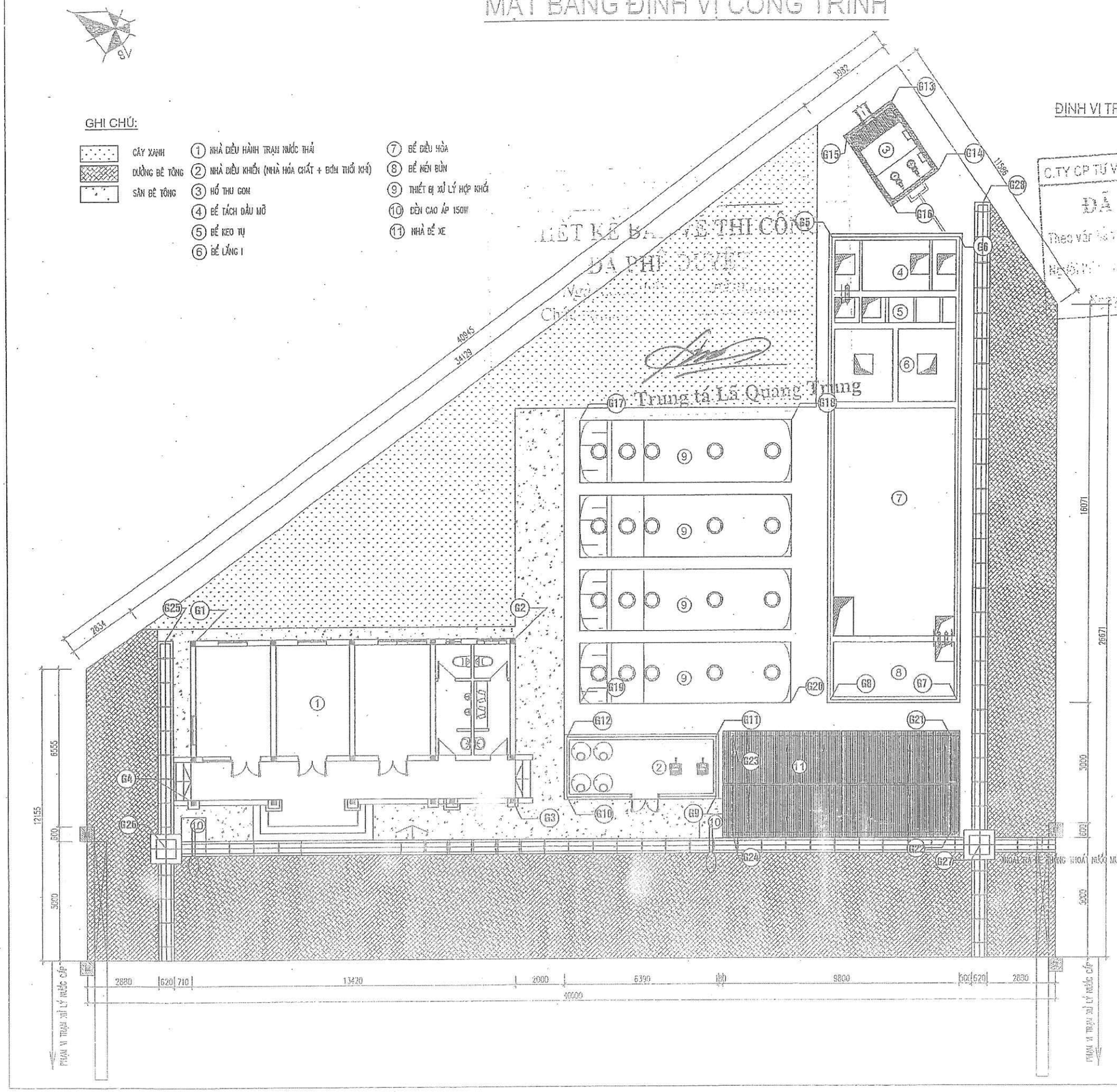
TÊN BẢN VẼ: THUYẾT MINH CHUNG

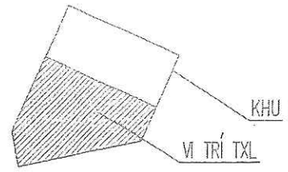
NỘI DUNG BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/50 | SỐ BẢN VẼ: TMC

HOÀN THÀNH: 2015

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH





ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC CẤP TRÊN MẶT BẰNG

C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG T&D VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số ... ngày ...

BẢNG TOẠ ĐỘ ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

Tên nút	Toạ độ (m)	
	X	Y
G01	2321760.600	549942.100
G02	2321766.000	549930.000
G03	2321772.000	549932.700
G04	2321766.600	549944.800
G05	2321756.600	549911.500
G06	2321758.700	549906.700
G07	2321775.700	549914.300
G08	2321773.600	549919.100
G09	2321775.300	549925.000
G10	2321772.800	549930.700
G11	2321773.000	549924.000
G12	2321770.500	549929.600
G13	2321752.800	549907.200
G14	2321755.900	549906.600
G15	2321753.200	549909.400
G16	2321756.400	549908.700
G17	2321759.000	549923.900
G18	2321762.500	549915.900
G19	2321769.500	549928.600
G20	2321773.000	549920.600
G21	2321777.000	549915.200
G22	2321780.600	549916.800
G23	2321773.300	549923.400
G24	2321777.000	549925.000
G25	2321760.000	549943.100
G26	2321767.9	549946.600
G27	2321781.6	549915.900
G28	2321757.9	549905.300

GHI CHÚ:

(G...) LÀ VỊ TRÍ TIM TRỤC TRÊN BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định
.....

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: TH XÃ MINH KHAI, HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - P. HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.679.789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

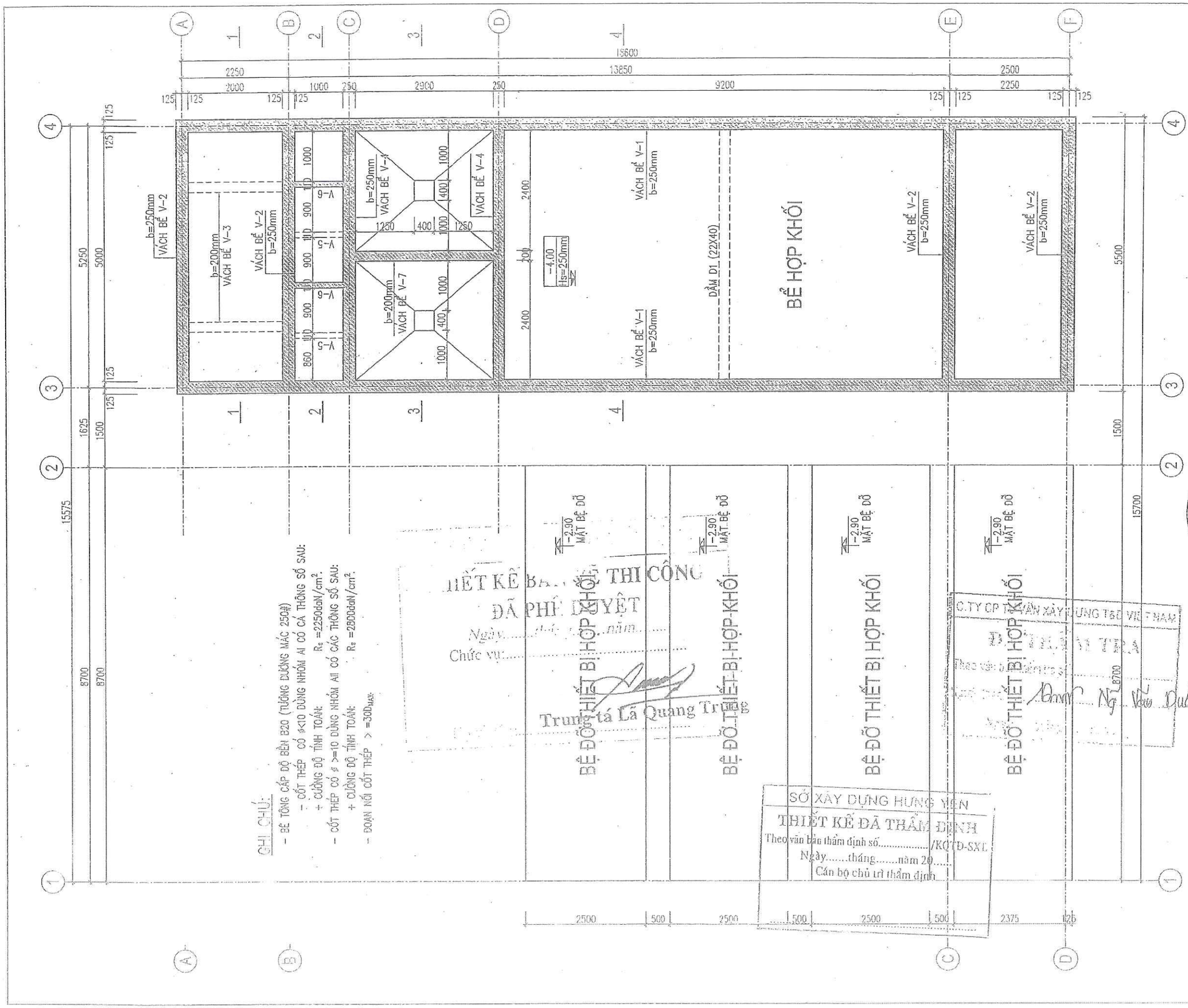
KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG
ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	ĐVCT



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN MINH CHÂU
HUYỆN VĂN LÂM TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐT: 0972.879.269 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

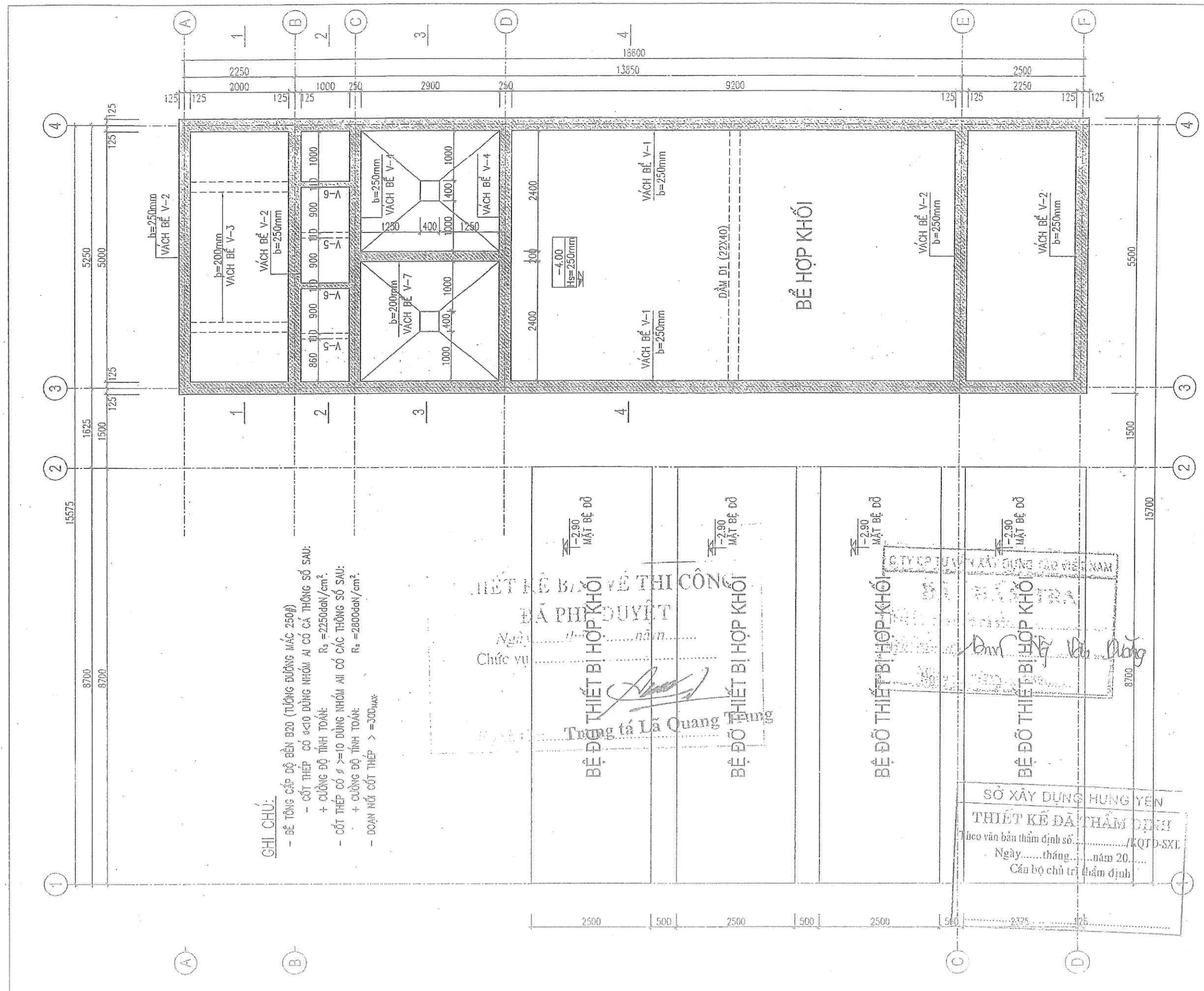
KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
4 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐẶT CỐT ĐAY
MẶT BẰNG BỆ ĐỠ THIẾT BỊ HỢP KHỐI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-BHK-01



GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG CẤP ĐỘ BỀN B20 (TƯƠNG ĐƯƠNG MÁC 250#)
  - CỐT THÉP CÓ Φ<10 DÙNG NHÓM AI CÓ CÁC THÔNG SỐ SAU:
    + CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN: R_a =2250daN/cm².
  - CỐT THÉP CÓ Φ >=10 DÙNG NHÓM AII CÓ CÁC THÔNG SỐ SAU:
    + CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN: R_a =2800daN/cm².
  - ĐOẠN NỐI CỐT THÉP > =$30D_{MAX}$.

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày ... tháng ... năm ...
Chức vụ ...
Trương tá Lã Quang Trung

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số: .../KQTD-SXD
Ngày ... tháng ... năm 20...
Cán bộ chủ trì thẩm định

CTY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ĐỊA PHẬN HAI XÃ MINH HẢI VÀ NGUYỄN VĂN LINH - H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP. HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.829.769 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠI

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

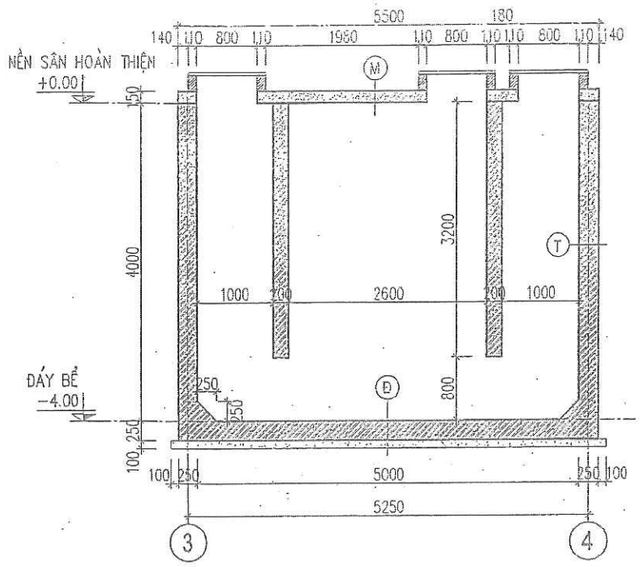
KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI + TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

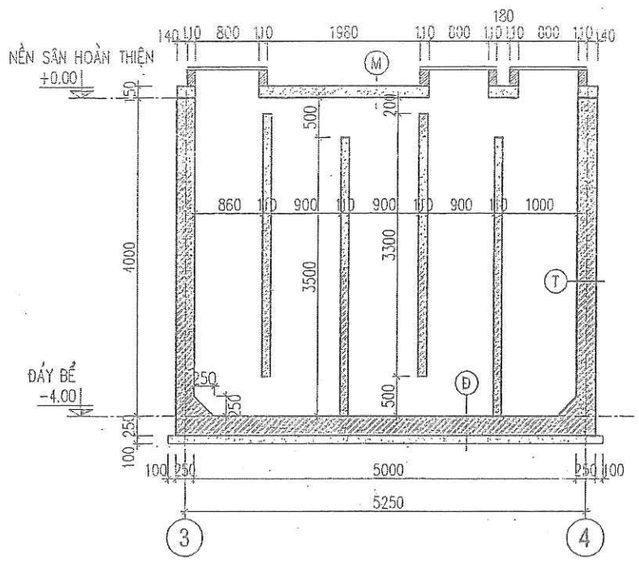
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY
MẶT BẰNG BỆ ĐỠ THIẾT BỊ HỢP KHỐI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÁNG 2015	KC-BHK-01



MC1-1 (KC-01)



MC2-2 (KC-01)

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản thẩm định số...../KQTD-SXD

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Cán bộ chủ trì thẩm định

.....

.....

T

- TƯỜNG BTCT MÁC 250# DÀY 250
- TRÁT TRONG VỮA XI MĂNG MÁC 75# DÀY 20
- ĐÁNH MÀU XI MĂNG NGUYÊN CHẤT

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐÃ PHÊ DUYỆT

M ..... tháng ..... năm .....

Chức vụ .....

- LÁNG VỮA XI MĂNG MÁC 75# DÀY 20
- LỚP BTCT MÁC 250# DÀY 120
- TRÁT TRẦN VỮA XI MĂNG MÁC 75# DÀY 15

Trung tá Lã Quang Trung

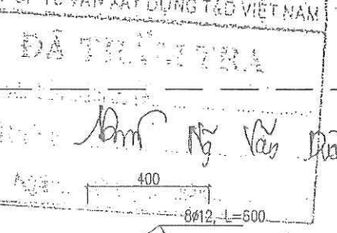
Đ

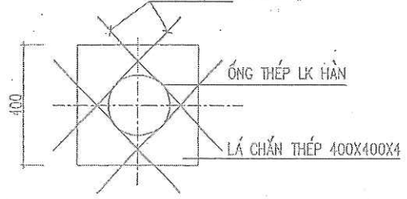
- LÁNG VỮA XI MĂNG MÁC 75# DÀY 30, ĐÁNH DỐC VỀ PHỄU THU ĐÁNH MÀU XI MĂNG NGUYÊN CHẤT
- LỚP BTCT MÁC 250# DÀY 250
- BT ĐÁ 4X6 MÁC 100# DÀY 100

C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG T&D VIỆT NAM

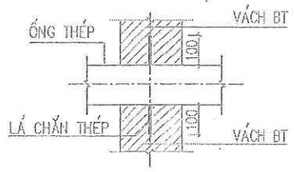
ĐÃ KIỂM TRA

Đại diện: Nam Ng Văn Dũng

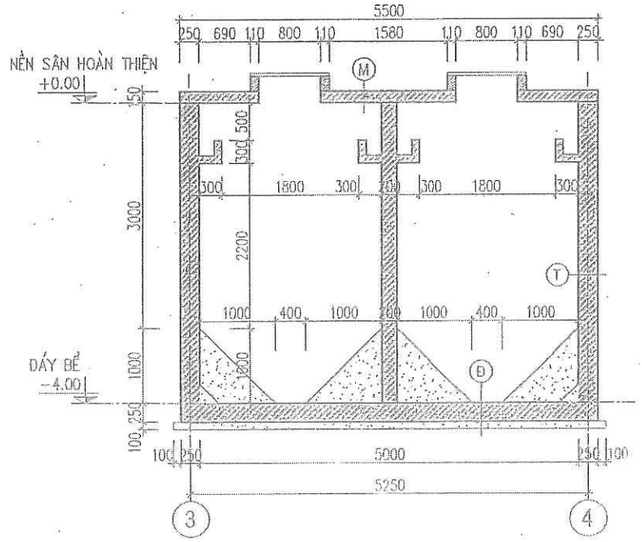




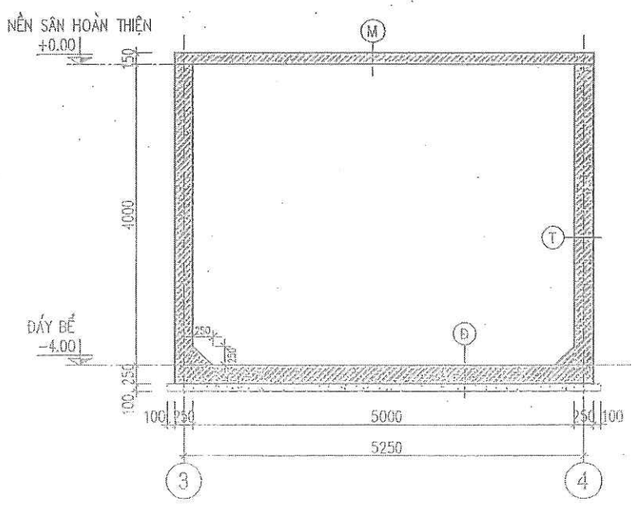
CHI TIẾT GIA CƯỜNG VỊ TRÍ XUYÊN ỐNG



CHI TIẾT LÁ CHẮN THÉP



MC3-3 (KC-01)



MC4-4 (KC-01)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CHI NHÁNH HƯNG YÊN TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ: TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN

TEL: 0915.879.789 FAX:

GIÁM ĐỐC: KS. BÙI VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM: KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ: KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA: KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI + TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

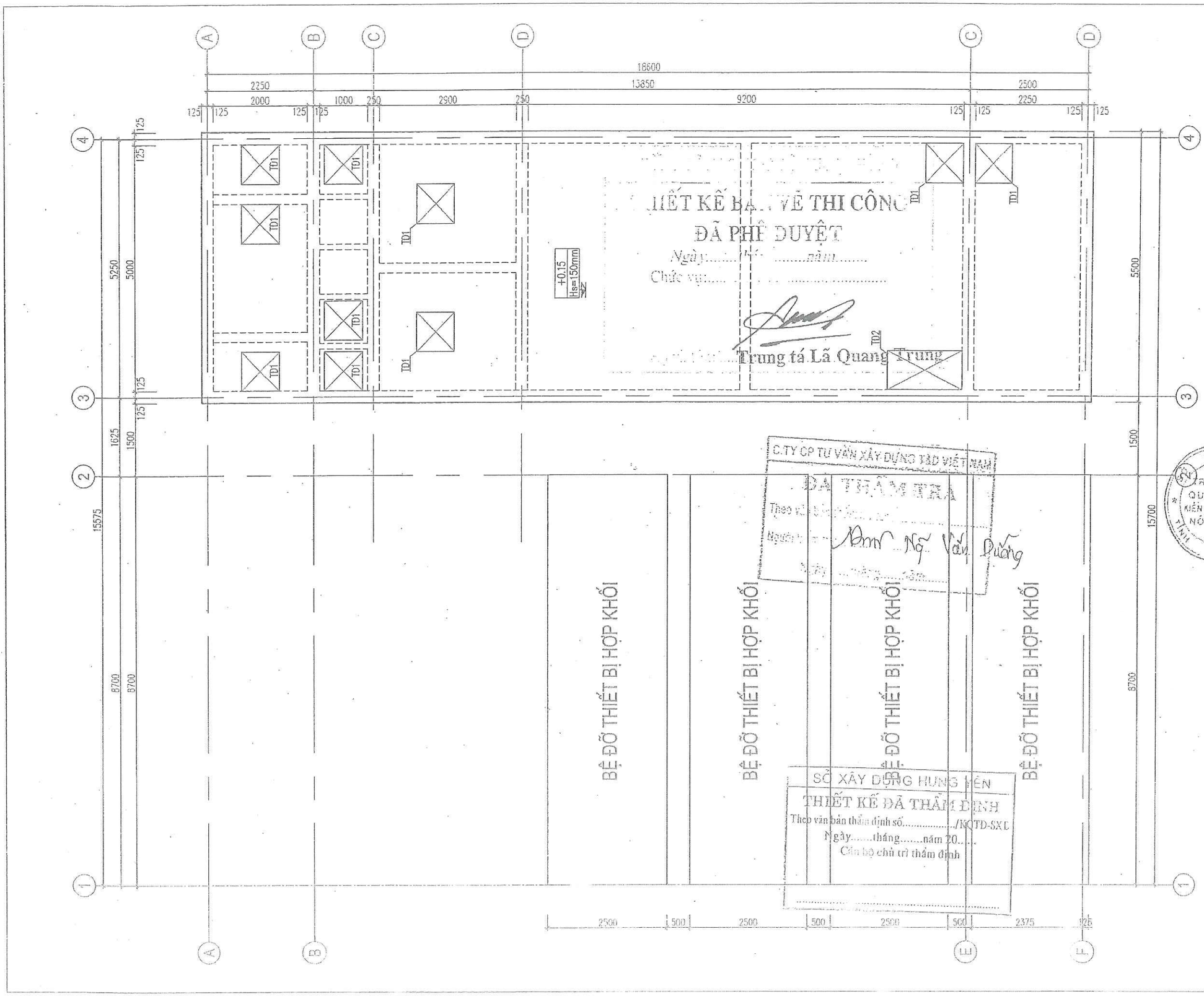
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT BỂ HỢP KHỐI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:

SỐ BẢN VẼ: KC-BHK-02

HOÀN THÀNH: 2015



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN TRẦN QUỐC HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐT: 0912.879.249 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

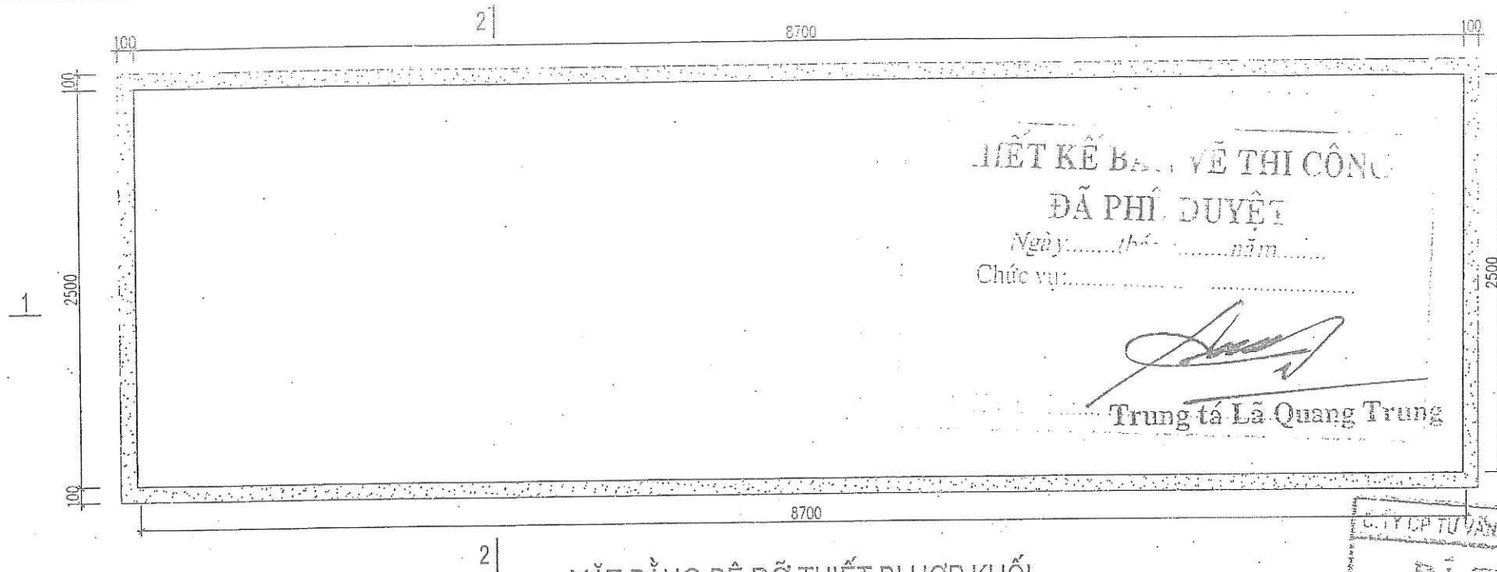
KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

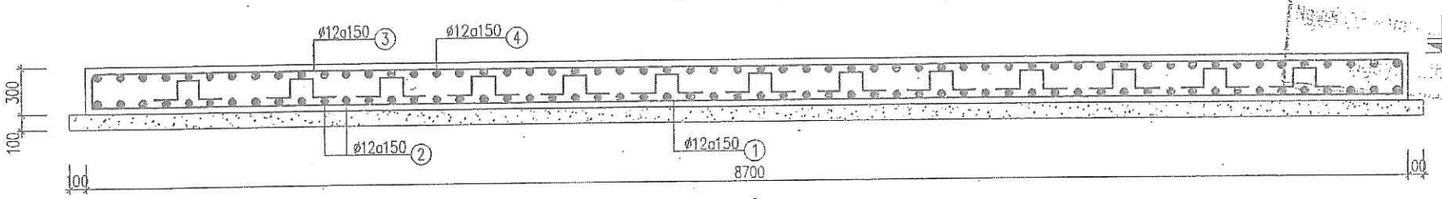
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KẾT CẤU MẶT
MẶT BẰNG BỆ ĐỠ THIẾT BỊ HỢP KHỐI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

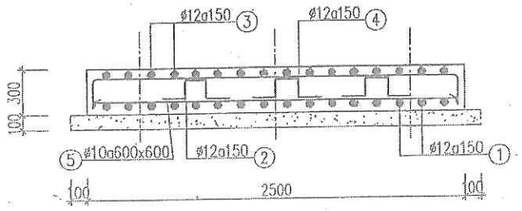
TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-BHK-03



MẶT BẰNG BỆ ĐỠ THIẾT BỊ HỢP KHỐI
(SL : 04)

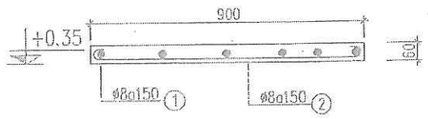


MẶT CẮT 1 - 1

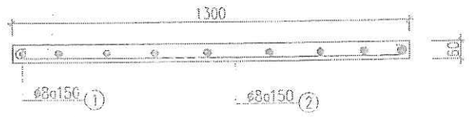


MẶT CẮT 2 - 2

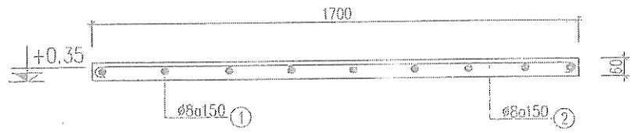
- BÊ TÔNG CẤP ĐỘ BỀN B20 (TƯƠNG ĐƯƠNG MÁC 250#)
  - CỐT THÉP CÓ Ø<10 DÙNG NHÓM AI CÓ CẢ THÔNG SỐ SAU:
    + CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN: R_a =2250daN/cm².
- CỐT THÉP CÓ Ø >=10 DÙNG NHÓM AII CÓ CÁC THÔNG SỐ SAU:
  + CƯỜNG ĐỘ TÍNH TOÁN: R_s =2800daN/cm².
- ĐOẠN NỐI CỐT THÉP > =30D_{MAX}



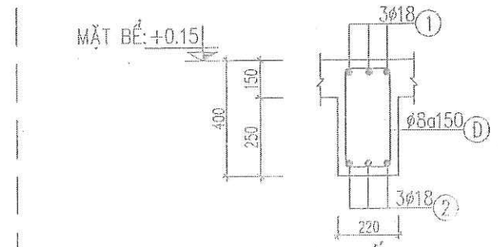
CHI TIẾT TĐ1 (900X900) SL: 10



CHI TIẾT TĐ3 (1300X1300) SL: 02



CHI TIẾT TĐ2 (1700X900)
SL: 01



CHI TIẾT D1
L=5500 SL: 01

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTD-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định
.....

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TRÒ VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
MẶT BỆ ĐỠ
-2.90

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: TH TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 485 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0321.3512.289 FAX:

GIÁM ĐỐC
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

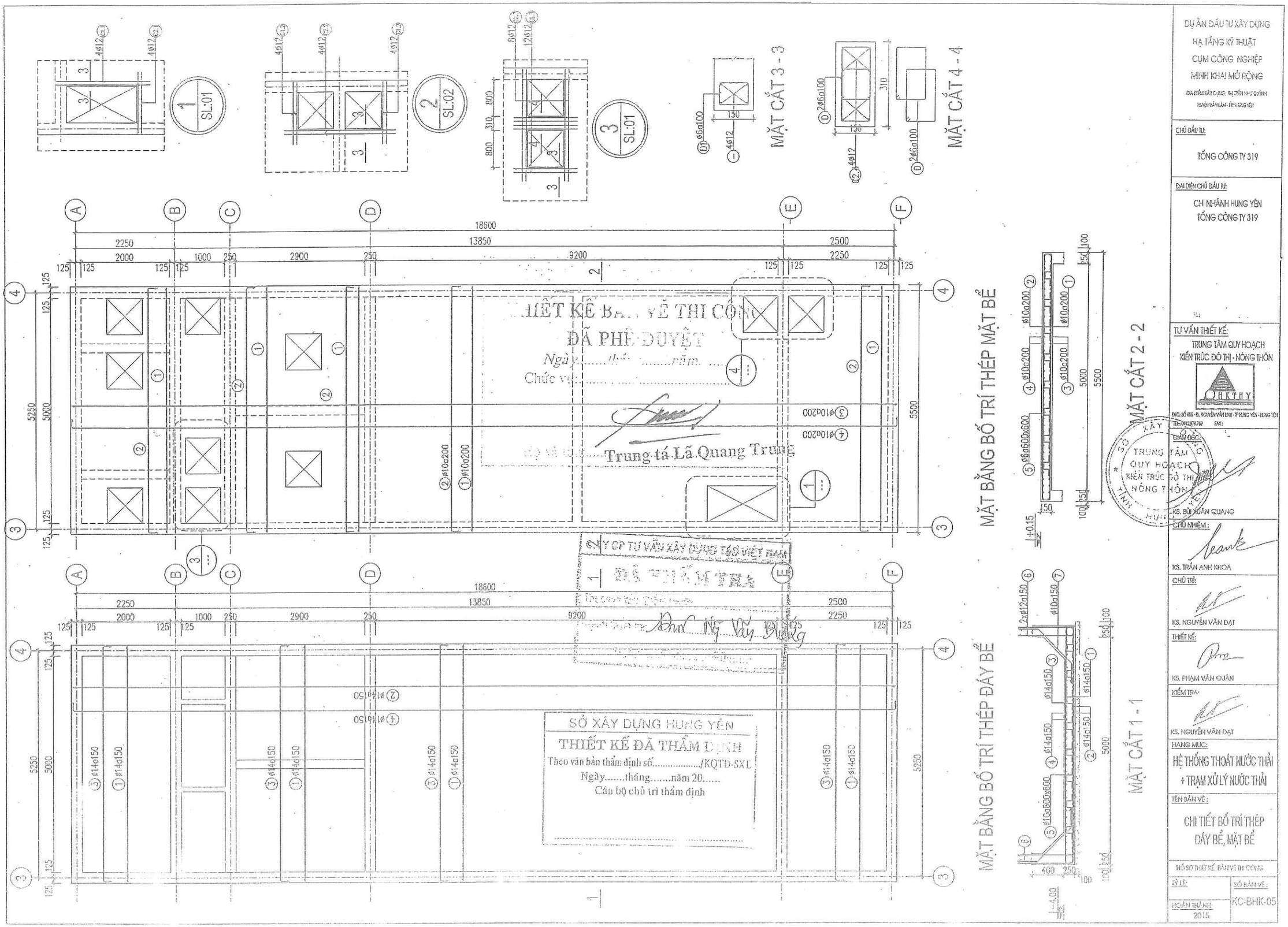
KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT BỆ ĐỠ
CỤM THIẾT BỊ HỢP KHỐI
CHI TIẾT DẦM D1

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-DHK-04



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 485 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - P.HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐIỆN THOẠI: 0947.579.799 FAX:

GIÁM ĐỐC
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

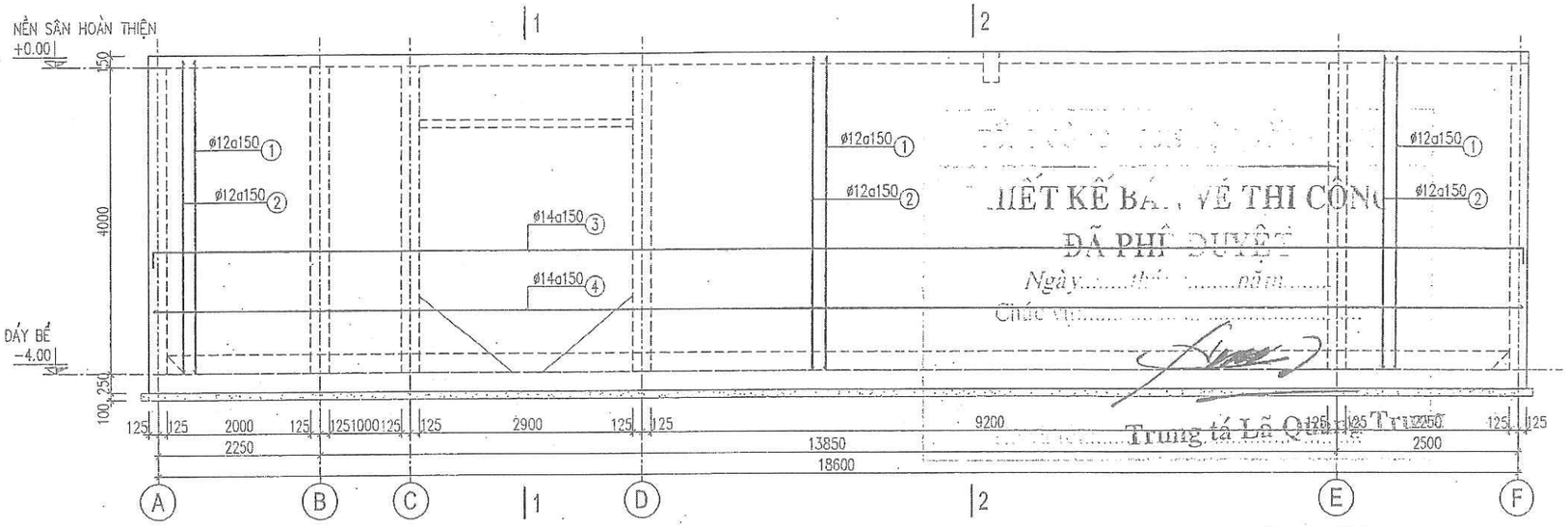
HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

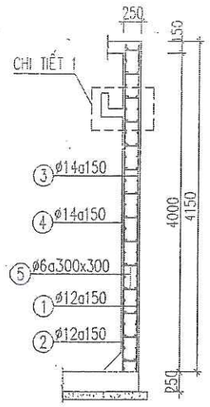
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT BỐ TRÍ THÉP
ĐÁY BỂ, MẶT BỂ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-BHK-05

CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-1 (SL : 02)



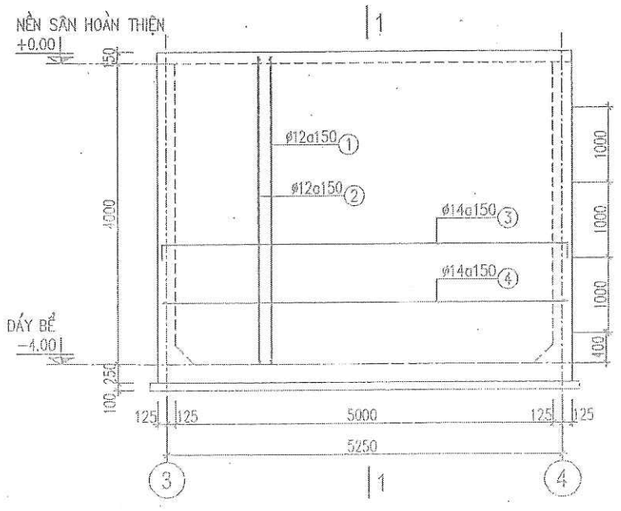


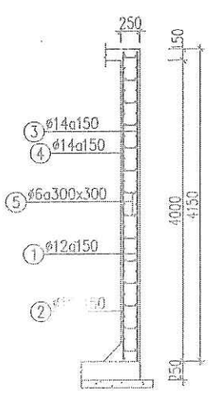
MẶT CẮT 1-1

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày ... tháng ... năm ...
Chức vụ ...
Trung tá Lã Quang Trường

CTY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TRƯỜNG VIỆT NAM

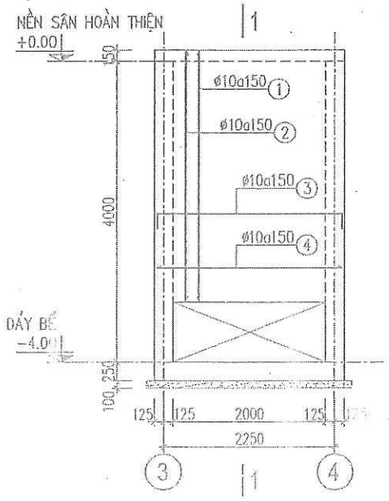
CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-2 (SL : 04)

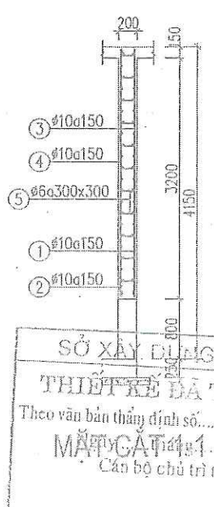




MẶT CẮT 1-1

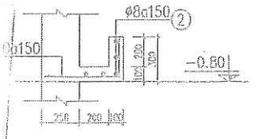
CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-3 (SL : 02)





MẶT CẮT 2-2

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Theo văn bản thẩm định số ... /KQTĐ-SXD
ngày ... tháng ... năm 20...
Cán bộ chủ trì thẩm định



CHI TIẾT 1

TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NÔNG THÔN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ĐỘI TRẦN NHƯ QUÁN
HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
HKTHY
ĐỊA CHỈ: SỐ 655 - ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.579.269 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

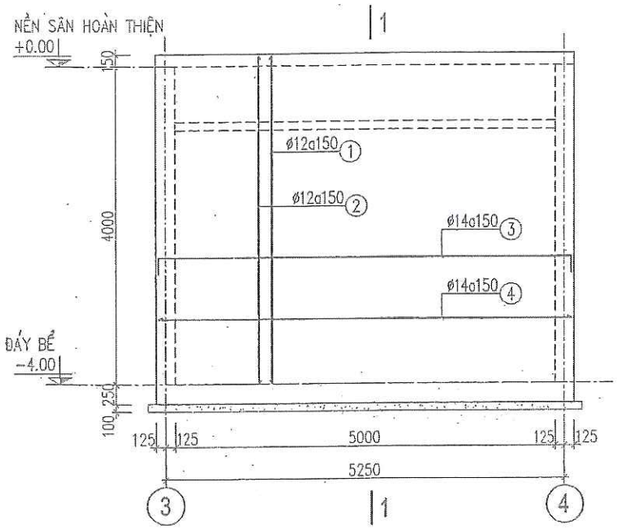
HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

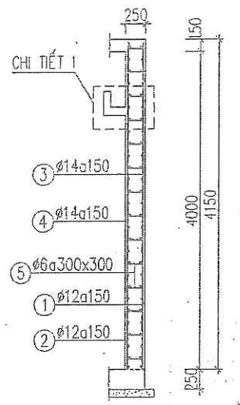
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT VÁCH BỂ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2018	KC-BHK-06

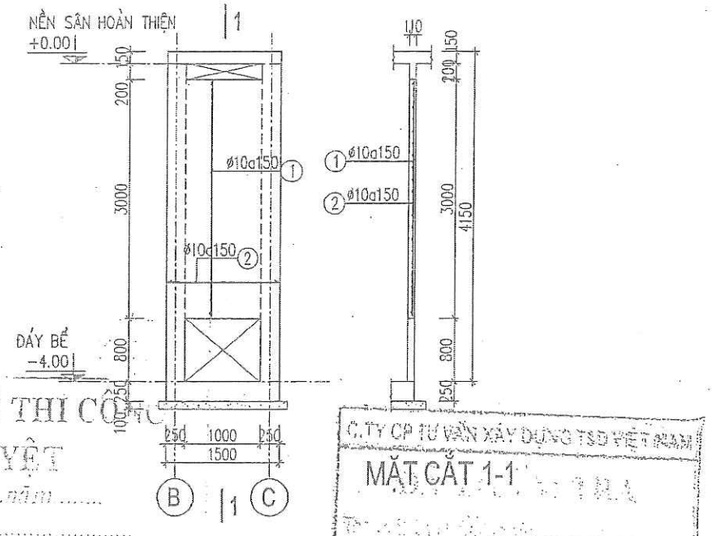
CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-4 (SL : 02)





MẶT CẮT 1-1

CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-5 (SL : 02)

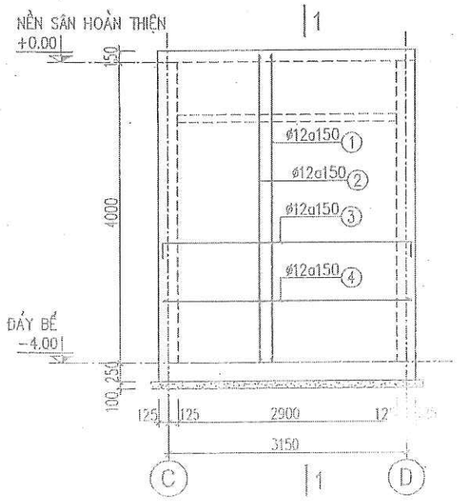


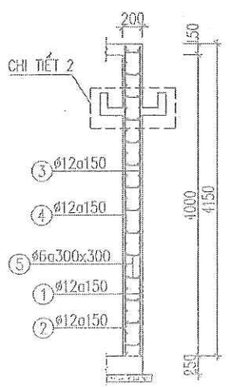
MẶT CẮT 1-1

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Chức vụ: .....
Trung tá Lã Quang Trung

C.TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TSD VIỆT NAM
MẶT CẮT 1-1

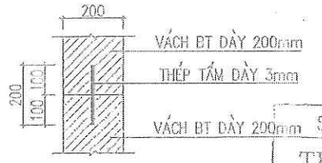
CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-7 (SL : 01)





MẶT CẮT 1-1

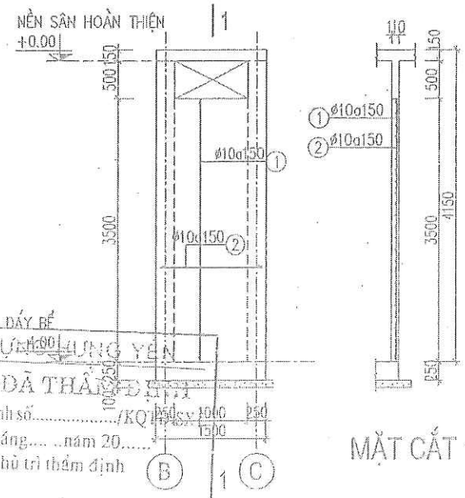
CHI TIẾT 2



CHI TIẾT MẠCH NGỪNG

- MẠCH NGỪNG Ở CÁC CAO ĐỘ -3.60, -2.60, -1.60, -0.60.

CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP VÁCH BỂ V-6 (SL : 02)



MẶT CẮT 1-1

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQ-.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Của bộ phận chủ trì thẩm định

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
DVC: SỐ 168 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.889.269 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT VÁCH BỂ

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
TỶ LỆ:
SỐ BẢN VẼ: KC-BHK-07
NĂM: 2015

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
BỆ ĐỠ Số lượng: 4	1	8640	12	8640	17	68	587.52	521.61
	2	2440	12	2440	58	232	566.08	502.57
	3	240 8460 240	12	8940	17	68	607.92	539.72
	4	240 2440 240	12	2920	58	232	677.44	601.44
	5	150 240 150 240 150	10	930	63	252	234.36	144.49
ĐÁY BỂ Số lượng: 1	1	5440	14	5440	126	126	685.44	828.30
	2	18790	14	19210	37	37	710.77	858.90
	3	190 5440 190	14	5820	126	126	733.32	886.15
	4	190 18790 190	14	19590	37	37	724.83	875.89
	5	150 190 150 190 150	10	830	284	284	235.72	145.33
	6	400 950	12	1350	646	646	872.1	774.26
	7	300 550 300	10	1150	325	325	373.75	230.43
NẮP BỂ Số lượng: 1	1	5440	10	5440	90	90	489.6	301.86
	3	18790	10	19090	26	26	496.34	306.01
	2	190 5440 190	10	5820	90	90	523.8	322.94
	4	190 18790 190	10	19470	26	26	506.22	312.10
	5	150 100 150 100 150	10	650	284	284	184.6	113.81
	C1.1	2120	12	2120	4	4	8.48	7.53
	C2.1	1320	12	1320	4	4	5.28	4.69
	C1.2	1350	12	1350	8	8	10.8	9.59
	C2.2	2450	12	2450	4	4	9.8	8.70
	C1.3	1400	12	1400	12	12	16.8	14.92
	C2.3	2430	12	2430	8	8	19.44	17.26
	Đ1	110 100 60	6	540	110	110	59.4	13.18
	Đ	110 200 60	6	740	16	16	11.84	2.63
VÁCH V1 Số lượng: 2	1	4100	12	4100	124	248	1016.8	902.73
	2	4100	12	4100	124	248	1016.8	902.73
	3	190 18800 190	12	19540	27	54	1055.16	936.79
	4	18800	12	19160	27	54	1034.64	918.57
	5	60 210 60	6	330	810	1620	534.6	118.66
VÁCH V2 Số lượng: 4	1	4100	12	4100	37	148	606.8	538.73
	2	4100	12	4100	37	148	606.8	538.73
	3	190 5440 190	12	5820	27	108	628.56	558.04
	4	5440	12	5440	27	108	587.52	521.61
	5	60 210 60	6	330	260	1040	343.2	76.17
VÁCH V3 Số lượng: 2	1	3300	10	3300	17	34	112.2	69.18
	2	3300	10	3300	17	34	112.2	69.18
	3	200 2440 200	10	2840	22	44	124.96	77.04
	4	2440	10	2440	22	44	107.36	66.19
	5	60 160 60	6	280	90	180	50.4	11.19
VÁCH V4 Số lượng: 2	1	4100	12	4100	37	74	303.4	269.36
	2	4100	12	4100	37	74	303.4	269.36
	3	190 5440 190	12	5820	27	54	314.28	279.02
	4	5440	12	5440	27	54	293.76	260.80
	5	60 210 60	6	330	260	520	171.6	38.09
VÁCH V5 Số lượng: 2	1	2960	10	2960	10	20	59.2	36.50
	2	1440	10	1440	20	40	57.6	35.51
VÁCH V6 Số lượng: 2	1	3460	10	3460	10	20	69.2	42.66
	2	1440	10	1440	23	46	66.24	40.83
VÁCH V7 Số lượng: 1	1	4100	12	4100	23	23	94.3	83.72
	2	4100	12	4100	23	23	94.3	83.72
	3	150 3340 150	12	3640	28	28	101.92	90.49
	4	3340	12	3340	28	28	93.52	83.03
CT1 Số lượng: 1	1	300 500	10	800	106	106	84.8	52.28
	2	15800	8	15800	5	5	79	31.17
CT2 Số lượng: 1	1	300 800 300	10	1400	29	29	40.6	25.03
	2	3400	8	3400	10	10	34	13.42
DẦM D1 Số lượng: 1	1	360 5460 360	18	6180	3	3	18.54	37.04
	2	5460	18	5460	3	3	16.38	32.72
	Đ	360 180 60	8	1200	35	35	42	16.57
MN Số lượng: 1	1	Thép bản 64700x200x3			1	4	51.76 m2	1218.95
GIA CƯỜNG ỐNG Số lượng: 10	1	Thép bản 400x400x4			1	10	1.6 m2	50.24
	2	600	12	600	8	80	48	42.62
TD1 Số lượng: 16	1	60 860 60	8	980	7	70	68.6	27.07
	2	60 860 60	8	980	7	70	68.6	27.07
TD2 Số lượng: 2	1	60 860 60	8	980	12	12	11.76	4.64
	2	60 1660 60	8	1780	7	7	12.46	4.92
TD3 Số lượng: 2	1	60 1260 60	8	1380	9	18	24.84	9.80
	2	60 1260 60	8	1380	9	18	24.84	9.80

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 259.92 kg; Chiều dài = 1171.04 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 144.46 kg; Chiều dài = 366.1 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 2383.61 kg; Chiều dài = 3866.15 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 10282.34 kg; Chiều dài = 11581.62 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ14 = 3449.24 kg; Chiều dài = 2854.36 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ18 = 69.76 kg; Chiều dài = 34.92 mét
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 3 mm = 1218.95 kg
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 4 mm = 50.24 kg

C.TY ... VẤN XÂY DỰNG TRỜ VIỆT NAM
ĐÃ KIỂM TRA
...

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTD-SXL
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Trung tá Lã Quang Trung

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
ĐT: 0912.679.789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

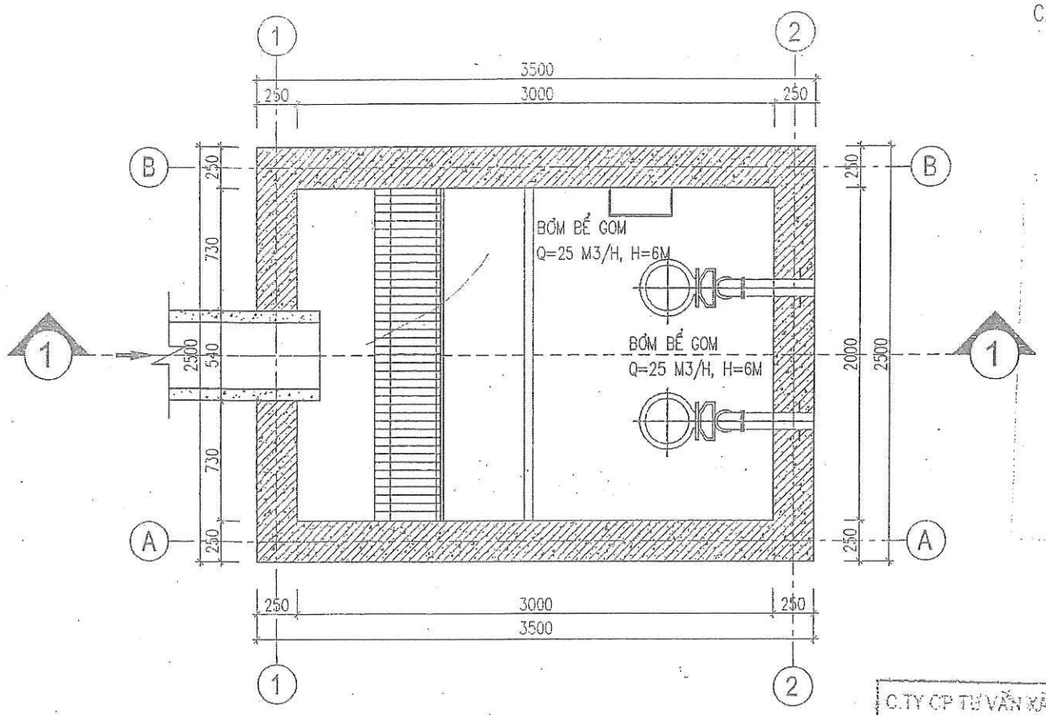
HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI + TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
THỐNG KÊ THÉP

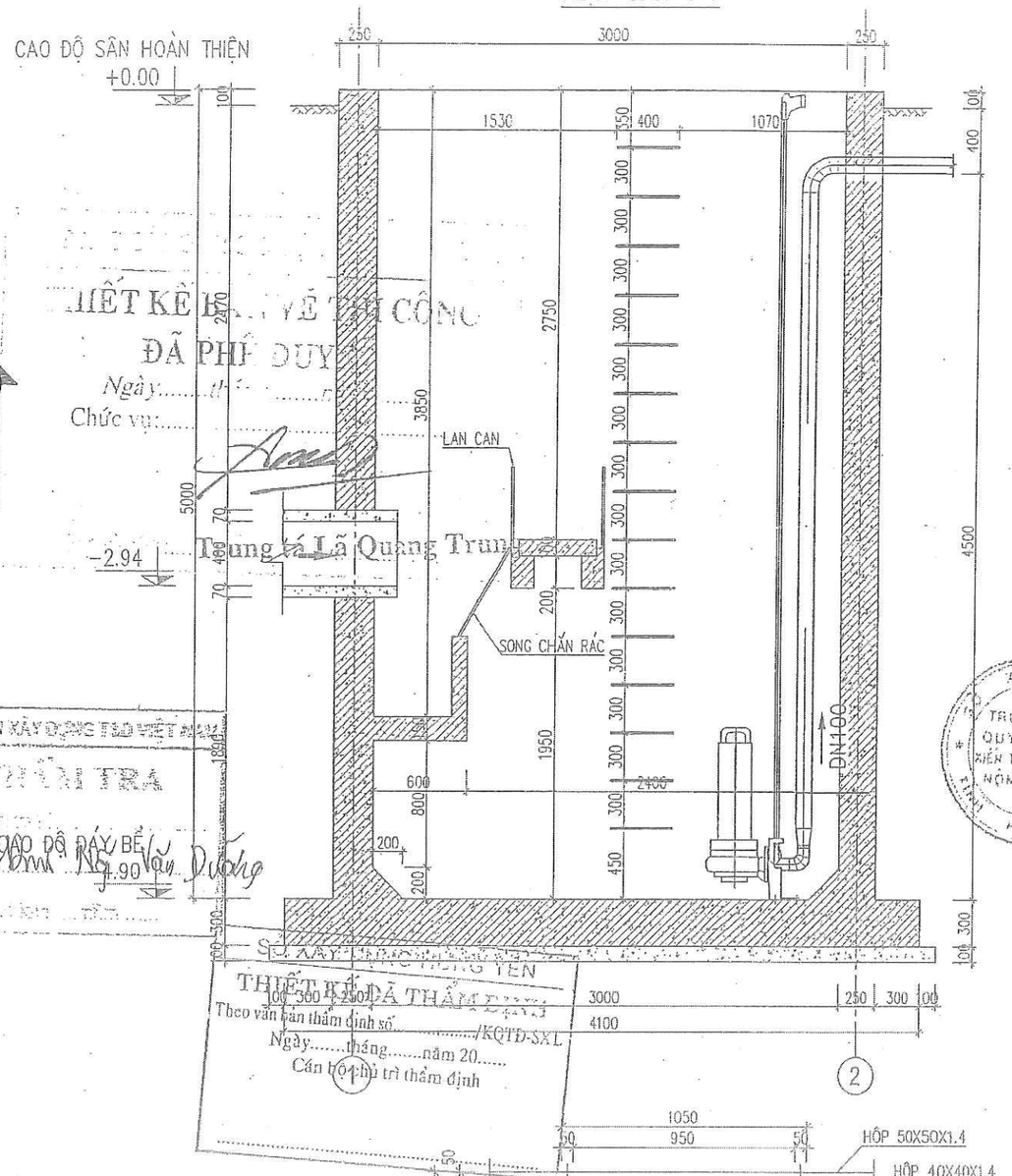
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-BHK-08

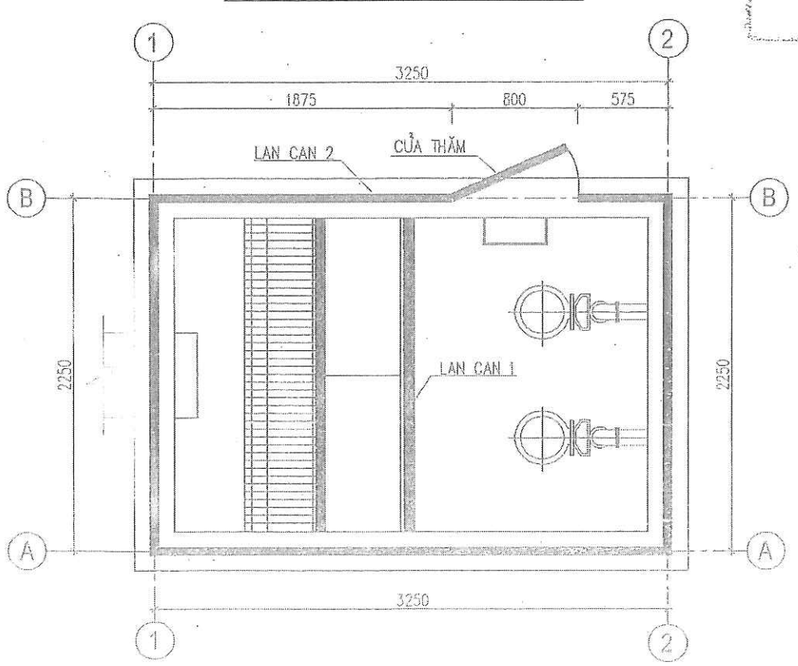
MẶT BẰNG HỐ THU GOM



MẶT CẮT 1-1

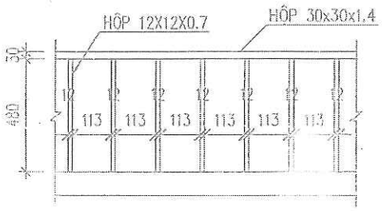


MẶT BẰNG BỐ TRÍ LAN CAN



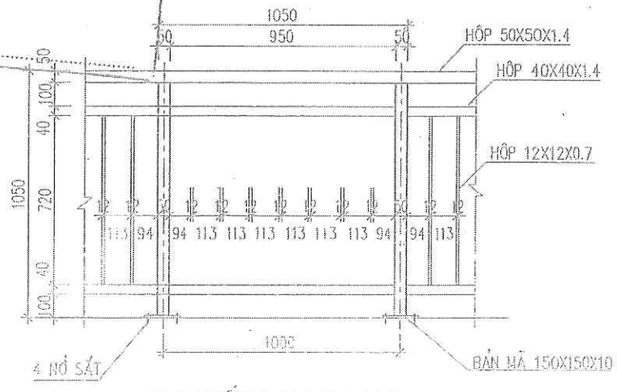
CHI TIẾT LAN CAN 1

L=2M SL= 02



CHI TIẾT LAN CAN 2

L=7,34M



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ TRẦN HƯNG ĐẠO
HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 665 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912.879.789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

THIẾT KẾ:
KS. ĐOÀN MẠNH THẮNG

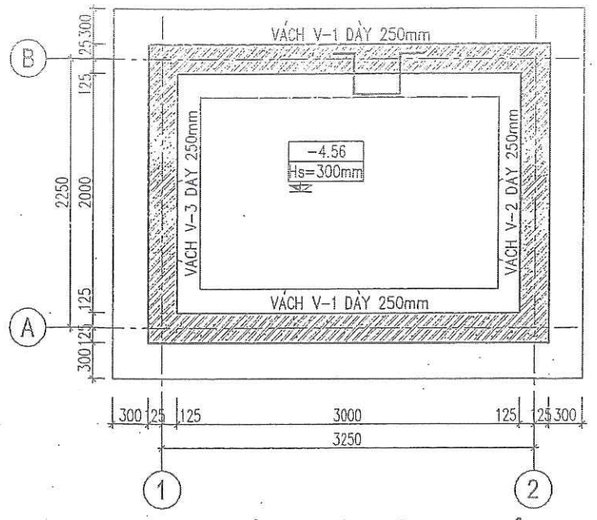
KIỂM TRA:
KS. TRẦN ANH KHOA

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

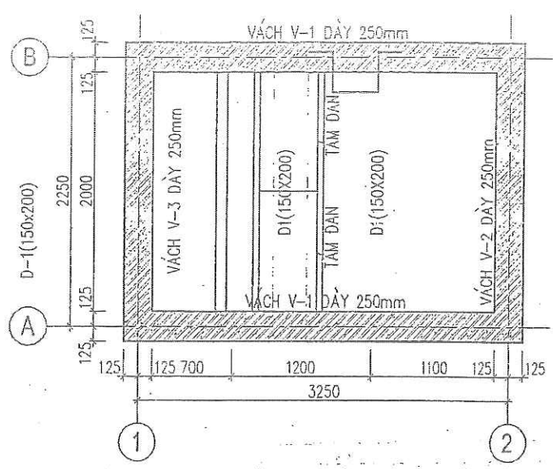
TÊN BẢN VẼ:
HỐ THU GOM

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

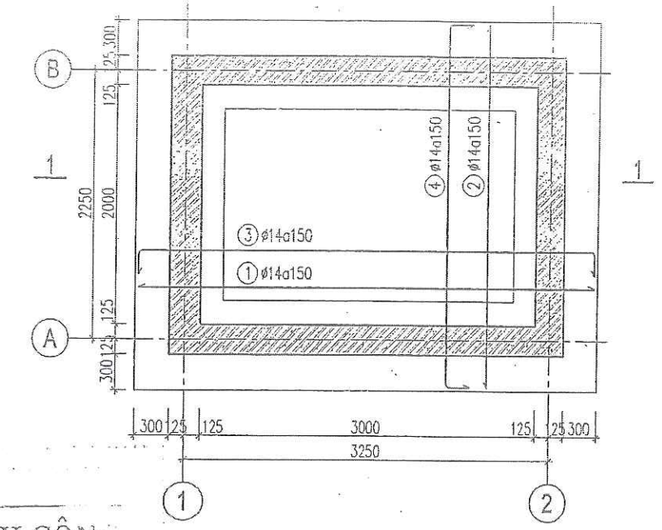
TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	CN-HTG-01



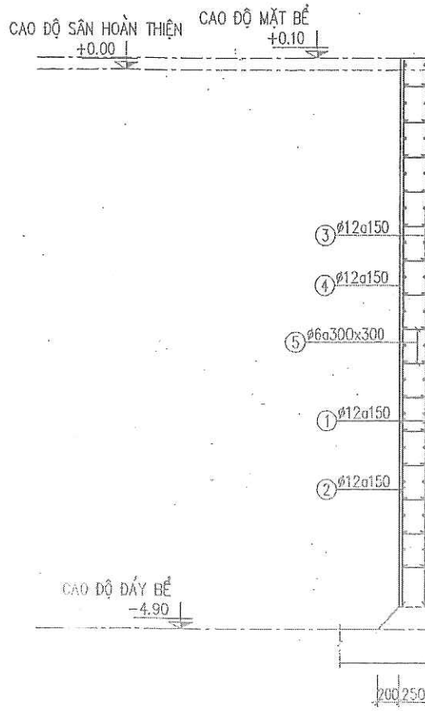
MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY BỂ



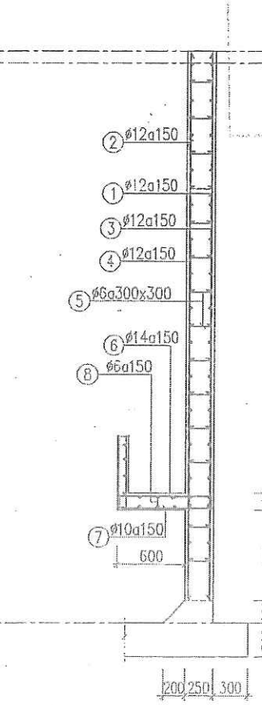
MẶT BẰNG KẾT CẤU BỂ
TẠI CAO ĐỘ 2.375



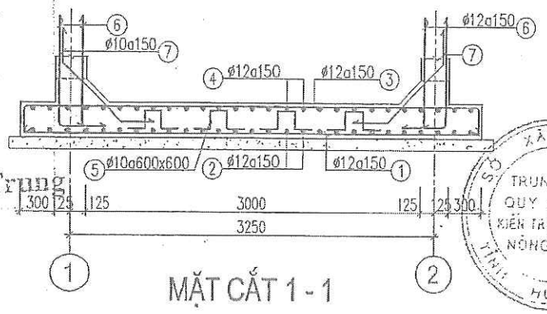
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐÁY BỂ



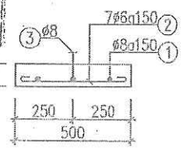
CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP
VÁCH BỂ V-1 (SL : 02)
VÁCH BỂ V-2 (SL : 01)

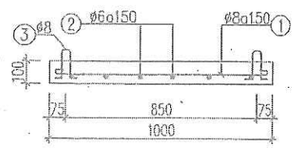


CHI TIẾT BỐ TRÍ CỐT THÉP
VÁCH BỂ V-3 (SL : 01)

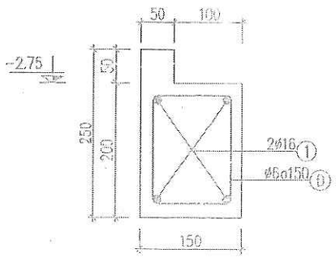


MẶT CẮT 1 - 1





CHI TIẾT TẤM ĐAN
SL: 02



CHI TIẾT DẦM D1
L=2500 SL: 02

ĐỒ ÁN THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày...
Chức vụ:
Trung tá Lã Quang Trung

CTY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ... VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...
Ngày...
Người thẩm tra: Bùi Mạnh Dũng

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số...../KQTĐ-SXD
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NÔNG THÔN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 465 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - TP HƯNG YÊN - HƯNG YÊN
TEL: 0912879789 FAX:

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ:
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KẾT CẤU BỂ
CHI TIẾT VÁCH HỐ THU GOM

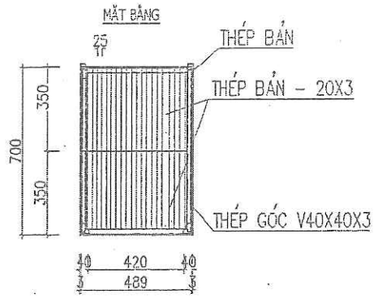
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

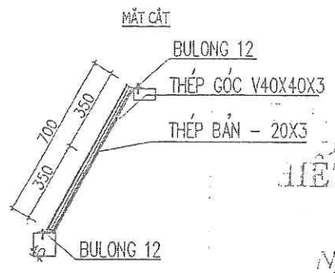
TỶ LỆ:
SỐ BẢN VẼ: KC-HTG-02

HOÀN THÀNH: 2015

CHI TIẾT SONG CHẮN RÁC

SỐ LƯỢNG: 04 CÁI





GHI CHÚ

SONG CHẮN RÁC TOÀN BỘ ĐƯỢC LÀM BẰNG THÉP KHÔNG GỈ

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
ĐÁY BỂ Số lượng: 1	1	4040	12	4040	21	21	84.84	76.09
	2	3040	12	3040	28	28	85.12	76.34
	3	240 | 4040 | 240	14	4520	21	21	94.92	185.87
	4	240 | 3040 | 240	14	3520	28	28	98.56	120.32
	5	150 190 150 190 150	10	830	24	24	19.92	12.41
	6	250 | 1100	12	1350	80	80	108	96.86
	7	300 700 300	10	1300	40	40	52	32.39
VÁCH BỂ V1 Số lượng: 2	1	4760	12	4760	24	48	228.48	201.92
	2	4760	12	4760	20	40	190.4	170.76
	3	3460	12	3460	30	60	207.6	186.19
	4	3460	12	3460	30	60	207.6	186.19
	5	60 210 60	6	330	192	384	126.72	28.41
VÁCH BỂ V2 Số lượng: 1	1	4760	12	4760	17	17	80.92	72.57
	2	4760	12	4760	14	14	66.64	59.77
	3	2460	12	2460	30	30	73.8	66.19
	4	2460	12	2460	30	30	73.8	66.19
	5	60 210 60	6	330	132	132	43.56	9.77
VÁCH BỂ V3 Số lượng: 1	1	4760	12	4760	17	17	80.92	72.57
	2	4760	12	4760	14	14	66.64	59.77
	3	2460	12	2460	30	30	73.8	66.19
	4	2460	12	2460	30	30	73.8	66.19
	5	60 210 60	6	330	132	132	43.56	9.77
	6	90 790 90	14	970	14	14	13.58	16.58
	7	790	10	790	14	14	11.06	6.89
	8	2440	6	2440	8	8	19.52	4.33
THÀNH DẦM D1 Số lượng: 2	1	60 960 60	8	1080	4	8	8.64	3.44
	2	60 460 60	6	580	6	12	6.96	1.56
	3	75 250 100 250 100	8	935.5	2	4	3.742	1.49
THÀNH DẦM D2 Số lượng: 2	1	2460	16	2460	4	8	19.68	31.38
	Đ	180 110 60	6	700	17	34	23.8	5.34
THANG Số lượng: 1	1	200 350 400 350 200	22	1500	15	15	22.5	67.83
LAN CAN 2 Số lượng: 1	1	Thép hộp 50x50x1.4		7340	1	1	7.34	15.68
	2	Thép hộp 40x40x1.4		14680	1	1	14.68	24.91
	3	Thép hộp 50x50x1.4		1000	8	8	8	17.09
	4	Thép hộp 12x12x0.7		720	52	52	37.44	9.30
	5	Thép bản 150x150x10			8	8	0.18 m2	14.13
CỬA THU NƯỚC MƯA Số lượng: 2	1	Thép bản 400x400x4			1	2	0.32 m2	10.05
	2	600	12	600	8	16	9.6	8.61
CỬA THU NƯỚC THẢI Số lượng: 2	1	Thép bản 11000x200x3			1	4	8.8 m2	207.24
LAN CAN 1 Số lượng: 1	1	Thép hộp 12x12x0.7		2000	1	2	4	0.59
	2	Thép hộp 12x12x0.7		480	18	36	17.28	4.29
SONG CHẮN RÁC Số lượng: 4	1	LDC 40x3 Thép góc		500	2	8	4	7.40
	2	LDC 40x3 Thép góc		700	2	8	5.6	10.36
	3	Thép bản 20x694x3			20	80	1.1104 m2	26.15
	4	Thép bản 40x80x3			4	16	0.0512 m2	1.21
	5	Thép bản 10x500x10			4	16	0.08 m2	6.28
BULONG		Thép bản 0x0x0			4	16	0 m2	0.00

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 59.23 kg; Chiều dài = 264.12 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 4.93 kg; Chiều dài = 12.38 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 51.69 kg; Chiều dài = 82.98 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 1535.4 kg; Chiều dài = 1711.96 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ14 = 252.77 kg; Chiều dài = 207.06 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 31.38 kg; Chiều dài = 19.68 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ22 = 67.83 kg; Chiều dài = 22 mét
- Trọng lượng Thép góc: L40x3 = 17.76 kg; Chiều dài = 9.6 mét
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 10 mm = 20.41 kg
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 4 mm = 10.05 kg
- Trọng lượng thép bản có chiều dày 3 mm = 234.6 kg
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxd=50x50x1.4: = 32.77 kg; Chiều dài = 15.34 mét
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxd=40x40x1.4: = 24.91 kg; Chiều dài = 14.68 mét
- Trọng lượng thép ống vuông có BxHxd=12x12x0.7: = 14.58 kg; Chiều dài = 58.72 mét

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Ngày.....
Chức vụ.....
Trung tá Lã Quang Hưng
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐÃ THẨM TRA
Số đăng ký.....
Ngày.....
Cán bộ thẩm tra.....
SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản thẩm định số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Cán bộ chủ trì thẩm định

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH KHAI MỞ RỘNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH
HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
TỔNG CÔNG TY 319

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CHI NHÁNH HƯNG YÊN
TỔNG CÔNG TY 319

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: SỐ 465 - Đ. NGUYỄN VĂN LINH - P. HƯNG YÊN - T. HƯNG YÊN
ĐT: 0321.2210.169 FAX:

GIÁM ĐỐC
KS. BÙI XUÂN QUANG

CHỦ NHIỆM:
KS. TRẦN ANH KHOA

CHỦ TRÌ:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

THIẾT KẾ
KS. PHẠM VĂN QUÂN

KIỂM TRA:
KS. NGUYỄN VĂN ĐẠT

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
+ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT SONG CHẮN RÁC
THỐNG KÊ THÉP HỐ THU GOM

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ:	SỐ BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2015	KC-HTG-03